

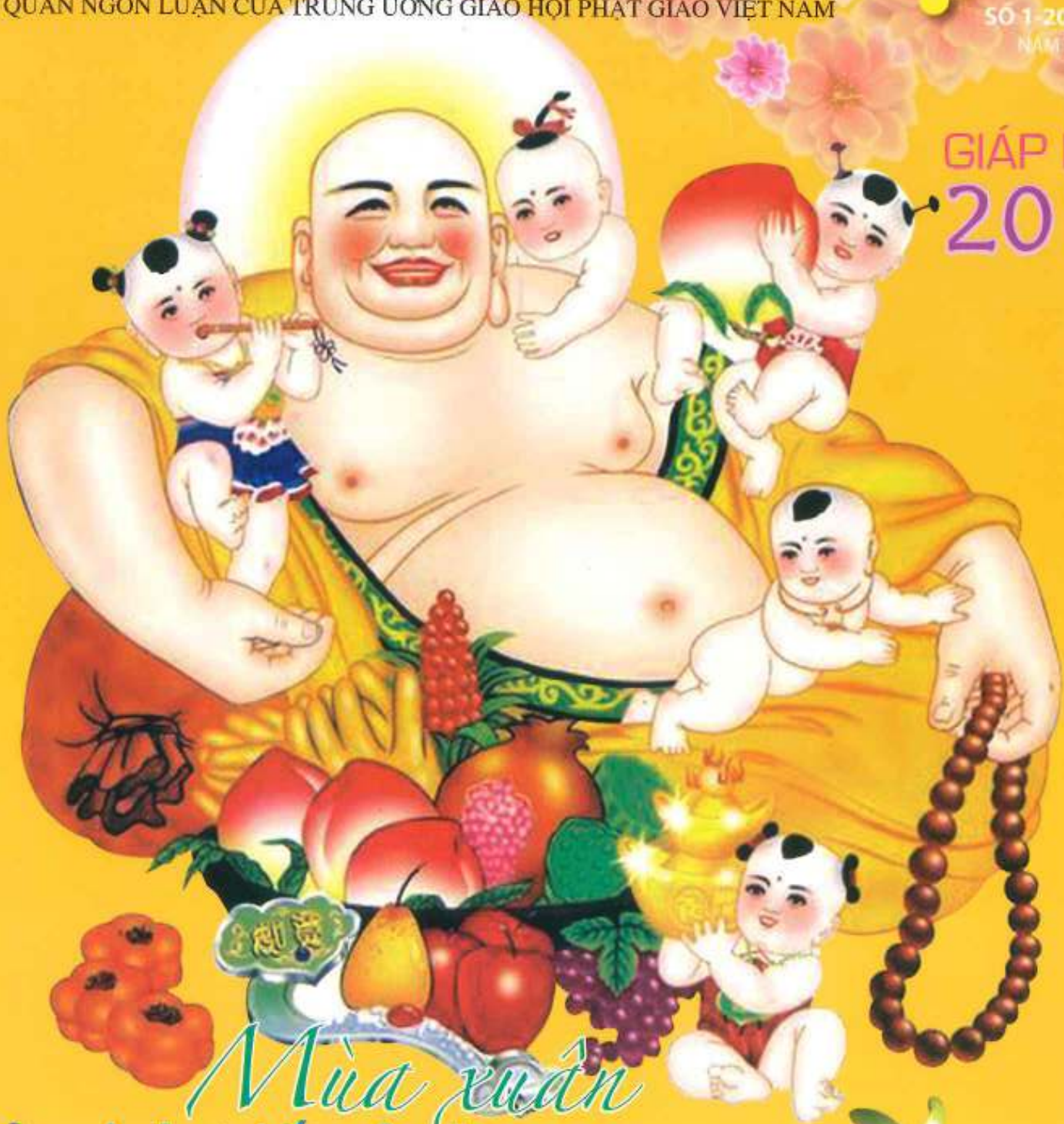
TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU

PHẬT HỌC

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

SỐ 1-2014 (124)
NAM THỨ 24

GIÁP NGỌ
2014



Mùa xuân

và minh triết của hoa

NHỮNG GIÁ TRỊ PHẬT GIÁO

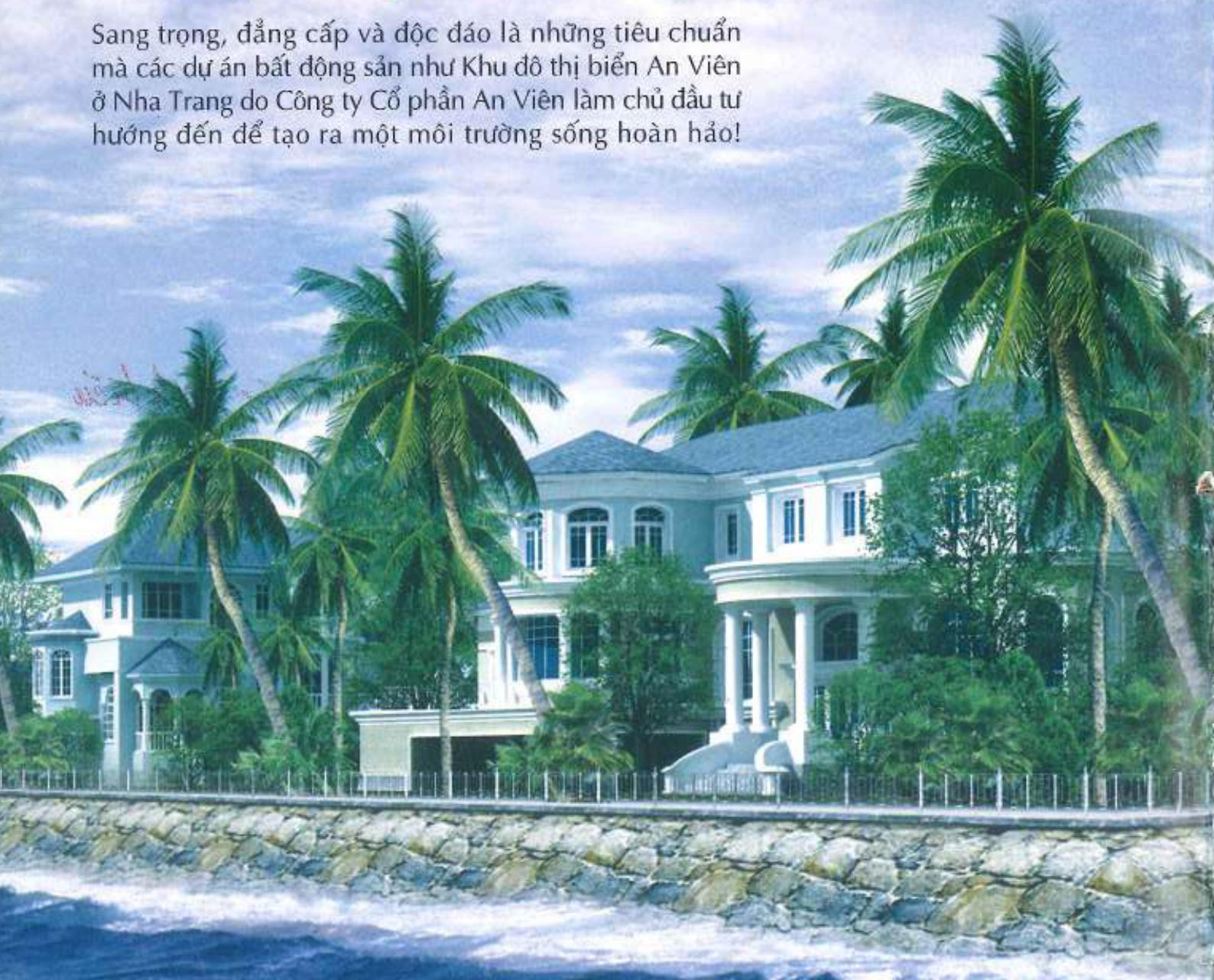
Cần được phát huy trong thời đại ngày nay

Lời giáo huấn của các bậc Cao tăng



Cuộc sống hoàn hảo

Sang trọng, đẳng cấp và độc đáo là những tiêu chuẩn mà các dự án bất động sản như Khu đô thị biển An Viên ở Nha Trang do Công ty Cổ phần An Viên làm chủ đầu tư hướng đến để tạo ra một môi trường sống hoàn hảo!



AN VIÊN GROUP

Tọa sở: 78 Trần Phú, Nha Trang, Khánh Hoà • ĐT: 058-524828 • Fax: 058-524541
VPĐD Tại TP.HCM: 24 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1 • ĐT: 08-8236699 • Fax: 08-8236688
Mrs.Loc: 0903456094 • Email: myloc@anviengroup.com
Website: www.anviengroup.com





Hội đồng cố vấn
 Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ
 Giáo sư VŨ KHIÊU
 Giáo sư HÀ VĂN TẤN
 Giáo sư PHẠM MINH HẠC
 Cư sĩ TRẦN KHÁNH DƯ
 Ông BUI HỮU DƯỢC

Tổng Biên tập
 Hòa thượng THÍCH GIA QUANG

Phó Tổng Biên tập
 Hòa thượng THÍCH THANH NHIỀU
 Đại đức THÍCH ĐỨC THIÊN
 Cư sĩ PHẠM NHẬT VŨ

Ban Biên tập
 GIỚI MINH
 THÍCH ĐÀM HÌNH
 BẢO CHÂN

Trình bày
 LÊ MẠNH THẮNG

Phụ trách hình ảnh
 PHÙNG ANH TUẤN

Toà soạn và trị sự
 CHÙA QUÁN SỨ
 Số 73 phố Quán Sứ, Hà Nội
 Điện thoại: 04. 39423887
 Email: phathocvietnam@gmail.com
 Tài khoản: 102010000032825 - Sở Giao dịch I
 Ngân hàng Công thương Việt Nam

Đại diện phía Nam
 CHÙA VĨNH NGHIÊM
 Số 339, Nam Kỳ khởi nghĩa, P.7, Q.3, TP. HCM
 Đại đức THÍCH THANH PHONG
 Điện thoại: 08. 38 483 153
 Email: vinhnghiemvn@yahoo.com

Giấy phép xuất bản
 Số 01/GP-BVHTT ngày 02/01/2002

Chế bản và in tại
 Công ty Cổ phần In nhanh Hoàng Minh
 Giá: 25.000đ



Kinh biểu



Ảnh bìa 1: PHÙNG ANH TUẤN

TRONG SỔ NÀY



Thư chúc Tết của đức Pháp chủ.....	3
Thư chúc Tết của Tạp chí Nghiên cứu Phật học.....	4

GIÁO LÝ

Lời giáo huấn của các bậc Cao tăng.....	5
Những giá trị Phật giáo cần được phát huy trong thời đại ngày nay.....	8
Một số hoạt động Phật sự và Đại lễ Vesak 2014.....	12
Suy nghĩ về ngày Đức Phật thành đạo.....	14
Phật tính vị tha trong đời sống tinh thần hiện đại.....	20
Mùa Xuân và minh triết của hoa.....	23
Câu đối Tết.....	26

LỊCH SỬ TRIẾT HỌC

Hằng tâm là cái vĩnh hằng.....	27
Tính chất luận thuyết trong "Phổ khuyến phát Bồ Đề tâm" của Trần Thái Tông.....	30
Thơ "Xuân hỉ lạc".....	32

TRAO ĐỔI

Thay đổi số mệnh.....	33
Một vài nét về Giáo dục hòa bình từ Myanmar - một đất nước Phật giáo.....	36
Xin xăm đầu xuân.....	38
Ngày xuân nói chuyện văn hoá tâm linh.....	40

PHẬT GIÁO VÀ ĐỜI SỐNG

Hãy tạo duyên Phật Pháp cho thế hệ trẻ.....	43
Mùa xuân Di lạc.....	44
Điều vui thích nhất.....	45
Những điều tốt đẹp hạnh phúc mang lại cho chúng ta.....	46

SUY NGẪM

Kinh gây thúc ngựa trích từ Đại Tạng kinh.....	52
Bài học từ vị Điều Mã Sư & Đức Phật.....	54
Thơ "Trúc Lâm Yên tử".....	55
Chuyện nhà người đánh xe ngựa.....	56

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Rạo rức niềm xuân.....	57
------------------------	----

SƯƠNG MAI

A di đà Phật, âm ba vi diệu.....	59
Tách trà kì diệu.....	61

HƯƠNG VỀ NGUỒN CỘI

Đón Tết cùng bà con kiều bào nơi những ngôi chùa Việt xa xứ.....	62
--	----

PHẬT GIÁO TRONG NƯỚC.....	66
---------------------------	----

PHẬT GIÁO THẾ GIỚI.....	68
-------------------------	----

THƯ KẾT NỐI.....	70
------------------	----

SƯU TẦM TRỌN BỘ.....	72
----------------------	----



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH

**THƯ CHÚC TẾT CỦA ĐỨC PHÁP CHỦ
HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
GỬI CHƯ TĂNG NI PHẬT TỬ VIỆT NAM Ở TRONG NƯỚC
VÀ NƯỚC NGOÀI**

Hà Nội, ngày 01 tháng Giêng năm Giáp Ngọ

Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Kính gửi: Các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Chư tôn đức Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng Ni, cư sĩ phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài.

Nhân dịp chào đón xuân mới Giáp Ngọ, Dương lịch 2014, Phật lịch 2557, thay mặt Ban thường trực Hội đồng chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Tôi có lời thăm hỏi ân cần và chúc mừng năm mới đại hoan hỷ, vô lượng an lạc, thành tựu mọi phật sự tới các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Chư tôn đức Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng Ni, cư sĩ phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài.

Năm Quý Tỵ 2013 đã trôi qua, các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã đạt được nhiều phật sự quan trọng trong hoàng dương Phật pháp chăm lo cho đồng bào phật tử, phát triển tổ chức Giáo hội, cũng như đóng góp công sức và trí tuệ góp phần xây dựng đất nước Việt Nam phồn vinh, thịnh vượng. Là năm đầu thực hiện nghị quyết Đại hội VII để ra, tôi thấy các cấp Giáo hội đã kiện toàn tổ chức nhân sự theo hướng: lượng tài năng tinh chấp sự, vừa kế thừa để ổn định Giáo hội, vừa trẻ hóa tạo sự năng động mới thúc đẩy các hoạt động phật sự ở trong nước và ở nước ngoài đáp ứng với yêu cầu của xã hội trong thời đại hội nhập quốc tế.

Xuân về trăm hoa nở, chào đón xuân Giáp Ngọ, bước vào năm mới 2014, Tăng ni, phật tử phấn khởi trong niềm hỷ lạc vô biên của đức Phật Di Lặc với nguồn năng lượng từ bi, trí tuệ để có những sáng tạo trong các hoạt động phật sự ở tất cả các cấp Giáo hội và các địa phương, hướng về Đại lễ Phật đản Liên hợp quốc - Vesak 2014

sẽ tổ chức lần thứ 2 tại Việt Nam. Phật sự trọng đại này khẳng định vai trò của Phật giáo Việt Nam trong hội nhập quốc tế, đồng thời khẳng định vị thế, trách nhiệm của Việt Nam đối với Liên hợp quốc.

Bước sang Xuân mới, trong năm 2014 chúng ta cùng nhau kỷ niệm 60 năm Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ vĩ đại đã từng chấn động địa cầu, và chúng ta cũng chào đón bản Hiến pháp mới được sửa đổi đã được Quốc hội thông qua theo ý chí, nguyện vọng của tất cả các tầng lớp nhân dân, trong đó có giới Tăng ni, phật tử Việt Nam. Tôi tin tưởng rằng các cấp Giáo hội và Tăng ni, phật tử sẽ thi đua thực hiện nhiều hoạt động Phật sự ích Đạo, lợi Đời góp phần xây dựng đất nước Việt Nam hùng cường, khẳng định vị thế trong khu vực và trên thế giới. Nhân dịp xuân mới Giáp Ngọ, thay mặt chư tôn đức lãnh đạo Giáo hội, Tôi bày tỏ sự cảm ơn sâu sắc đối với sự quan tâm giúp đỡ của các cấp lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận tổ quốc Việt Nam đối với các hoạt động phật sự của Tăng ni, phật tử các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam và gửi lời kính chúc năm mới tới các Quý vị lãnh đạo, cùng toàn thể nhân dân đón Xuân Giáp Ngọ: **An Khang, Thịnh vượng!**
Nam Mô hoan hỷ tạng Bồ tát ma ha tát!

**ĐỨC PHÁP CHỦ
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
(Đã ký)**

Trưởng lão Hòa thượng
Thích Phổ Tuệ



THƯ CHÚC TẾT CỦA TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC

Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Kính bạch toàn thể các bậc Chư tôn thiên đức, các quý tăng ni phật tử, cư sĩ, các bậc thiện tri thức cùng đồng bào trong và ngoài nước.

Vậy là một mùa xuân mới đã về trên khắp năm châu và trên khắp mọi miền đất nước. Nhân dịp đón xuân Di Lạc, Tạp chí Nghiên cứu Phật học xin kính chúc Chư tôn đức Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức, Tăng ni, phật tử, các bậc trí giả cùng quý đạo hữu, bạn đọc xa gần một năm mới an lành trong sáng sáng từ bi trí tuệ của chư Phật mười phương, vạn sự cát tường và tinh tấn tu tập, cùng gieo thêm nhiều hạt giống thiện lành trên cánh đồng phước báu nhiệm màu!

Thưa quý bạn xa gần!

Năm Quý Tỵ đã khép lại cùng những nỗ lực không ngừng của tập thể Tạp chí Nghiên cứu Phật học và sự đóng góp của các bậc trí giả, đồng bào phật tử. Được sự hỗ trợ của chư Phật, sự chỉ đạo của các bậc Chư tôn giáo phẩm, sự trợ duyên của các bậc thiện tri thức, năm qua Tạp chí Nghiên cứu Phật học vẫn tiếp tục hoàn thành tốt trọng trách của mình. Bên cạnh việc phổ biến, nâng cao kiến thức Phật giáo dành cho những người sơ cơ cũng như người học tập, nghiên cứu và tu hành, tạp chí đã luôn theo sát tình hình Giáo hội với mọi hoạt động phật sự trong và ngoài nước. Nhiều bài học quý, kiến thức quan trọng cùng những thông tin hữu ích đã được tạp chí truyền thông đến quảng đại quần chúng một cách thiết thực và hiệu quả nhất.

Tích cực tham gia các hoạt động của Giáo hội, cùng hưởng ứng và đồng tổ chức một số những hội thảo khoa học về Phật giáo, luôn theo sát những hoạt động của các ngôi chùa của người Việt ở khắp nơi trên thế giới... chính phương châm hoạt động này đã giúp Tạp chí Nghiên cứu Phật học trở thành chiếc cầu nối gắn kết giữa Giáo hội với các bậc thiện tri thức cũng như đồng bào phật tử trong và ngoài nước, ngày càng làm sáng tỏ hơn truyền thống đoàn kết, khoan hòa của dân tộc, đạo pháp được xương minh.

Năm 2013 đã khép lại, năm 2014 vừa mở cửa với rất nhiều những sự kiện Phật giáo trọng đại cùng những cơ hội mới sẽ đến với đất nước, với Giáo hội Phật giáo và toàn thể đồng bào phật tử. Trong đó, đặc biệt phải kể đến là

sự kiện Đại lễ Phật đản Liên hợp quốc Vesak tổ chức vào tháng 5/2014, sẽ diễn ra tại Bái Đính - Ninh Bình.

Với mong muốn tiếp tục xiển dương Phật pháp, Tạp chí Nghiên cứu Phật học sẽ tiếp tục đổi mới không ngừng về nội dung cũng như hình thức, nâng cao chất lượng ấn phẩm nhằm đáp ứng mong muốn và sự hài lòng của bạn đọc gần xa.

Nhân dịp đón năm mới, Ban Biên tập trân trọng tri ân sự hoan hỷ trợ duyên và đóng góp của toàn thể quý Hòa thượng, Thượng tọa, Chư tôn thiên đức, Tăng ni, cư sĩ, phật tử cùng các bậc học giả. Chúng tôi mong muốn tiếp tục nhận được nhiều hơn nữa sự cộng tác nhiệt tình, hiệu quả của toàn thể quý vị để tạp chí ngày một đổi mới cả về nội dung lẫn hình thức, đồng thời tăng thêm số lượng; điểm và phạm vi phát hành, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, thông tin Phật giáo cho Tăng ni và quần chúng phật tử. Hy vọng với sự hoan hỷ trợ duyên và phát tâm tùy hỷ của tất cả quý vị, phật sự này sẽ thành tựu viên mãn.

Xin thành kính tri ân và kính chúc các bậc Chư tôn giáo phẩm, các bậc trí giả, các cộng tác viên, quý phật tử trong và ngoài nước cùng bạn đọc gần xa đón một mùa xuân mới an lạc, cát tường.

Nam Mô hoan hỷ tạng Bồ Tát ma ha Tát!

BAN BIÊN TẬP TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC



Lời giáo huấn của các bậc Cao tăng

Có những triết gia, nhà tư tưởng, nhà văn, nhà thơ, nhà văn hóa, lãnh đạo tôn giáo, các bậc cao tăng Thạc đức Phật giáo, mà sự nghiệp tu hành, đạo học là tấm gương soi để hậu thế chiếu rọi, học tập làm theo.

Nhân dịp Xuân Giáp Ngọ 2014, Tạp chí Nghiên cứu Phật học xin được trích thuật lời của một số quý vị Hoà thượng để quý vị bạn đọc cùng chiêm nghiệm, suy xét và học tập

Các Tổ Sư, các Cao Tăng Phật giáo là những vị thực tu thực chứng, có Định có Tuệ, có kiến giải sâu sắc, có tầm nhìn thấu thị về nhiều vấn đề, do vậy lời nói, câu chữ viết ra thành thơ, thành văn, hoặc phát biểu nơi này nơi khác, những lúc mạn đàm, đều sâu sắc để lại dấu ấn cho người đọc người nghe.

Với tinh thần kính ngưỡng các vị Cao Tăng, các bậc Thầy tôn kính trong Phật giáo, cùng với tinh thần tham cứu suy ngẫm, học hỏi và chia sẻ, nhân dịp xuân này xin dành tặng quý quý Tăng Ni, Phật tử và đồng bào những lời dạy của các Cao Tăng Phật giáo mà do nhân duyên những người ghi chép được nghe trực tiếp hoặc sưu tầm từ các nguồn tư liệu.

1. Đức Đệ nhất Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam - Cố trưởng lão Hoà thượng Thích Đức Nhuận:

Đất nước Việt Nam trải qua hai lần độc lập thống nhất vào năm 1945 và năm 1975, thì Phật giáo Việt Nam cũng trải qua hai lần hợp nhất vào năm 1951 và năm 1981. Trong cả hai lần ấy, cuộc đời và sự nghiệp của Hoà thượng Thích Đức Nhuận vừa là người trong cuộc, vừa là tác nhân tạo ra lịch sử Phật giáo thành tựu.

Trong Đại hội Đại biểu Thống nhất Phật giáo toàn quốc lần thứ nhất họp vào ngày 7/11/1981, Ngài đã ba lần từ chối ngôi vị Pháp chủ do Đại hội cung thỉnh. Cuối cùng, trước tấm lòng chân thành thiết tha của toàn thể Đại biểu, Ngài chấp nhận sự suy tôn Ngài lên ngôi Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam với ba đề nghị:

a. Các trường Phật học được mở khắp cả ba miền của đất nước: Hà Nội, Huế, Thành phố Hồ Chí Minh có đại học Phật giáo; mỗi tỉnh đều được thành lập Phật học viện.

b. Người thừa kế và làm việc trong chùa cần được hợp pháp hóa.

c. Tất cả tín đồ từ thành thị đến thôn quê đều được tự do đến chùa lễ Phật và nghe giảng pháp.

Trụ thế 96 năm, nhập Thiền lâm 81 xuân thu, trải qua 77 hạ lạc, Ngài từ bỏ sắc thân tứ đại, giác linh nương thân lục Tam bảo mà về nơi tịch tĩnh miền trường. Nhưng dư



Đức Đệ nhất Pháp chủ GHPG Việt Nam
Cố Trưởng lão Hòa thượng Thích Đức Nhuận
Ảnh: TGH

hương hoa Đàm, vắng trí, biển đức, núi công văn lừng lừng, làm tiêu bản, gương sáng cho hậu thế. Ngài là thạch trụ của Thiền môn, của Giáo hội và di huấn của Ngài còn mãi không phai trong lòng môn đồ, pháp quyến và tất cả Tăng ni, Phật tử Việt Nam: "Phật Giáo Việt Nam có tồn tại và duy trì hay không là tùy thuộc ở yếu tố con người, tùy thuộc ở chúng ta. Chư vị Hòa thượng, Thượng tọa, Tăng Ni Phật tử phải ý thức về trách nhiệm lớn của mình đối với Đạo pháp và Dân tộc, làm sao cho pháp âm của Đức Phật mãi mãi vang lên vì hạnh phúc và an lạc của mọi loài".



Đức Đệ nhị Pháp chủ GHPG Việt Nam
cố Trưởng lão Hòa thượng Thích Tâm Tịch
Ảnh: PAT



Đức Đệ tam đương nhiệm Pháp chủ GHPG Việt Nam
Hòa Thượng Thích Phổ Tuệ
Ảnh: PAT

2. Đức Đệ nhị Pháp chủ GHPGVN - Cố Trưởng lão HT.

Thích Tâm Tịch: Trụ thế 90, nhập Thiền lâm 76 xuân thu, trong suốt cuộc đời tu hành và hóa đạo, dù ở cương vị nào, Đại lão Hòa thượng luôn luôn thể hiện tâm đức của người con Phật "xuất trần thượng sĩ", hành trì Giới - Định - Tuệ, chú tâm tỉnh giác, thu nhiếp tam nghiệp Thân - Khẩu - Ý... phụng sự trang nghiêm Tam bảo.

Thường nhật, Ngài rất ít nói, luôn kiên định, trầm lặng suy tư tìm những phương pháp thích nghi, góp ý chỉ đạo, khuyến tấn tứ chúng thực hiện những định hướng của Giáo hội đã vạch ra để phụng sự "Đạo pháp và Dân tộc". Ngài thường khuyên dạy tín đồ Phật tử rằng: "Mọi việc chúng ta làm là đều nhằm góp phần làm cho Phật pháp ngày thêm ngời sáng, tỏ rạng viên minh; đồng thời điểm tô tám gương đại từ đại bi của Đức Phật ngày càng tươi đẹp hơn trong tâm trí và cuộc sống nhân sinh".

3. Đức Đệ tam - Pháp chủ đương nhiệm Pháp chủ GHPGVN - Hoà thượng Thích Phổ Tuệ: Ngài xuất gia vào năm 5 tuổi, 18 tuổi thọ Sa di giới, 20 tuổi thọ Đại giới Tỷ khiêu và Bồ tát giới tại Giới đàn Viên Minh với các Sư tổ Tế Xuyên, Đào Xuyên, Vĩnh Nghiêm, Bồ Đề, Đa Bảo và Viên Minh. Ngài đã đi tham học ở hầu khắp các tổ đình miền Bắc.

Ngài là người truyền thừa chính thống của sơn môn Đa Bảo (một trong ba sơn môn lớn nhất Bắc Việt đương

thời: nhất Đọi, nhì Đa, thứ ba Khê Hối) và kế thừa duy nhất di sản của Viên Minh Pháp hội Đạo tràng - "Học viện" nổi tiếng, kéo dài trong 12 năm liên tục (1913 - 1915) do Đại Pháp sư Nguyễn Uẩn sáng lập và Chủ trì.

Từ sau khi thọ Đại giới, trong hơn 50 năm (1935 - 1987), Đức Ngài ẩn tu, nghiêm trì mật hạnh, sống đời sống thanh đạm ở nơi thôn dã, trực tiếp cày cấy, "buông tay cày cấy tay bút", sinh sống bằng nghề nông.

Ngày 14/12/2007 Đại hội kỳ VI GHPGVN đã suy tôn Đức Ngài lên ngôi vị Đệ Tam Pháp Chủ. Tính đến nay, trong suốt quãng đời tu hành hơn 90 năm, Ngài luôn tuyên dương Chính pháp ở mọi nơi, mọi lúc khi có thiện duyên. Và Ngài cũng thường tuyên thuyết với các bậc tu hành rằng: "Căn bản và đầu tiên của nghệ thuật trụ trì là phải gương mẫu. Gương mẫu trong lời nói, việc làm, nhất là việc làm: ban vui cứu khổ, tha thứ, bao dung, chịu thương chịu khó, cần cù, giản dị, tiết kiệm, trường trai giữ giới, thanh tịnh là những điều không bao giờ cũ. Có vậy thì khi mang chân lý nhà Phật ra thuyết giảng người ta mới nghe, mới theo."

Hòa thượng Thích Trí Thủ: "Những gì chúng tôi làm cho Phật giáo cũng có nghĩa là làm cho dân tộc, những gì chúng tôi làm cho dân tộc cũng có nghĩa là làm cho Phật giáo".

Hòa thượng Thích Thiện Nhơn: "Chư tôn đức lãnh đạo Phật giáo Việt Nam nên mở các khóa dạy cho Tăng Nỳ, và cả những Phật tử nòng cốt nữa về ý thức chính trị. Không có ý

thức về chính trị, không hiểu biết về chính trị, quý Tăng Ni, Phật tử sẽ rất dễ rơi vào trường hợp nhận giặc làm con, dễ rơi vào cái bẫy người ta (ngoại đạo) giăng ra, mình nhày lọt thùm vào, táng thân mất mạng”

Hòa thượng Thích Mãn Giác: “Dù đạo Phật có thể là một phương thuốc của thời đại, nhưng chúng ta cũng đừng quên những biến động chính trị và tôn giáo đang xảy ra ở Thái Lan, Sri Lanka, Miến Điện và Nepal là những xứ mà đạo Phật là tuyệt đại đa số, để thấy rằng muốn cho đạo Phật trở thành phương thuốc hòa bình thì người Phật tử phải tinh tấn cảnh giác và cố gắng nhiều hơn nữa...”

“Kiên trì và tinh tấn bám sát con đường Đấng Từ Phụ đã đi...”

“Phật đích thân đến với quần chúng chứ không ngồi đợi quần chúng tìm đến Phật...”

Hòa thượng Thích Trí Quảng: “Chúng tôi nguyện đem xương máu trang trải cho Phật Pháp, và nếu chết là chết như cái chết của chân lý trước bạo lực, chứ không phải bạo lực này chết vì kém bạo lực khác”.

Hòa thượng Thích Thiện Duyên: “Phật giáo Việt Nam không có gươm đao súng đạn, không có cờ áo gạo tiền mà vẫn tồn tại đến ngày nay, dù gặp không ít trở lực, đó là nhờ tinh thần gần bó và phục vụ dân tộc, phục vụ chúng sanh. Từ bao đời, người Việt đã không tách biệt đâu là văn hóa dân tộc, đâu là văn hóa đạo Phật. Đạo Phật với dân tộc Việt Nam nhập thành một, cùng vui cùng khổ. Do vậy, chúng ta càng phải phát huy hơn nữa tính gần bó ấy. Hãy dạy dỗ cho đàn em chúng ta hiểu sâu sắc điều này, nếu tách rời đạo Phật ra khỏi dân tộc thì đạo Phật sẽ không có đất đứng. Phải biết rằng đất nước hưng thì đạo Phật mới thịnh, và ngược lại”.

Hòa thượng Thích Trí Thủ: “Trong phạm vi Phật giáo, nhiệm vụ bất di bất dịch của cấp lãnh đạo là thừa kế Tổ đạo, truyền trì giới luật, hướng dẫn Tăng đồ và Tín đồ về mặt tinh thần, trụ trì các tự viện thuộc hệ thống của giáo hội. Công tác lãnh đạo còn gồm cả việc gây giống ươm mầm, un đúc Tăng tài, để thừa kế Tổ đạo trong ngày mai”.

Hòa thượng Thích Đồng Minh: “Tiền như rắn độc, các ông hãy cẩn thận. Giờ nào việc nấy, chỗ nào vật ấy. Một điều nữa, sau khi tôi mất, tôi thích nằm nghiêng bên phải, các Thầy nên để như vậy. Không nên xây tháp, để tiền đó ấn tống kinh sách, cúng dường các chùa. Hãy cố gắng tinh tấn, tinh tấn”.

Hòa thượng Thích Thiện Siêu: Khi được hỏi: “Là người giữ nhiều chức vụ quan trọng trong Giáo hội, công tác giáo dục Tăng Ni và hoạt động xã hội, nhưng những công trình của HT vẫn xuất hiện đều đặn, vậy HT sắp xếp công việc trong một ngày như thế nào?” Ngài đã trả lời:

“Sáng sớm, sau thời tịnh niệm, tôi tập thể dục, vệ sinh cá nhân, uống nước rồi lên chánh điện tụng kinh. Sau đó thì dùng điểm tâm và bắt đầu công việc thường ngày. Nếu không có công việc Giáo hội hay giờ dạy cho Tăng Ni tại Học viện thì tôi ngồi dịch suốt ngày, chùng nào mệt thì nghỉ. Có việc gì thật cần thiết tôi mới đi ra ngoài, nhờ vậy mà thời

gian gần đây tôi mới dịch được mấy bộ luận trên. Làm việc, theo tôi cốt ở sự chuyên tâm và đều đặn, nếu chuyên cần thì mọi việc rồi sẽ có kết quả tốt”.

Hòa thượng Thích Đức Niệm: “Trải dòng đời năm tháng, nay tuổi đã 61, sống khắp nơi và tiếp xúc đủ hạng người, nhìn rõ sự vật, giáo lý đức Phật đã nung đúc tạo cho kiến thức nhận xét chính xác mình, người, vạn vật, và cuộc đời. Bây giờ tự tại trong tịnh thất, chẳng còn vướng bận thịnh suy, hơn thiệt. Tất cả là giả huyền. Nhìn rõ và thể nhập giả huyền của vạn vật bằng tâm chứ không bằng ngôn ngữ văn tự”.

Hòa thượng Thích Giác Ngộ: “Tôi muốn các chùa ở vùng sâu vùng xa, xây mới, trùng tu trước, chùa Tỉnh hội nơi tôi đang trụ trì trùng tu sau. Bởi vì nếu tôi trùng tu trước, tôi kêu gọi các giới Phật tử sẽ hưởng ứng đông đảo, đóng góp nhiều, do vậy khi các chùa vùng sâu vùng xa kêu gọi đóng góp trùng tu xây dựng sẽ gặp khó khăn. Các giới Phật tử và các nhà hảo tâm hiến cúng ít lại, do vậy các công trình trùng tu xây dựng chùa ở vùng sâu vùng xa khó hoàn thành. Chính vì lý do đó cho nên tôi chưa có ý định trùng tu chùa Tỉnh hội”.

Hòa thượng Thích Bửu Huệ: “Người xuất gia học đạo, không khác gì một lương tướng xông vào trận giặc, đánh dẹp hiển ngang, trước hết phải tinh thuần võ nghệ. Được như thế, thì cách văn hồi an ninh trật tự cũng không khó”.

Trọng trách của người độ hóa quần sanh, cần phải giải thoát chính mình làm trước. Cho nên việc nhập thất tịnh tu, là một pháp môn thiết yếu trong nhiều pháp môn”.

Hòa thượng Thích Thuyên Ấn:

“Hãy đứng dậy dẫn thân tiến lên mãi.

Tăng Ni đâu ? Hòa hợp chung một lòng

Phật tử đâu ? Đoàn kết dựng non sông.

Đem Chánh Pháp tô thắm quê hương Việt”.





NHỮNG GIÁ TRỊ PHẬT GIÁO

Cần được phát huy trong thời đại ngày nay

● Hòa thượng **Thích Gia Quang**
Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN

“Tôn giáo của tương lai sẽ là một tôn giáo toàn cầu, vượt lên trên mọi thần linh, giáo điều và thần học. Tôn giáo ấy phải bao quát cả phương diện tự nhiên lẫn siêu nhiên, đặt trên căn bản của ý thức đạo lý, phát xuất từ kinh nghiệm tổng thể gồm mọi lĩnh vực trên trong cái nhất thể đầy đủ ý nghĩa. Phật giáo sẽ đáp ứng được các điều kiện đó”.

Albert Einstein

Như chúng ta đã biết, với trí tuệ uyên thâm, biện chứng, thù thắng, đức Phật đã để lại kho tàng tri thức khổng lồ trên mọi bình diện của cuộc sống với một di sản khổng lồ như vậy; việc ứng dụng và khai thác như thế nào tùy thuộc vào nhận thức, căn cơ của chúng sinh.

Do vậy, để phát huy những giá trị Phật giáo vào đời sống hiện đại quả thật là một chủ đề quá lớn, vượt ra khỏi khuôn khổ của một bài tham luận ngắn.

Trong bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung làm rõ ba giá trị của Phật giáo ở những góc nhìn biện chứng về triết học; về đạo đức học; và về giá trị của Phật giáo trên bình diện văn hóa.

NHỮNG GIÁ TRỊ CỦA PHẬT GIÁO VỀ TRIẾT HỌC

Tứ diệu đế là bài thuyết pháp đầu tiên của đức Phật sau khi thành Đạo. Xem lại đoạn Phật thuyết giảng về Tứ diệu đế trong kinh Chuyển pháp luân - bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu, chúng ta cảm nhận sâu sắc rằng: Tứ diệu đế chính là một trong những tuệ giác sáng chói nhất của đức Phật. Ngài đã tìm ra sự thật của cuộc đời là bệnh, già, chết và sự phiền não thường trực trong lòng mỗi người, Ngài gọi là Khổ (*Khổ đế*). Ngài đã tìm ra nguyên nhân của đau khổ là Khổ tập (*Tập đế*). Ngài tìm ra pháp môn tu tập để dứt trừ nguyên nhân đau khổ là Khổ tận diệt (*Diệt đế*). Quan trọng nhất, Ngài tìm ra con đường cho mọi người đi tới hạnh phúc, an vui vĩnh cửu, là Khổ tận diệt đạo (*Đạo đế*).

Giáo lý Tứ đế (*Bốn chân lý hay Bốn sự thực của cuộc đời*) bao gồm hai cặp nhân quả (*Khổ là quả, Tập là nhân; Diệt - Niết bàn là quả, Đạo là nhân*). Từ tính triết học đó đức Phật trao cho chúng ta Tứ diệu đế như một sự thực tập, một phương pháp tu tập nhằm giúp con người tự mình giải phóng khỏi mọi phiền não khổ đau, đi đến niềm hạnh phúc an lạc, đích thực. Có một vị thiền sư đã nói: "*Tứ diệu đế không phải là một lý thuyết, Tứ diệu đế là một công trình thực tập. Tứ diệu đế không chỉ là nguyên tắc của sự thực tập, Tứ diệu đế là bản thân của sự thực tập*" giúp ta giải thoát khỏi u minh - nguồn gốc của mọi phiền não khổ đau, đi đến mục tiêu là giác ngộ chân chính và xây dựng Tịnh độ trong tâm mỗi con người và trên cả thế gian này.

Những phát hiện đó của đức Phật là đóng góp vào nền tảng triết học VĨ ĐẠI mà NHÂN LOẠI ngày nay có được. Đến với triết học Phật giáo còn có những lời dạy của Phật mang tính biện chứng đầy tính khoa học và triết học như: Giáo lý về Duyên sinh mà Phật dạy trong các kinh điển Đại thừa cũng như Nguyên thủy là mọi hiện tượng vật lý, tâm lý, từ con người cho đến vũ trụ, không một hiện tượng nào mà không theo lý Duyên sinh, Duyên khởi. Giáo lý này được tóm tắt bằng một định luật đơn giản nhưng rất hay: "*Cái này có thì cái kia có, cái này không thì cái kia không, cái này sinh thì cái kia sinh, cái này diệt thì cái kia diệt*". Hay giáo lý về Vô thường - Vô ngã đức Phật dạy trong kinh Bát Đại nhân giác: "*thế gian vô thường, quốc độ nguy thúy, tứ đại khổ không, ngũ ấm vô ngã, sinh diệt biến*

dị..." (cõi thế gian vô thường, quốc độ mong manh, tứ đại đều là khổ là không, năm ấm là vô ngã, các thứ ấy luôn luôn sinh diệt biến đổi, không có tự chủ...). Vô thường đứng về mặt thời gian, Vô ngã đứng về mặt không gian. Thời gian và không gian một dòng sinh diệt tương tục, đến và đi không ngừng thay đổi "*Thương hải tang điền - nay bãi biển mai nương dâu*". Chúng ta thường lầm tưởng chỉ có sinh vật mới biến đổi và già chết, còn những vật lớn như núi sông... thì muôn đời vẫn ở yên một chỗ. Nhưng sông núi vẫn bị già, bị biến đổi, đất cát có khi lở khi bồi, không có vật gì là vĩnh viễn tồn tại mà "*vật đổi sao rời*". Một triết gia nổi tiếng người Hy Lạp cũng đã tuyên bố "*không ai tắm hai lần trên một dòng sông*". Hay giáo lý về Nhân quả, về Tính Không...

Quả thật để phân tích những giáo lý và nguyên lý căn bản này sẽ phải là những công trình nghiên cứu đồ sộ mà các nhà khoa học, nhà nghiên cứu triết học phải để tâm nghiên cứu công phu, thực chứng mà công cụ đo đếm bằng thời gian, bằng không gian vật lý e rằng còn nhỏ hẹp trong biển bờ vô cùng vô tận mà triết học Phật giáo đã có và đang chờ NHÂN LOẠI tiếp thu, ứng dụng. Vì, trên hết các cơ sở triết học đó, cần hơn hết sự trải nghiệm, thực chứng để tìm ra con đường GIẢI THOÁT - GIÁC NGỘ cho bản thân mỗi chúng ta.

Khi mỗi người đều thực hành được như vậy thì chính đó là đóng góp VĨ ĐẠI nhất của triết học Phật giáo cho nhân loại.

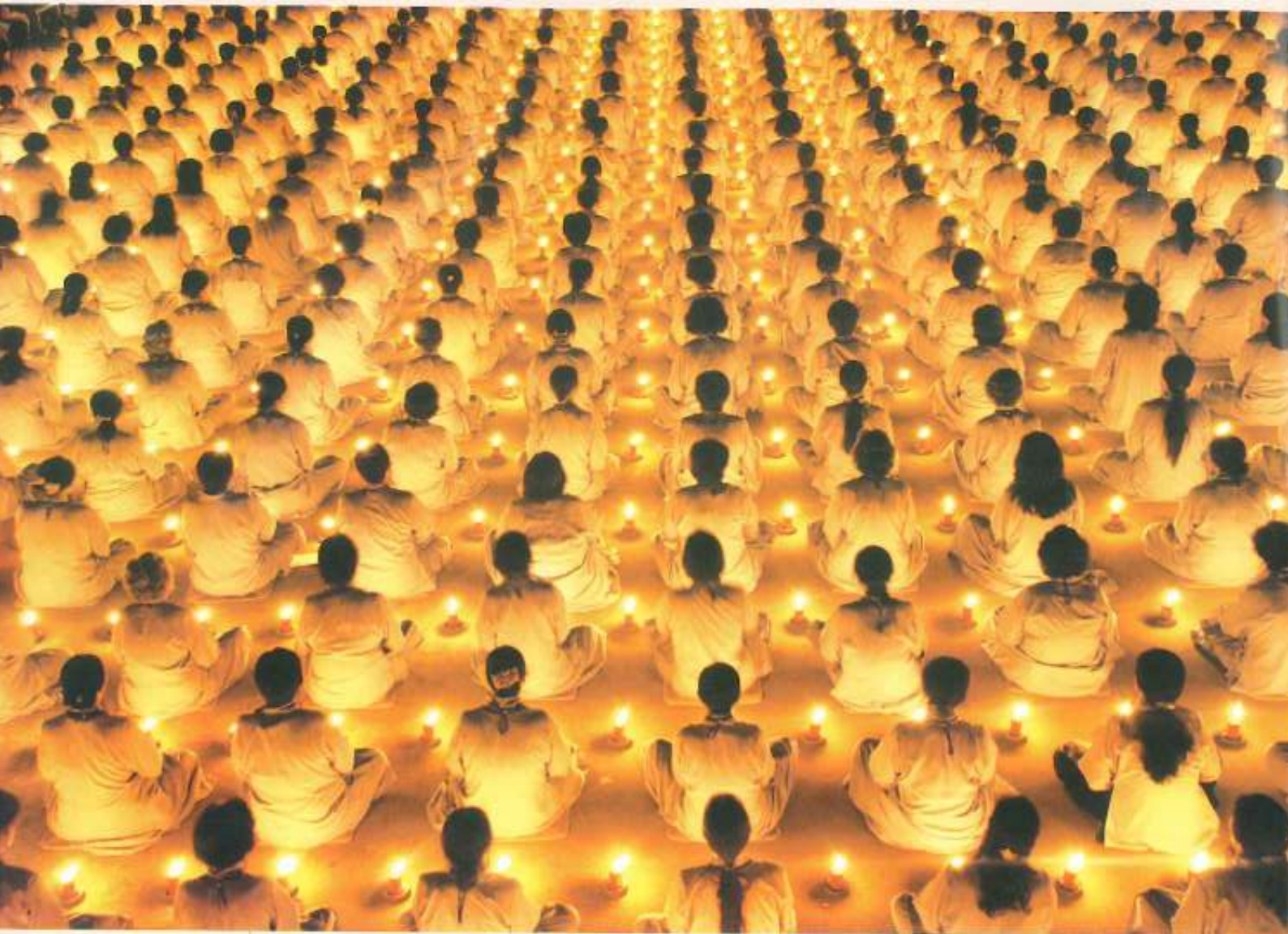
GIÁ TRỊ CỦA PHẬT GIÁO VỀ ĐẠO ĐỨC

Trong những giá trị văn hóa phi vật thể của Phật giáo, trước hết phải đề cập đến giá trị đạo đức. Đạo đức Phật giáo thể hiện ở mục tiêu muốn đưa lại hạnh phúc và an lạc cho nhân sinh. Nguyên tắc đạo đức mà đức Phật dạy cho chúng sinh là phải tự lực phấn đấu, để cao lòng từ bi, vô ngã - vị tha, làm điều thiện, ngừa điều ác: "*chư ác mạc tác / chúng thiện phụng hành / tự tịnh kỳ ý / thị chư Phật giáo*".

Bản chất của đạo đức Phật giáo thể hiện qua giáo lý Từ bi Hỷ xả, Vô ngã vị tha, cứu khổ cứu nạn... Phật giáo luôn khuyến khích chúng sinh "*tự độ độ tha, tự giác giác tha*", không phân biệt giữa ngã nhân (*ta*) và tha nhân (*người khác*). Tư tưởng Từ bi, cứu nhân độ thế, vị tha của Phật giáo đã có tác dụng bồi đắp, làm phong phú thêm đạo lý trong tâm hồn người Việt Nam.

Trong Thư gửi Đại hội lần thứ III Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam ngày 28/9/1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "*Tôi mong rằng đồng bào Phật giáo hãy thực hiện lời Phật dạy "lợi lạc quần sanh, vô ngã, vị tha, là tất cả vì lợi ích mọi người, không cá nhân chủ nghĩa"*

Tứ vô lượng tâm: Từ, bi, hỷ, xả của Phật giáo là liều thuốc làm trong sáng hơn đời sống tinh thần, trong đó có đời sống tâm linh của Phật tử Việt Nam, trước áp lực của cơ chế kinh tế thị trường, của đô thị hóa dồn dập dẫn đến sự cạnh tranh khốc liệt vì lợi nhuận. Trong giáo lý "*Bát chính đạo*" có Chính mệnh là sinh sống bằng nghề



Ảnh: Chí Giác Thông

ngiệp chân chính, không buôn gian bán lận, làm hàng giả... mà sống bằng chính sức lao động, bằng mồ hôi và đồng tiền vốn của mình. Chính mệnh còn có nghĩa là làm chủ cuộc sống, sống không lãng phí, không bủn xỉn, biết làm phúc và cúng dàng, biết chăm lo cuộc sống cho người thân, quyến thuộc và xã hội, biết tích lũy cho đời nay và chuẩn bị cho đời sau.

Trong kinh Thiện sinh đức Phật dạy sáu cặp phạm trù đạo đức giữa người với người trong gia đình và xã hội: cha mẹ với con cái, thầy và trò, vợ và chồng, bạn bè và bà con láng giềng, chủ và thợ, và sa môn, bà la môn với các gia chủ làm cho xã hội sống có văn hóa tốt đẹp, hạnh phúc.

Trong khi đó, với tư tưởng khoan dung, hòa bình, khuyến thiện, ngừa ác, Phật giáo sẽ góp phần thức tỉnh lương tri con người, làm cho con người được sống trong hòa bình, nhân ái, chủ động phòng ngừa cái ác và hiểm họa chiến tranh hủy diệt bằng vũ khí hạt nhân, cũng như khủng bố quốc tế và xung đột tôn giáo "tâm bình thế giới bình, tâm tịnh quốc độ tịnh" (kinh Viên giác). Ý tưởng hòa bình trên thế giới chỉ được thực hiện khi các quốc gia ý

thức được chân lý, (như giá trị của văn hóa đạo Phật) mà cơ sở là lòng khoan dung và thái độ cảm thông, sẵn sàng gạt bỏ ham muốn quyền lực và tham vọng kiểm soát các quốc gia khác.

Trong phạm vi từng quốc gia, khát vọng sống yên bình trên một đất nước thanh bình chỉ được hiện thực hóa khi đời sống được xây dựng trên nền tảng đạo đức, để mỗi thành viên trở thành nhân tố tích cực cho xã hội. Nói một cách khác, văn hóa đạo đức Phật giáo có khả năng điều chỉnh hành vi đạo đức của con người, cũng tức là đóng góp vào việc đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng để phục vụ cho sự phát triển đất nước, mà hiện nay là phục vụ cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa đất nước không ngừng phát triển và hội nhập quốc tế. Đạo đức Phật giáo chính là nếp sống hoàn thiện, là con đường chân chính đi đến an lạc và hạnh phúc.

GIÁ TRỊ CỦA PHẬT GIÁO VỀ VĂN HÓA

Trong hơn 2000 năm qua, Phật giáo đã có ảnh hưởng lâu dài và sâu rộng đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội

của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam, văn hóa Phật giáo Việt Nam đã để lại nhiều sản phẩm vật chất và tinh thần có giá trị đặc sắc.

Du nhập vào Việt Nam từ rất sớm, Phật giáo đã thích ứng khá nhuần nhuyễn với tín ngưỡng, phong tục, tập quán bản địa và nhờ đó, những tinh hoa của giáo lý Phật giáo đã tìm được môi trường thích hợp để nở hoa, kết trái. Một đặc thù của Phật giáo là khả năng “gắn đạo với đời” và “đồng hành cùng dân tộc” tạo nhiều cơ hội để Phật giáo đóng góp thiết thực cho sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc.

Trong lịch sử Phật giáo Việt Nam có nhiều vị danh tăng như Đại sư Khuông Việt, Quốc sư Vạn Hạnh, Giác hoàng Điều Ngự Trần Nhân Tông qua “vai trò” chính trị ảnh hưởng rõ nét đến tiến trình phát triển lịch sử dân tộc. Trong nhiều thời kỳ, Phật giáo đã phát huy ảnh hưởng như một “nguồn động lực” thúc đẩy sự phát triển, thậm chí còn chi phối tới tư tưởng và học thuật, văn học và nghệ thuật của đất nước như dưới hai triều đại Lý và Trần mà tác phẩm văn thơ Lý - Trần đã phản ánh.

Các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của Phật giáo còn được kết tinh trong không gian văn hóa truyền thống của ngôi chùa - một thiết chế văn hóa đặc thù. Trong danh mục xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa quốc gia, chùa cũng chiếm một tỷ lệ khá cao, 1/6 trong tổng số các di tích quốc gia của Việt Nam.

Nhiều ngôi chùa được xây dựng trong một khung cảnh thiên nhiên hùng vĩ đầy biểu cảm, tạo nên những danh lam thắng cảnh nổi tiếng cả nước. Ở những nơi đó, ta có được một phức hợp kiến trúc nghệ thuật gắn bó hữu cơ và tác động tương hỗ với cảnh quan thiên nhiên thơ mộng, gợi cảm, như: các khu thắng cảnh Yên Tử (*Quảng Ninh*), Hương Sơn (*Hà Tây*), Ngũ Hành Sơn (*Đà Nẵng*), núi Bà Đen (*Tây Ninh*), núi Sam (*An Giang*)...

Trong nhiều ngôi chùa, đã hình thành những không gian văn hóa truyền thống điển hình - nơi diễn ra những sinh hoạt văn hóa Phật giáo, các nghi thức tôn giáo như: Đại lễ Phật Đản, Lễ Vu Lan, lễ hội cầu mưa, tụng kinh niệm Phật hàng ngày

Nhìn từ góc độ mỹ thuật Phật giáo chúng ta lại thấy nhiều ngôi chùa xứng đáng được tôn vinh với tư cách là những bảo tàng nghệ thuật. Có thể liệt kê ra đây hàng trăm ngôi chùa như thế trải dài trên khắp 3 miền Bắc, Trung, Nam: chùa Mía, chùa Tây Phương (*Hà Nội*), chùa Bút Tháp (*Bắc Ninh*), chùa Phổ Minh (*Nam Định*), chùa Thiên Mục (*Thừa Thiên - Huế*), chùa Giác Lâm (*TP Hồ Chí Minh*), chùa Tam Tạng (*Sóc Trăng*)... Trong mỗi ngôi chùa này đều có một Phật điện với nhiều pho tượng Phật, Bồ Tát mà mỗi pho lại là một tác phẩm điêu khắc khá hoàn chỉnh, được sắp xếp theo một trật tự nhằm chuyển tải vấn đề lịch sử tư tưởng Phật giáo.

Bản chất của chính pháp trong đạo Phật rất cao siêu mà vẫn gần gũi, phù hợp với nền tảng đạo đức, văn hóa và khoa học nên có khả năng thích nghi, đáp ứng nhu cầu tâm linh của nhiều tầng lớp nhân dân từ bình dân

đến trí thức. Với chủ trương khuyến khích hòa bình và phi chính trị, Phật giáo có khả năng mở rộng ảnh hưởng văn hóa và tâm linh đến các châu lục trên thế giới.

Sinh thời, đức Phật đã từng dạy rằng: “*phụng sự chúng sinh tức là cúng dàng chư Phật*”. Thực hiện được lời dạy này của đức Phật sẽ góp phần giải quyết những vấn nạn đang đặt ra cho loài người ở các cấp độ cá nhân, gia đình, xã hội và toàn nhân loại. Đó là tính ích kỷ cá nhân, bạo lực gia đình, lối sống hưởng thụ vật chất, đạo đức xã hội bị xuống cấp, xung đột sắc tộc, tôn giáo, nguy cơ chiến tranh, ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu.v.v.

Tóm lại, văn hóa Phật giáo Việt Nam là một thành tố trong chỉnh thể văn hóa dân tộc. Phật giáo có những đóng góp xứng đáng vào kho tàng di sản văn hóa dân tộc. Và do đó, bảo vệ và phát huy di sản văn hóa Phật giáo Việt Nam cũng tức là góp phần tôn vinh văn hóa dân tộc.

LỜI KẾT:

Trước một bối cảnh toàn cầu hóa đầy năng động và lạc quan ai cũng tin là phát triển kinh tế, tôn trọng nhân quyền, phát huy dân chủ, bảo đảm bình đẳng về an sinh phúc lợi, nâng cao văn hóa, trau dồi đạo đức cho mọi người là một khả năng hiện thực và thế giới đang tiến dần về một nền văn minh đại đồng và hòa bình vĩnh cửu.

Nhưng thực tế thì những xung đột địa phương và bạo lực giữa các sắc tộc lan rộng, khủng bố nhân danh tôn giáo đe dọa an ninh toàn cầu đến mức độ đáng ngại, kinh tế tại các quốc gia công nghiệp suy thoái nghiêm trọng, giá trị của mô hình kinh tế thị trường bị nghi ngờ và không ai còn tin vào các giải pháp kinh tế xã hội hiện nay sẽ mang phép lạ làm biến đổi được tình hình ngày càng nguy kịch.

Trong viễn cảnh đó, những người ưu tư và đặc biệt là các bậc thiện trí thức luôn muốn tìm hiểu ứng dụng quan điểm của Phật giáo trước các vấn đề nóng bỏng hiện nay của thế giới vào thực tế cuộc sống.

Ngoài việc hướng dẫn cho phật tử thực hành học Phật tu nhân trong đời sống hằng ngày để tìm về bến giác, thì giáo lý Phật giáo có những luận giải và đóng góp trong các vấn đề như chiến tranh, hòa bình, kinh tế, nhân quyền, dân chủ, tự do, khoa học, môi sinh, tiêu thụ và dân số. Tuy Giáo lý Phật giáo không trực tiếp đưa ra những giải pháp cho các vấn đề của thời đại như dân số, tiêu thụ hay môi trường. Song khi giải thích giá trị của Trung đạo Phật giáo sẽ tìm ra một giải pháp cho các vấn đề, mà thái độ tiết chế là một đề nghị và phật tử nên noi theo.

Dù không luận giải trực tiếp Phật giáo có thể đóng góp cho phát triển dân chủ tại nhiều nước trên thế giới. Tinh thần vô úy trước bạo lực, nhiệt tình thảo luận công khai trước những bất đồng, sẵn sàng chấp nhận phê bình để sửa sai là một trong những truyền thống đặc sắc của Phật giáo mà thế giới có thể học hỏi và áp dụng vào những cải cách chính trị trong tương lai.

Vì các giá trị Phật pháp có khả năng khai sáng nhân loại nếu chúng ta học tập và noi theo./

1. Thượng tọa đánh giá thế nào về kết quả hoạt động Phật sự của GHPGVN năm 2013? Kết quả đó tác động như thế nào đến Tăng Ni, Phật tử cả nước?

Năm 2013 là năm đầu tiên Tăng ni, Phật tử các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam triển khai thực hiện chương trình hoạt động Phật sự theo nghị quyết Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc nhiệm kỳ VII (2012-2017) để ra. Ban thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN đã triển khai nhiều Phật sự quan trọng như ban hành Hiến chương GHPGVN sửa đổi lần thứ V; tổ chức các hội nghị sinh hoạt hành chính Giáo hội để phổ biến, học tập Hiến chương sửa đổi. Đồng thời Ban thường trực Hội đồng Trị sự cũng đã chỉ đạo các Ban, Viện trung ương kiện toàn và ra mắt nhân sự để triển khai thực hiện các Phật sự theo chuyên ngành. Nhân sự của các Ban trị sự GHPGVN các tỉnh, thành phố cũng được kiện toàn theo Hiến chương mới sửa đổi theo tinh thần vừa kế thừa để ổn định Giáo hội, trẻ hóa tạo sự năng động mới thúc đẩy các hoạt động Phật sự ở trong nước và ở nước ngoài đáp ứng với yêu cầu của xã hội trong thời đại hội nhập quốc tế.



Thượng tọa Thích Đức Thiện - Phó Tổng thư ký HĐTS
Chánh văn phòng I Trung ương GHPG Việt Nam

Một số hoạt động PHẬT SỰ VÀ ĐẠI LỄ VESAK 2014

Nhân dịp Xuân Giáp Ngọ 2014, Phật lịch 2557, Thượng tọa Thích Đức Thiện, Phó Tổng thư ký HĐTS, kiêm Chánh văn phòng I Trung ương GHPG Việt Nam đã trả lời phỏng vấn Tạp chí Công tác Tôn giáo về những hoạt động Phật sự của GHPG Việt Nam trong năm 2013, một số nét chính về Đại lễ Vesak 2014 được tổ chức tại Việt Nam. Tạp chí Nghiên cứu Phật học trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc

Năm 2013 khép lại là một năm với nhiều hoạt động Phật sự nhộn nhịp, sôi động với phương thức hoạt động được đổi mới và hiệu quả của công tác Phật sự. Giáo hội đã đẩy mạnh công tác hoằng pháp và phát triển tổ chức của mình phục vụ nhu cầu của đồng bào các dân tộc tại vùng miền núi phía Bắc và Tây nguyên cũng như tại các vùng biển đảo xa xôi của Tổ quốc. Cụ thể, Giáo hội đã ra quyết định thành lập và ra mắt Ban trị sự GHPGVN tỉnh Lào Cai, Hà Giang, Sơn La. Trong tổng số 63 tỉnh, thành phố cả nước, hiện nay chỉ còn tỉnh Điện Biên và Lai Châu đang trong quá trình hiệp thương trao đổi giữa Trung ương GHPGVN với chính quyền địa phương để tiến tới thành lập Giáo hội địa phương tại hai tỉnh miền núi trong năm 2014. Nhiều đồng bào các dân tộc tại các tỉnh miền núi khu vực Tây nguyên được quy y Tam Bảo với số lượng đông góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, gìn giữ các giá trị văn hóa bản sắc và ổn định đời sống định cư cũng như giữ vững an ninh trật tự tại các vùng biên giới. Trong năm 2013, GHPGVN cũng đã hoàn thành 03 chùa tại quần đảo Trường Sa, nâng số chùa lên 06 ngôi Tam Bảo tại khu vực quần đảo. Đồng thời Giáo hội đã bổ nhiệm thêm 2 vị Sư Tăng thuộc Giáo hội Phật giáo

Việt Nam tỉnh Khánh Hòa tiếp tục trụ trì tại các chùa quần đảo Trường Sa. Hội đồng Trị sự GHPGVN đã khởi công và đang xây dựng chùa Phật Tích Trúc Lâm Bản Giốc tại khu vực thác Bản Giốc, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng phục vụ đồng bào các dân tộc và đẩy mạnh khai thác du lịch tại thác Bản Giốc, góp phần giữ vững quốc phòng, an ninh và tăng cường hợp tác hữu nghị tại vùng cực Bắc biên giới của Tổ quốc.

Năm qua là một năm với nhiều lễ hội Phật giáo mang tầm quốc gia như Đại lễ Tưởng niệm 705 năm Phật hoàng Trần Nhân Tông. Khánh thành an vị Thánh tượng Phật hoàng tại Yên Tử; Lễ tưởng niệm lần thứ 50 Bồ tát Quảng Đức và chư Thánh Tử đạo... Công tác hoằng pháp, giảng dạy giáo lý Phật giáo và hướng dẫn cho đồng bào Phật tử cũng có nhiều đổi mới về phương pháp và hình thức sinh hoạt đạt được những thành tựu nổi bật đem lại sự an lạc, niềm tin cho các Phật tử. Nhiều khóa tu, tuần lễ văn hóa Phật giáo và sinh hoạt của các câu lạc bộ Phật tử, nhất là trong giới trẻ thanh niên, sinh viên đã thực sự đem lại hiệu quả, sự bổ ích được xã hội đánh giá cao góp phần gìn giữ truyền thống văn hóa, nâng cao giá trị đạo đức truyền thống cho giới trẻ

trước. Công tác đối ngoại và hoạt động quốc tế của GHPGVN ngày càng mở rộng và có sự chủ động trong các quan hệ quốc tế với những đóng góp, sáng kiến mang tính định hướng nâng tầm các hoạt động của Phật giáo thúc đẩy hòa bình, hữu nghị hợp tác và phát triển giữa các quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Giáo hội Phật giáo Việt Nam tham gia là thành viên sáng lập của Liên minh Phật giáo Thế giới tại Ấn Độ. Chủ động đề xuất với Ủy ban tổ chức quốc tế Liên hợp quốc đại lễ Vesak 2014 tại Việt Nam... Giáo hội cử nhiều đoàn đi tham dự các hội nghị, hội thảo và giao lưu hữu nghị với các quốc gia và các giáo hội, hệ phái Phật giáo các nước như: Ấn Độ, Trung quốc, Srilanka, Thái Lan, Lào, Campuchia, Myanmar, Nhật Bản... Đồng thời, Giáo hội cũng chủ động mời và đón tiếp các phái đoàn Phật giáo các nước đến thăm Việt Nam như đoàn Hiệp hội Phật giáo Trung Quốc, Hệ phái Hoa Nghiêm tông Nhật Bản, đoàn Phật giáo dòng Drukpa, Ấn Độ, Thái Lan, vùng lãnh thổ Đài Loan... Tiếp đón các tổ chức quốc tế đến tìm hiểu về Phật giáo và Giáo hội Phật giáo Việt Nam như: đoàn Phó Tổng thống Ấn Độ, đoàn Tổ chức ân xá quốc tế trụ sở tại Hoa Kỳ, Quỹ Hòa giải và phát triển của Mỹ, Tạp chí Temas của Cu Ba... các phái đoàn Đại sứ quán Mỹ, Canada, Úc, Israel... Đặc biệt đại diện lãnh đạo GHPGVN đã tham gia đoàn Chủ tịch nước thăm chính thức Hoa Kỳ. Giáo hội đã tổ chức các đoàn đi hoằng pháp phục vụ bà con Việt kiều tại Đông Âu như: Liên bang Nga; Ucraina, Ba Lan; Cộng hòa Séc, Hungary và Đức để hướng dẫn và tổ chức Đại lễ Phật Đản, lễ Vu lan báo hiếu cho đồng bào Phật tử Việt Nam đang sinh sống và làm việc tại Đông Âu.

Sau Đại hội nhiệm kỳ VII, hoạt động phật sự của các Ban, Viện trung ương GHPGVN và các địa phương đạt được nhiều thành quả tốt, có định hướng chỉ đạo và có sự phối hợp trong hoạt động phật sự giữa các Ban, Viện trung ương và các Giáo hội địa phương. Nhiều lễ hội, tuần lễ văn hóa Phật giáo, hội thảo khoa học và hội thảo quốc tế đem lại thành công là sự phối hợp nhịp nhàng giữa các Ban, Viện chuyên ngành của Hội đồng trị sự. Đặc biệt là với sự thành lập 03 ban mới: Ban Thông tin Truyền thông; Ban Pháp chế; Ban Kiểm soát đã thể hiện một bước tiến mới trong việc thúc đẩy phong trào phật sự và sự tương tác với xã hội góp phần thực hiện mục tiêu ích Đạo, lợi Đời.

Những thành tựu tiêu biểu trong công tác phật sự trên đây đã đem lại niềm khích lệ lớn lao cho Tăng ni, phật tử Việt Nam ở trong nước cũng như ở nước ngoài tăng trưởng niềm tin giác ngộ trong con đường thực hành giáo lý của đức Phật, phát huy truyền thống Phật giáo đồng hành cùng dân tộc, tin tưởng vào sự lãnh đạo của GHPGVN trong thời kỳ đổi mới của đất nước và hội nhập quốc tế.

2. Năm 2014, sẽ diễn ra Đại lễ Phật đản Liên hợp quốc (UN Vesak 2014) tại Việt Nam, với tư cách là Tổng thư ký của Ủy ban tổ chức quốc tế Đại lễ, Thượng tọa cùng với Giáo hội Phật giáo Việt Nam có chương trình, kế hoạch như thế nào để tuyên truyền ra thế giới về sự kiện trọng đại này?

Ngày 15/12/1999 tại Đại hội đồng Liên Hợp quốc khóa 54, mục 174 của chương trình nghị sự Liên Hợp quốc đã chính thức công nhận Đại lễ Phật đản hay còn gọi là đại lễ Tam hợp (kỷ niệm Đức Phật Đản sinh, Thành đạo và Niết bàn, thời gian tương đương với tháng 5 dương lịch) là đại lễ Vesak

LHQ, và hàng năm được tổ chức trọng thể tại Trụ sở chính của Liên Hợp quốc tại New York, cũng như các văn phòng Liên Hợp quốc tại các khu vực, và Đại lễ Vesak LHQ đã trở thành một trong các hoạt động văn hoá mang tính quốc tế của Liên Hợp quốc nhằm tôn vinh giá trị nhân văn, hòa bình của nhân loại.

Được sự chấp thuận của Chính phủ tại công văn số 863/TGCP-PG ngày 18/9/2013 của Ban Tôn giáo Chính phủ; Công hàm số 614 ngày 04/9/2013 của Bộ Ngoại giao Việt Nam, vào ngày 28-29/9/2013, sau khi xem thư đăng cai chính thức của GHPGVN số 177 ngày 23/9/2013 do HT. Thích Trí Tịnh - Chủ tịch Hội đồng Trị sự đề xuất tại Văn phòng Viện trưởng của Đại học Mahachulalongkorn, Hoà thượng GS.TS. Brahmapundit Chủ tịch Ủy ban tổ chức quốc tế ICDV đã căn cứ vào Hiến chương đại lễ Vesak LHQ ủng hộ và chấp thuận GHPGVN đăng cai Đại lễ Vesak LHQ lần thứ 11 và Hội thảo Phật giáo quốc tế tại Chùa Bái Đính, từ ngày 7 - 11/5/2014 với chủ đề chính của Đại lễ Vesak LHQ 2014 là "Phật giáo góp phần thực hiện thành tựu các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc". Đại lễ Vesak 2014 dự kiến sẽ tiếp đón khoảng 10,000 người tham dự lễ hội, bao gồm 1500 lãnh đạo các giáo hội, hệ phái Phật giáo, các Giáo sư, Tiến sĩ, học giả Phật giáo cũng như các Phật tử hành trì thuộc nhiều truyền thống Phật giáo đến từ 90 - 100 quốc gia, vùng lãnh thổ trên khắp thế giới và 8500 đồng bào Phật tử và nhân dân Việt Nam. Đại lễ Vesak LHQ 2014 sẽ do Giáo hội Phật giáo Việt Nam đăng cai chủ trì, với sự phối hợp tổ chức của Ủy ban Tổ chức Quốc tế (ICDV), sự giúp đỡ và bảo trợ của Chính phủ Việt Nam.

Đây là lần thứ 2 Đại lễ Vesak LHQ được tổ chức tại Việt Nam sau thành công của Đại lễ Vesak lần tổ chức ở Việt Nam vào 5/2008 tại Trung tâm Hội nghị quốc gia Mỹ Đình. Ủy ban Tổ chức quốc tế Đại lễ Vesak LHQ đã chính thức trở thành tổ chức trực thuộc Ủy ban Kinh tế - Xã hội của LHQ, sự kiện tổ chức Đại lễ Vesak Liên hợp quốc 2014 là sự kiện đối ngoại quan trọng góp phần nâng cao vai trò của Phật giáo Việt Nam trong hội nhập quốc tế, đồng thời khẳng định vị thế, trách nhiệm của Việt Nam đối với LHQ. Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng ở trong nước và quốc tế, đặc biệt là thông qua các bạn bè quốc tế là các đại biểu tham dự Đại lễ chúng ta có cơ hội để quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam, tăng cường các mối quan hệ hữu nghị, hợp tác và góp phần phát triển du lịch tâm linh, sinh thái.

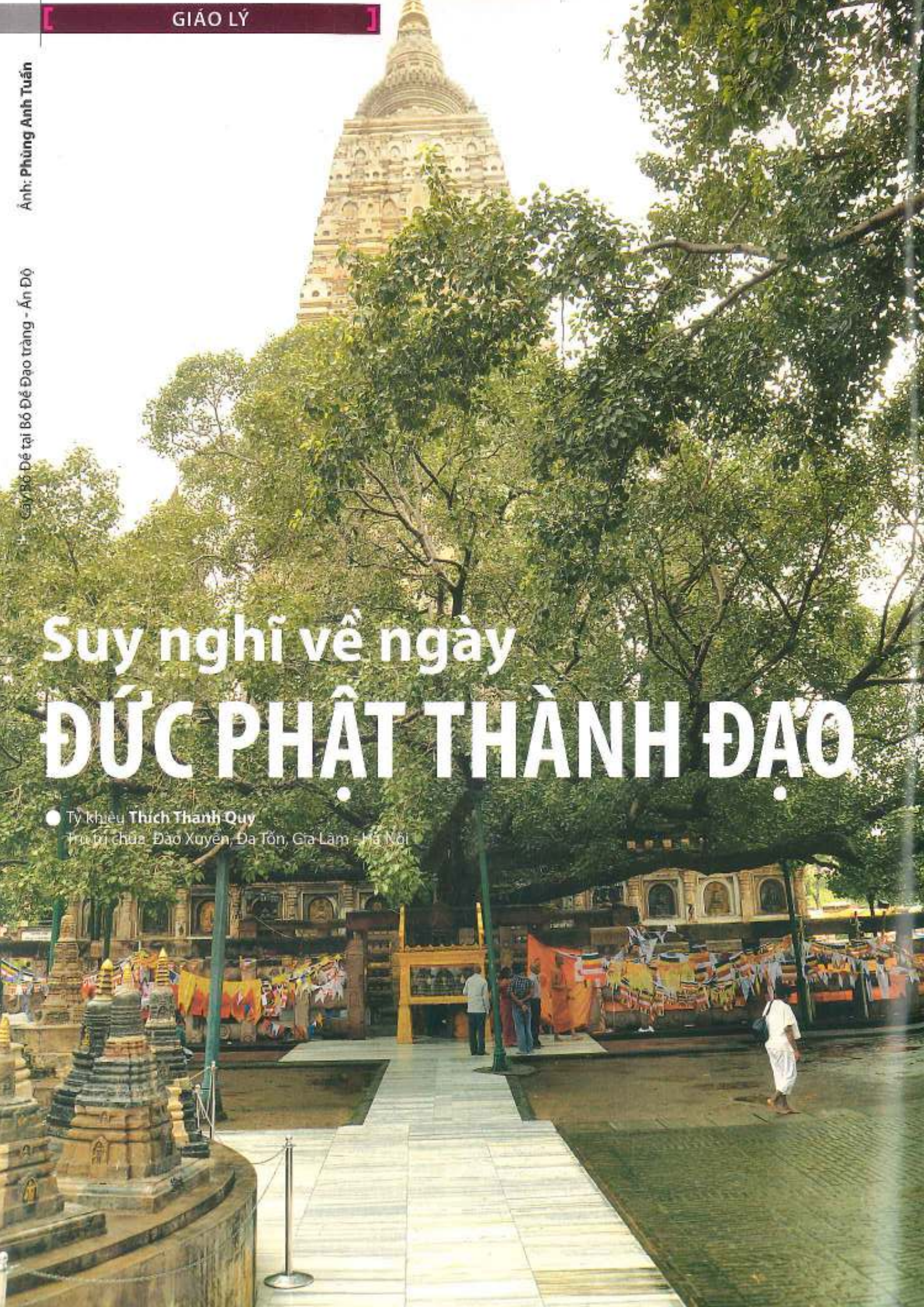
3. Năm cũ sắp qua, năm mới đang đến gần, Thượng tọa có nhắn gửi gì đến Tăng Ni, phật tử cả nước?

Nhân dịp năm Quý Tỵ sắp qua, chào đón năm Giáp Ngọ, tôi xin kính chúc Chư tôn đức Giáo hội Phật giáo Việt Nam và toàn thể Tăng ni, phật tử một năm mới đại an lạc, đại hoan hỷ, đại hòa hợp. Từ hình tượng Bạch mã trong cuộc đời đức Phật và Thánh Gióng trong văn hóa Việt Nam, chúng ta tin năm Giáp Ngọ là một năm của sức mạnh, sự kiên trì nhẫn nại, sự sáng tạo, và thành công, sự hòa hợp đoàn kết tập trung trí tuệ trong tăng ni, tổ chức thành công Đại lễ Vesak Liên hợp quốc 2014 tại Bái Đính, Ninh Bình và khắp nơi trong cả nước để kính dâng lên Đức Từ phụ Bản Sư Thích Ca Mâu Ni!

Suy nghĩ về ngày ĐỨC PHẬT THÀNH ĐẠO

● Ty khưu Thích Thanh Quy

Trưởng chùa Đạo Xuyên, Đa Tốn, Gia Lâm - Hà Nội



Trên thực tế đã có khá nhiều hành giả, học giả nghiên cứu về ngày Đản sinh, ngày Nhập Niết bàn, đặc biệt là ngày Ngài Thành đạo; và đồng thời cũng đã tốn không ít công sức và giấy mực viết, tán thán về công lao cũng như những đóng góp của Ngài trong suốt chiều dài lịch sử của nhân loại kể từ khi đạo Phật do Ngài sáng lập và được truyền bá trên cõi đời này.

Tuy vậy, là đệ tử của Ngài, được học tập và chiêm nghiệm những lời Ngài dạy trong quá trình chứng tu Phật pháp, mỗi người con của Phật đều có một nhận thức chung nhưng lại có những suy tư, cảm nhận riêng riêng về Ngài - một Đấng Từ Phụ Đại đức, Đại bi vô biên, vô lượng. Với tư cách cá nhân, cứ gần đến ngày này, tôi lại bằng khuâng, đan xen về một điều gì đó thật khó tả đồng thời luôn tự đặt ra câu hỏi: tại sao một con người sinh ra và lớn lên ở vị trí cao vợi như vậy lại trở nên bình dị và có thể có được những cống hiến cho nhân loại, không một chút do dự và phân biệt, những điều phi thường trong một xã hội hà khắc đến thế? Và tôi tự nhủ rằng chắc phải có một sự "phi thường" nào khác đã từng nung nấu và kết tinh trong duyên phận và tâm trí của Ngài? Chính từ những suy nghĩ đó mà dịp kỷ niệm ngày Ngài thành đạo năm nay (08/12, Phật lịch 2557), tôi quyết định viết lên những suy nghĩ của mình như những lời tri ân để tưởng nhớ về Ngài!

"Thành đạo", theo cách hiểu của tôi ứng với cách hiểu của ngôn ngữ hiện đại, là một khái niệm chỉ một phát minh khoa học, một minh triết lớn lao về đạo đức, xã hội mà Đức Thích Ca Mâu Ni để lại cho nhân loại. Nếu như trong Vật Lý, Acimet (284 - 212 TCN) phát minh ra lực đẩy của nước, Isaac Newton (1642 - 1727) phát minh lực hấp dẫn; Pythagoras (khoảng năm 580 đến 572 TCN - mất khoảng năm 500 đến 490 TCN) và Augustin Louis Cauchy (1789 - 1857) phát minh những điều kỳ thú về những con số, định luật trong Toán học; Khổng Tử phát minh ra quy luật trong quan hệ đạo đức của chính trị, xã hội; và sau này, K.Marx và F.Engels (thế kỷ XIX) phát minh ra học thuyết Giá trị thặng dư và Chủ nghĩa duy vật lịch sử, v.v...; thì bao trùm trên đó là hệ tư tưởng, một "khoa học của các khoa học" - là hệ thống lý thuyết Tứ Diệu Đế, Bát Chính đạo, Thập Nhị nhân duyên; của các cặp phạm trù "vô thường" - "vô ngã", "danh" - "sắc", v.v... vô cùng lý kỳ nhưng đầy tính chất của một khoa học khi giải thích các vấn đề dựa trên sự vận động liên tục của sự vật hiện tượng trong vũ trụ. Có thể nói "phát minh" của Ngài còn nguyên giá trị cả về lý luận và tính thực tiễn cho đến ngày hôm nay. Chính điều đó mà sinh thời Albert Einstein (1879 - 1955) đã từng phát biểu rằng: "Tôn giáo của tương lai sẽ là một tôn giáo vũ trụ. Tôn giáo ấy phải vượt lên Thượng đế của cá nhân và tránh giáo điều cùng lý thuyết thần học. Bao trùm cả tự nhiên và tâm linh, nó phải được căn cứ trên cảm nhận phát sinh từ kinh nghiệm của tất cả mọi thứ tự nhiên và tâm linh như một sự hợp nhất đầy đủ ý nghĩa. Đạo Phật trả lời cho những sự mô tả này. Nếu có một tôn giáo mà có thể đương đầu với

những nhu cầu của khoa học hiện đại đây sẽ là Đạo Phật".

Quả đúng như vậy. Nếu như quan điểm phương Tây và một số tôn giáo lớn khác cho rằng thế giới được sáng thế bởi một thế lực - Thượng đế nào đó (điển hình như Do Thái giáo, Ki Tô giáo và Hồi giáo) thì Phật giáo - ở đây người sáng lập là Đức Phật, ngay từ đầu đã không nhận mình hay con đường mình đi gắn với những nguyên lý thần thánh hay quỷ thần mà, trên hết, nhận thức chân lý bằng một hướng khác, rằng nếu như Ngài là Phật đã thành thì chúng sinh là Phật sẽ thành, nghĩa là đặt duyên nghiệp, trí tuệ và tinh thần vượt khó của cá nhân quyết định. Đây chính là quan điểm thể hiện tính độc đáo mà một tôn giáo vì tương lai của con người, của nhân loại đã tìm ra, đồng thời có thể coi đó chính là gốc rễ cho sức sống mãnh liệt của Phật giáo. Vậy, quan điểm và giá trị về học thuyết của Ngài bắt nguồn và xây dựng trên cơ sở nào? Dưới đây xin được bắt đầu bày tỏ những suy nghĩ của mình bằng những câu hỏi và một vài thiếu ý qua các tiểu mục sau.

1. Tại sao Đức Phật tìm đạo?

Như chư vị đều biết, sau thời kỳ hoàn kim của xã hội loài người giai đoạn đầu dưới chế độ nguyên thủy (mà trong triết học Mác - Lênin gọi là hình thái kinh - xã hội Cộng sản nguyên thủy) nhân loại dần bước sang thời kỳ có giai cấp và đấu tranh giai cấp. Ở đây có những bước tiến tiến rõ nét nhất là dần hình thành quan hệ chủ - tớ; các thế lực mạnh thì ngày càng có điều kiện và cơ hội phát triển mạnh; việc mua bán ruộng đất giữa các chủ nô, và giữa chủ nô với người nông dân, tá điền diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Và như một quy luật tất yếu, sự lấn át của những ông chủ lớn, đến một giai đoạn nào đó sẽ trở thành những thế lực mạnh mẽ trong xã hội, ở đây là trong phạm vi một vùng, một địa hạt hay một tộc người địa phương. Họ ra sức bắt bớ và bóc lột những người yếu thế về làm nô lệ một cách vô điều kiện, thậm chí ngay cả những người sau khi không còn ruộng vườn, yếu cả về thể và không còn tư liệu sản xuất thì buộc họ phải đi làm thuê, bán mình cho những chủ nô. Xã hội Ấn Độ cổ đại là một trong những thí dụ điển hình cho quan hệ đó. Ở đây, có một yếu tố làm nên sự bất công này đó là phân biệt một cách căn bản và rất rõ nét bốn đẳng cấp trong xã hội là:

- 1) giai cấp tăng lữ, học giả;
- 2) giai cấp chiến binh và cai trị, còn gọi là đẳng cấp quý phái hay quý tộc;
- 3) giai cấp thương nhân và thợ thủ công
- 4) giai cấp lao động và nông dân.

Tuy nhiên trên thực tế, mặc dù giai cấp lao động và nông dân được xếp vào hàng cuối nhưng thân phận của họ gần như không có một quyền lợi, giá trị nào về mặt quyền dân sự hay nhân quyền trong xã hội mà hầu hết phải sống một cuộc sống nô lệ, bị áp bức một cách tàn nhẫn bất kỳ lúc nào. Theo Diane Morgan: "Luật củ Manu (truyền thống cổ - trung đại Ấn Độ - TTP) xác quyết rằng các



Tượng Phật Thích Ca Mâu Ni trong Tháp Đại giác - Ấn Độ

Ảnh: Phùng Anh Tuấn

giai cấp xã hội vững chắc được đặt ra để bảo vệ vũ trụ, bảo đảm việc thực thi đúng mực những nhiệm vụ chính yếu. Mỗi đẳng cấp có những bổn phận riêng, những cách hành xử riêng và những cấm kỵ riêng². Như vậy, "luật" này đã bao hàm những vấn đề của thế giới tâm linh hay áp đặt một cách đan xen giữa để thần quyền và thế quyền để xác lập một mô hình xã hội phục vụ cho lợi ích của một bộ phận nhỏ trong xã hội; "những nhiệm vụ chính yếu" để "bảo vệ vũ trụ" thực chất là mầm mống của chủ nghĩa cá nhân mà nó đã được phát triển mạnh mẽ không chỉ ở Ấn Độ mà còn có thời kỳ cực thịnh ở nhiều nước phương Tây thời kỳ Trung cổ. Người nông dân vốn chiếm đại đa số lại là lực lượng chính tạo ra của cải vật chất cho xã hội thì thân phận của nó không được xếp vào hàng luật nào một cách công bằng và chính đáng - trên thực tế. Đó là một trong những điều cực kỳ bất công trong xã hội Ấn Độ ngay vào thời cổ đại mà thời kỳ Đức Phật sinh ra và lớn lên trong một môi trường xã hội như thế!

Song song với đó, cũng là nguyên nhân bắt nguồn cho những vấn đề vừa nêu là ở Ấn Độ, với tư cách là một trong những nền văn minh lớn của nhân loại, ngay từ thời cổ

đại đã xuất hiện những tôn giáo bản địa mà ở đó đã hội tụ gần như đầy đủ những đặc điểm văn hóa, tư tưởng của con người và thiên nhiên của đất nước này, trong đó đáng chú ý là hệ tư tưởng của Ấn giáo hay Bà La môn giáo với một hệ thống tư tưởng khá phong phú, nổi bật là bốn bộ kinh điển trong Veda cùng với các sử thi nổi tiếng được kế thừa và phát triển trong Vedanta và các Upanishad. Ở đây có hai vấn đề cần bàn luận: thứ nhất là giữa một bên mặc dù với số lượng ít ỏi nhưng mang danh nghĩa là đại diện cho chế độ thần quyền và thế quyền, liên kết với nhau với một bên là tầng lớp nhân dân, mặc dù chiếm ưu thế về số lượng nhưng, nói theo cách của Mác, là những thân phận đã bị tước đoạt hết tư liệu sản xuất: bao gồm cả tư liệu lao động và công cụ lao động. Ruộng đất bị chiếm đoạt, phần lớn những người dân trong xã hội Ấn Độ cổ đại bị chiếm đoạt luôn cả thân thể cũng như sự tự do. Họ trở thành những con người không có lấy một chút giá trị trong xã hội. Với một xã hội hà khắc và đầy bất công như vậy cũng đã xuất hiện những con người muốn tìm ra một điều gì đó để cứu vớt đồng loại thoát khỏi ách thống trị vô lý và bất công này.

Tuy vậy, một xã hội bất công gắn liền về chế độ hà khắc

đã ăn sâu vào xã hội Ấn Độ cổ đại nhiều thế kỷ, trở thành hệ tư tưởng trong xã hội đương thời nên sự thay đổi này không thể diễn ra theo kiểu cách mạng bạo lực như giữa chủ nghĩa Tư bản và giai cấp Công nhân, nông dân thời kỳ cận - hiện đại được, mà phải dùng "tư tưởng" để chế ngự "tư tưởng". Và quả nhiên chính điều đó đã giúp cho xã hội Ấn Độ trong nhiều thế kỷ được sống trong xã hội bình đẳng và phát triển khi một vị Thái tử, một Hoàng đế Ấn Độ trong tương lai đã từ bỏ tất cả để thực hiện một cuộc cách mạng giải phóng con người bằng hệ thống tư tưởng, triết học vô cùng khoa học, nhân văn và thuyết phục được đại bộ phận quần chúng nhân dân đi theo: đó là con đường bình đẳng, bác ái và xả bỏ mọi phiền não, tham - sân - si cũng như toàn bộ vô minh mà con người ta đang thực hiện để có được một xã hội công bằng, vì con người. Học thuyết này gọi là Đạo Phật.

2. Đức Phật thành Đạo như thế nào và ý nghĩa của đạo Phật trong đời sống xã hội qua thời gian?

Như trên đã nói một phần, Ngài thành đạo không phải trải qua những cuộc đấu tranh giai cấp hay những lần đi tha hương cầu thực ở khắp nơi vì đói khổ mà Ngài đã trải nghiệm qua một quá trình quan sát, chứng kiến và chiêm nghiệm về cuộc đời ngay chính trong gia đình của mình - đó là hoàng cung, nơi mà tương lai không xa Ngài sẽ ngồi lên đó để thay cha trị vì thiên hạ.

Ở đây, đáng chú ý là: với một bộ óc vĩ đại, và một trái tim thánh thiện đến phi thường, sau sáu năm với những lần thử sức khác nhau để tìm đường giải thoát và cứu vớt chúng sinh thì vào một ngày ngồi dưới gốc cây Bồ đề, Ngài đã giác ngộ khi tìm hiểu và khái quát rồi rút ra quy luật về những nguyên nhân, con đường dẫn tới cái "khổ" cùng con đường để diệt trừ những cái đó. Đó là tất cả những thứ tưởng như xa lạ, viển vông trên cõi đời này thì ngược lại, nó nằm ngay nơi con người, gắn liền với nhân sinh con người Ấn Độ, những gì họ thấy và làm hằng ngày mà ngay cả bốn tầng lớp trong xã hội đều hiểu - để từ đó, nâng cấp lên ở góc nhìn nhân văn nhất với những cách lý giải, giải quyết ở tầm thiên tài.

Những khái niệm về thế giới như các vấn đề "Nghiệp", "Kiếp", "Địa ngục" và "Nhân - quả",... đã thể hiện rõ trong tư tưởng Ấn Độ cổ đại, đặc biệt là trong Ấn Độ giáo để từ đó, thổi những tư tưởng thánh thiện vào rọi hình thành lên hệ thống triết lý giúp con người ta xả bỏ mọi điều theo Ngài là bể khổ cuộc đời. Theo Diane Morgan: "cả hai tôn giáo này đều dùng các thuật ngữ chính như pháp (dharma), và nghiệp chướng (karma). Cả hai đều tìm giải thoát sự khổ đau và vô minh. Cả hai tin vào sự hóa thân/ đầu thai vòng tái sinh và tái tử bất tận. Cả hai đều sử dụng các đạo sư hay các đại sư để giúp môn đồ tìm chân lý"⁶³. Đây là một sự thức tỉnh, một bộ óc thiên tài và trên hết là một trái tim vô cùng nhân hậu dám đứng trên tất cả để nâng cấp, hình thành lên một hệ tư tưởng phù hợp với xã hội ngay trên chính

nền tảng tư tưởng sẵn có trong tư tưởng Ấn Độ.

Và ở đây, một vấn đề đáng chú ý ở chỗ, Ngài không nói những gì quá xa lạ với đời thực, hay đưa ra những tư tưởng phi thực tế mà lấy ngay những triết lý nhân sinh từ trong hệ tư tưởng của người Ấn Độ, để từ đó "thổi" một nhân sinh quan, một cách nhìn có tính cách mạng mới làm thay đổi về chất những gì vốn rất đỗi gắn gũi với người Ấn Độ để chính trên tinh thần đó, họ biết sống bằng tình yêu thương đồng loại, yêu thương lẫn nhau để xả bỏ mọi tham - sân - si, tiến đến những điều lành mà tránh những điều ác. Ngài lấy ngay những điều răn trong các bộ kinh điển của tôn giáo tín ngưỡng cũng như tư tưởng của người Ấn Độ cổ đại để lý giải dưới một nhãn quan mới. Chính điều đó mà sau khi Phật giáo ra đời, quá trình Ngài và các đệ tử đi thuyết pháp không những đã khiến Bà La Môn giáo dần mất đi ảnh hưởng của mình trong xã hội mà còn giúp cho cấu trúc xã hội Ấn Độ có nhiều thay đổi đáng kể; xã hội ngày càng có những người quyền quý đến với người dân, tinh thần bình đẳng bác ái trong nhân dân diễn ra ngày càng phổ biến, giúp cho xã hội Ấn Độ nhiều thế kỷ được thịnh trị và lợi lạc quần sinh.

Một biểu hiện rõ nét nhất, đồng thời là một biểu hiện đỉnh cao của sự bình đẳng bác ái chính là thời kỳ vua A Dục - Asoka (273 - 232). Ông đã cho xây dựng nhiều chùa tháp, cho chạm khắc nhiều cột kinh lớn và đặc biệt là tạo điều kiện để Phật giáo không những phát triển mạnh mẽ tại nước sở tại mà còn được lan tỏa, phát triển sang các quốc gia, châu lục và vùng lãnh thổ khác.

Những xuất phát điểm đặc biệt như vậy làm nên ý nghĩa nhân văn, nhân bản, tạo ra sức sống vượt không gian và thời gian của Phật giáo. Phật giáo đã trở thành một hệ tư tưởng lớn và tác động không nhỏ làm thay đổi "cấu trúc", từ cấu trúc tư tưởng cho đến cấu trúc xã hội Ấn Độ nhiều thế kỷ. Bằng chứng là ở chỗ, từ vai trò trị vì cao nhất của tầng lớp tăng chúng trong việc phân biệt và "trị vì", điều tiết các quan hệ xã hội trước đó thì sau khi Phật giáo ra đời, chính tầng lớp này đã khác về chất khi cũng là các tăng sĩ nhưng lại thực hiện nhiệm vụ đại diện cho một bộ phận người trong xã hội có "thần quyền" để hàn gắn mọi đẳng cấp trong xã hội. Cũng như vậy, ngay chính các vua chúa trong nhiều triều đại cũng đã đến với Phật giáo để biến những quan niệm có khoảng cách trong quan hệ xã hội giữa con người với con người thành quan điểm sống phi khoảng cách khi đặt vấn đề bình đẳng, bác ái giữa con người với con người và biết tôn trọng sự sống như một chân lý cũng như mục đích sống cao cả và duy nhất trên cuộc đời thực này.

Tiêu biểu cho tinh thần ấy là Vua Asoka khi ông thấy được vai trò và sự cần thiết của tư tưởng mới Phật giáo trong việc cứu rỗi tư tưởng lăm than của nhân loại nên đã chủ động phát triển Phật giáo trong nước mà còn cho truyền bá hệ tư tưởng này sang nhiều quốc gia, châu

lục và vùng lãnh thổ khác, tạo cho Phật giáo có được sự lan tỏa thật sự mạnh mẽ ở giai đoạn trước và sau Công nguyên, đặc biệt là thời kỳ trung đại ở các nước châu Á. Phật giáo những thế kỷ cuối và đầu Công nguyên, sau khi đã có sự phân phái, đã lần lượt phát triển mạnh mẽ sang các nước châu Á, đặc biệt là các quốc gia và vùng lãnh thổ như Mi An Ma, Thái Lan, Tây Tạng, Trung Quốc, Nhật Bản và Việt Nam.

Riêng ở Việt Nam chúng ta, sự du nhập và phát triển của Phật giáo cả hai tông phái là Tiểu thừa và Đại thừa ở cả ba miền Bắc - Trung - Nam cho đến ngày nay đã là một minh chứng cho tinh thần nhập thế, sức ảnh hưởng cũng như tầm quan trọng của tôn giáo này đối với mỗi người dân ở từng làng mạc và vùng miền khác nhau. Văn trên tinh thần căn bản của giáo lý Phật giáo, hình ảnh Ông Bụt, hay những vị Phật - Mẫu đã lần lượt được bản địa hóa để triết lý vô thường, vô ngã, từ bi, hỷ xả của Phật lan tỏa và đi sâu vào mọi khía cạnh của đời sống xã hội, trở thành một trong những bộ phận cấu thành nền văn hóa Việt Nam, để lại nhiều dấu mốc đáng chú ý trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước. Ngay từ đầu du nhập, Phật giáo đã biết dựa trên những tập tục của người bản địa để gieo trồng tư tưởng vô ngã, vị tha với một quan điểm nhập thế vì con người. Như nhận xét của Lê Mạnh Thát thì: *"rõ ràng vào thời Đạo Cao từ thế kỷ thứ IV thứ V người Phật tử đã có nhiều hình thức để đưa Phật pháp vào cuộc sống [...] người Phật tử giai đoạn này đã xác định rõ quan điểm sống đạo của mình là chính giữa cuộc đời với nhiều dạng hình của nó"*. Theo GS. Hà Văn Tấn: *"Nhân dân chỉ tin theo Phật giáo khi tôn giáo này có đủ sức mạnh thay thế những thiên thần riêng của họ, hoặc tốt hơn nữa là cùng với các thiên thần đó, bảo vệ, che chở họ. Vì sự phát triển của mình, Phật giáo đã phải và đã làm như vậy. Mà trong các tông phái Phật giáo không có phái nào có đủ bài kinh, bài chú để cầu mưa, cầu tạnh, chữa bệnh, trừ tà... tốt như Mật tông"*.

Theo như ghi chép của William Dampier cho thấy, ở khu vực Kẻ Chợ - Thăng Long - Hà Nội, năm 1688, người dân tìm đến chùa phần nhiều vì mục đích cứu rỗi, gửi gắm thân phận của mình trong niềm tin tôn giáo vào những đấng thần linh, mà Phật - Chùa là một nơi thực hiện được niềm mong mỏi đó của họ: *"Nhiều tu sĩ ngoại giáo ở những ngôi chùa ấy. Người ta nói rằng giới luật buộc họ phải tuân theo những nguyên tắc khổ hạnh [...] hầu như họ chỉ sống nhờ vào đồ cúng bái mà người dân đem đến biếu trong khi họ (sư) lại rất đông cho nên giới tu sĩ thường rất nghèo [...] một trong những điều làm cho dân chúng tìm tới đây là để xem bói - điều mà giới tăng sĩ tự cho rằng mình là người có khả năng"*.

Chính vì vậy mà các nghi lễ mang quan hệ giữa Phật giáo và văn hóa dân gian, luôn có sự hội nhập, đan xen và vay mượn qua lại với nhau để phù hợp với yêu cầu thực tiễn của tín đồ bản địa. Bởi vậy mà khái niệm Phật giáo

dân gian hay Phật giáo nhân gian vì thế có dấu ấn riêng ở mỗi vùng miền ở Việt Nam. Ngay từ thời Lý - Trần, qua sách An Nam chí lược cho biết: *"Thường năm, trước lễ Tết hai ngày, Vua đi xe ngự-dụng, các quan tùy tùng đều mặc triều phục hầu đạo tiến, tế điện Đế-Thích. Ngày 30 Tết, Vua ngồi giữa cửa Đoan, các bề tôi đều làm lễ, lễ rồi xem các con hát múa trăm lối. Tối lại qua cung Động - Nhân, bái yết Tiên-Vương. Đêm ấy đoàn thầy tu vào nội làm lễ "Khu-Na" (nghĩa là đuổi tà ma quỷ mị). Dân gian thì mở cửa đốt pháo tre, cỗ bàn trà rượu cúng tổ... Vào ngày Tết Nguyên Đán..., Buổi sáng sớm, Vua ngồi trên điện Thiên-An, các phi tần sắp lớp ngồi, các quan trong nội đứng lộn xộn trước điện đánh thối các bài ca-nhạc trước đại-đình"*.

Quan hệ giữa Nhà chùa và người dân là quan hệ máu thịt trên tinh thần của tinh thần Phật giáo và quan niệm tình làng nghĩa xóm trong dân gian. Người dân tìm đến chùa để xin được che chở, cứu rỗi: *"Người nghèo viết ra những điều họ muốn cầu xin và đem đến cho tu sĩ. Vị tu sĩ đọc to điều cầu xin trước tượng thần rồi đốt tờ giấy (sớ-TTQ) có lời cầu khẩn trong một bình hương; người cầu xin luôn phủ phục trong quá trình hành lễ"*.

Và cũng ở Việt Nam, những nghi lễ được coi như phương tiện để chuyển hóa và giải thoát con người từ u tối, vô minh sáng một nhận thức chân lý thực tế về cuộc đời này đã được du nhập, xác lập và phát triển ngay từ thời kỳ đầu của nền độc lập. Nghi lễ Trai đàn chẩn tế, là một ví dụ điển hình, được chính sử ghi chép rõ ràng nhất ngay vào thế kỷ XII trong Đại Việt sử ký Toàn thư⁹ và An Nam chí lược¹⁰. Và sau này, trong các nghiên cứu của các hành giả, học giả thế kỷ XXI.

Như vậy, với tinh thần từ bi, thánh thiện vô lượng, Phật giáo đã nhập thế và đi vào đời sống của nhân dân, đồng hành cùng dân tộc ở khắp Năm Châu, Bốn bể, tạo cho Phật giáo hôm qua và hôm nay một sự thống nhất trong đa dạng. Điều này thể hiện ở chỗ, mỗi quốc gia, dân tộc, Châu lục khác nhau, Phật giáo có những sắc thái riêng nhưng mang bản chất và tinh thần chung của một tôn giáo vì con người, vì sự công bằng và vì một xã hội nhân văn, phát triển bền vững.

3. Thay lời kết

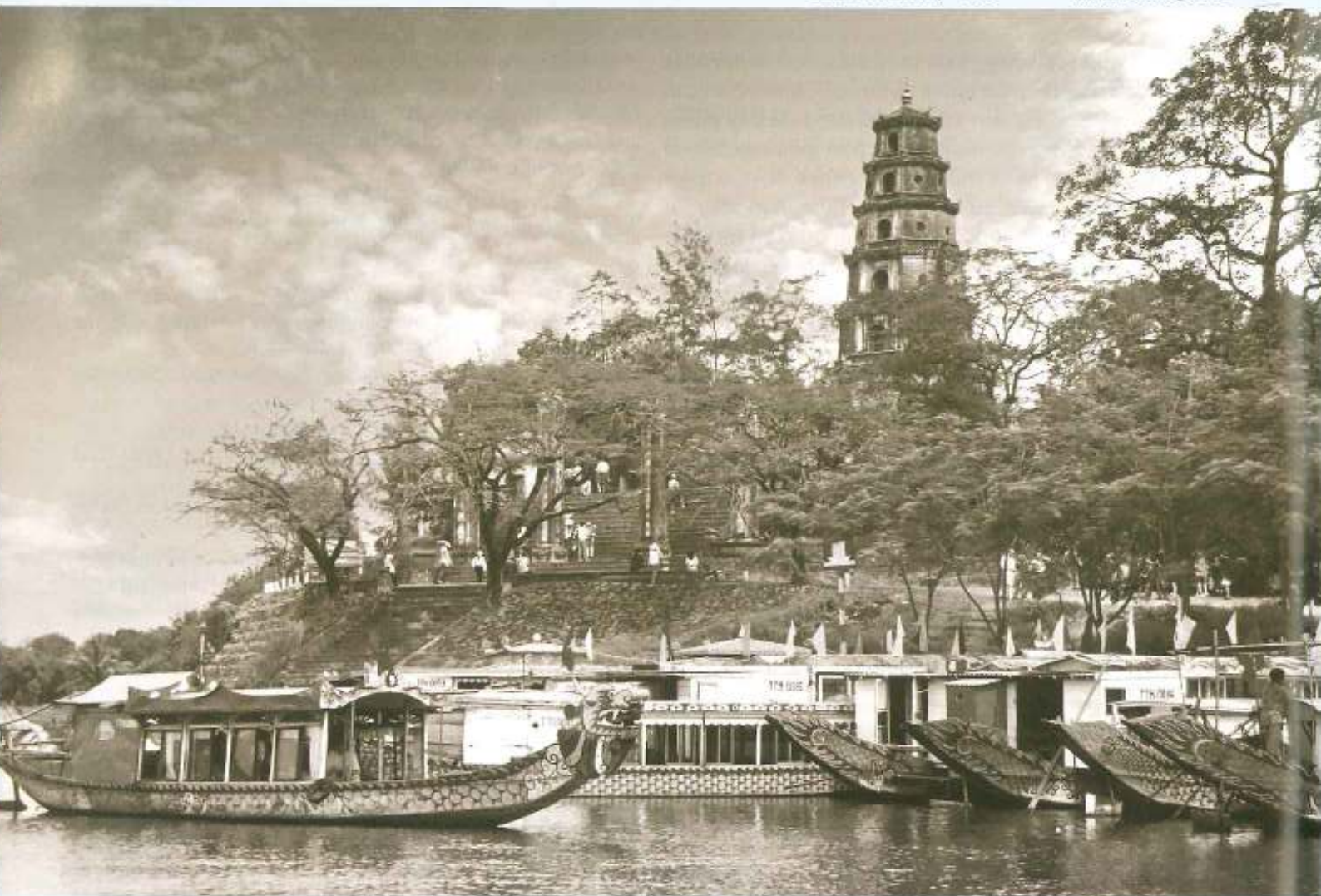
Nhân loại đang trên đường phát triển. Các thành tựu khoa học và công nghệ ngày càng được phát minh, ứng dụng rộng rãi trong đời sống xã hội. Vấn đề hội nhập và toàn cầu hóa mọi phương diện đang là những cơ hội song cũng là những thách thức đối với hầu hết các quốc gia, châu lục và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới. Một trong những thách thức lớn lao đó là sự tụt hậu của một số nước, một vùng lãnh thổ hay sự phân hóa ngay trong chính một quốc gia. Ngoài ra, những áp lực trong một xã hội đầy biến động và phát triển với một tốc độ mạnh mẽ như vậy cũng đặt ra cho con người ta trước những sự lựa chọn,

hiều khi là giữa cái sống và cái chết. Biểu hiện rõ nét nhất cho tinh thần này là chiến tranh, sử dụng vũ khí tối tân cho chiến tranh; và, trong làm ăn kinh tế cũng đã đẩy nhiều cá nhân và tập thể trước những lựa chọn giữa một bên là phải tìm ra mọi âm mưu, thủ đoạn để chiếm đoạt, bóc lột và thậm chí là lừa đảo, xử lý nhau để thoát nạn với một bên là tìm đến cái chết khi đã không còn một tia hy vọng nào. Và chính những thời khắc như vậy, chỉ có Phật giáo mới có thể giải hòa, tiêu tan được những bi kịch mà con người và xã hội đã, đang và sẽ "phấn đấu", bỏ cả sinh mệnh vì nó - những điều "thành công" để rồi chúng ta không còn là chúng ta, vì sự phát triển ổn định và hưng thịnh ngay chính trong từng con người, từng quốc gia, dân tộc.

Có thể nói, với một chặng đường gần ba thiên niên kỷ hình thành và phát triển, với tinh thần nhập thế và một sức sống kỳ diệu giữa biết bao khó khăn, Phật giáo đã trở thành một triết lý, một tôn giáo mang lại cho nhân loại biết bao nhiều điều an lành và thịnh trị. Và để có được ngày hôm nay, thế giới chúng ta không thể không nhắc đến một con người rất đỗi bình thường, một Con Người bằng xương, bằng thịt đã vì nhân loại và vì con người để tìm ra một con đường mà trên đó là chân lý tuyệt mỹ này. Và như vậy, chúng ta không thể không nhắc đến cái thời khắc đặc biệt và phi thường này - đó là ngày Ngài Thành đạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diane Morgan (2006), *Triết học và Tôn giáo phương Đông*, Nxb. Tôn giáo (Biên dịch Lưu Văn Hy), Hà Nội.
2. Lê Mạnh Thát (2005), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam, Tập II*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Hà Văn Tấn (2012), "Về ba yếu tố của Phật giáo Việt Nam", in *trong Đạo pháp, Dân tộc, Chủ nghĩa xã hội và Hòa bình*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh và Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hà Nội.
4. *Việt Nam trong quá khứ: tư liệu nước ngoài*, William Dampier (2007), *Một chuyến du hành đến Đàng ngoài năm 1688*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
5. Lê Tắc (2002), *An Nam Chí Lược*, Nxb. Thuận Hóa và Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Huế.
6. Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt Sử ký Toàn thư, Dịch theo bản khắc năm Chính hòa thứ 18 (1679), Tập I*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Nguyễn Lang (1994), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Tuệ Uyển (dịch), *Albert Einstein với Thượng đế và Phật giáo, theo Đạo Phật ngày nay, cập nhật ngày 15 tháng 10 năm 2013*
- 1 Tuệ Uyển (dịch), *Albert Einstein với Thượng đế và Phật giáo, theo Đạo Phật ngày nay, cập nhật ngày 15 tháng 10 năm 2013.*
- 2 Diane Morgan (2006), *Triết học và Tôn giáo phương Đông*, Nxb. Tôn giáo (Biên dịch Lưu Văn Hy), Hà Nội, Tr. 47.
- 3 Diane Morgan (2006), *Triết học và Tôn giáo phương Đông*, Nxb. Tôn giáo (Biên dịch Lưu Văn Hy), Hà Nội, Tr. 94.
- 4 Lê Mạnh Thát (2001), *Lịch sử Việt Nam - từ thời Hùng Vương đến thời Lý Nam Đế*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, tr. 283
- 5 GS. Hà Văn Tấn (2012), *Về ba yếu tố của Phật giáo Việt Nam, in trong Đạo pháp, Dân tộc, Chủ nghĩa xã hội và Hòa bình*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh và Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tr. 335, 336.
- 6 *Việt Nam trong quá khứ: tư liệu nước ngoài*, William Dampier (2007), *Một chuyến du hành đến Đàng ngoài năm 1688*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr.77-78.
- 7 Lê Tắc (2002), *An Nam Chí Lược*, Nxb. Thuận Hóa và Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Huế, tr. 16.
- 8 *Việt Nam trong quá khứ: tư liệu nước ngoài*, William Dampier (2007), *Một chuyến du hành đến Đàng ngoài năm 1688*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr.78
- 9 Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt Sử ký Toàn thư, Dịch theo bản khắc năm Chính hòa thứ 18 (1679), Tập I*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội Tr.289
- 10 Lê Tắc (2002), *An Nam chí lược*, Nxb. Thuận hóa và Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, Huế, Tr. 72
- 11 Nguyễn Lang (1994), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh., tr. 255.



PHẬT TÍNH VỊ THA

TRONG ĐỜI SỐNG TINH THẦN HIỆN ĐẠI

● PGS.TS Lê Nguyên Cẩn
Khoa Ngữ Văn- Trường ĐHSP Hà Nội

Trong tiến trình thời gian, lịch sử của Phật giáo ở Việt Nam phát triển song hành gắn chặt với lịch sử của đất nước, không tách rời lịch sử dân tộc, vì thế có nhiều khái niệm khó có thể tách bạch rõ ràng đâu là triết lý nhà Phật đâu là minh triết dân gian. Khái niệm vị tha, mà ở đây chúng tôi gọi là Phật tính vị tha, là một trong những khái niệm như vậy.

Qua khái niệm Vị tha (tiếng Anh: *altruism*, *altruist*, tiếng Pháp: *altruisme*, *altruiste*), ta có thể hiểu một cách đơn

giản, nôm na là vì người khác, là biết thương yêu nhường nhịn, san sẻ... với người khác, vốn là hình thức ứng xử thẩm mỹ được gói gọn trong quan niệm "*thương người như thể thương thân*" hay "*lá lành đùm lá rách*" trong cảm thức sống của người Việt, nhưng cũng là phẩm chất và yêu cầu cơ bản của giáo lý nhà Phật, liên quan đến quan niệm từ bi hỷ xả của Phật giáo với nguyên tắc "*lợi lạc quần sanh vô ngã vị tha*". Ta sẽ không bàn tới việc khái niệm này có trước trong Phật giáo hay có trước trong tâm thức dân

gian người Việt, bởi lẽ việc đó rất khó phân định, ta sẽ bàn tới quan niệm vị tha như một phẩm chất của con người-bản ngã, nghĩa là như một phật tính - suy luận từ quan niệm "phật tức Tâm" của bản thể con người, nghĩa là vị tha là một phẩm hạnh phải có và cần có của con người trong quá trình hướng thiện, tu thiện và hành thiện của nó.

Vị tha không phải từ ngẫu nhiên sinh ra, cũng không tồn tại tự do để ai muốn ai cần thì đến xin đến lấy. Vị tha có sẵn trong bản thể con người, như một mầm thiện được tạo hóa ban tặng ngay khi nó được thành người. Mỗi con con người đều do một cha một mẹ hợp thể mà sinh ra, người cha tạo ra tinh trùng - một tế bào sống đặc biệt; và người mẹ tạo ra một quả trứng, và cũng là một tế bào đặc biệt, để từ đó tinh cha huyết mẹ, hay cốt nhục sinh thành của cha mẹ (ta nhớ lại câu chuyện về Natra thái tử khi giận cha giận mẹ thì "róc xương trả cha, róc thịt trả mẹ", để khi gặp Quán Thế Âm Bồ tát thì được Ngài dùng liền chi liên điệp tạo lại cơ thể), hóa sinh trong các dạng tế bào đặc biệt tạo ra con người-bản thể của ta, chất sẵn cho ta trong cái hình hài vật chất ấy những tình cảm vị tha của cõi nhân thế, của tình người tình đời. Nói cách khác, mầm mống vị tha của ta được truyền lại từ cha mẹ ta từ ông bà tổ tiên ta, trở thành phật tính trong con người ta. Nhưng phật tính vị tha lớn lên hay co mòn, tiêu hủy đi thì hoàn toàn phụ thuộc vào ta.

Nhờ có phật tính vị tha, ta biết đến truyền thống gia giáo của gia đình, ta gìn giữ gia phong theo mô hình "đói cho sạch rách cho thơm", ta giữ gìn gia đạo của ngôi nhà hay dòng họ nơi mình thoát thai hiện ra trên cõi đời, để giữ gìn và bảo vệ cái gia lễ của cha ông - mà lễ ở đây không phải là "vào luồn ra cúi" mà lễ ở đây là sự hiểu biết và hành động theo lẽ phải, tuân thủ gia pháp để biết giữ gìn truyền thống "xóm giềng tối lửa tắt đèn có nhau" hay "kiến ngãi bất vi vô đồng giả" như nguyên tắc ứng xử trong cuộc đời vốn chưa bao giờ thuận buồm xuôi gió.

Phật tính vị tha đi vào tác phẩm văn chương hóa thân thành Quan Âm Thị Kính được thờ phụng trong chùa chiền dưới dạng thức Quan Âm tống tử mà pho tượng Quan Âm tống tử của chùa Tây phương là một kiệt tác điêu khắc cho thấy vẻ đẹp vị tha của người phụ nữ Việt Nam. Phật tính vị tha để lại cho ta truyền thuyết về Bà chúa Ba trải qua bao gian lao vất vả, chịu hết mọi nỗi gian truân trên đời để hóa thân thành Quan Âm Diệu Thiện quen thuộc dưới cái tên Phật Bà chùa Hương. Và tiêu biểu nhất là Phật Bà Quan Âm - biến thể của Quán Thế Âm Bồ tát - vị Bồ tát có khả năng bao quát, quán xuyên mọi âm thanh của thế giới, tức là thấu suốt được mọi nỗi đau nỗi khổ của chúng sinh mà vì thế Người tâm nguyện ở lại trong cõi sa bà để cứu khổ cứu nạn bằng nước cam lộ mang tên đại từ đại bi, với phẩm chất vị tha luôn sẵn sàng cứu độ chúng sinh - được người Việt tài hoa tạo khắc trong khuôn hình Phật Bà nghìn mắt nghìn tay, được vinh danh thành Quan Âm Nam Hải.

Phật tính vị tha ở Việt Nam thường gắn liền với việc tôn vinh phẩm chất người mẹ. Trong lịch sử Phật giáo các vị

Phật Ấn Độ thường có danh phận là đàn ông, nhưng khi đi vào văn hóa Việt thì lại chuyển hóa thành Phật Ông-Phật Bà mà các ghi nhận sớm nhất về vấn đề này chính là truyền thuyết về Man Nương gắn với huyền tích Luy Lâu - chùa Dâu, gắn liền với sự ra đời của Tứ Pháp: Pháp Vân - Pháp Vũ - Pháp Lôi- Pháp Điện, bốn người con gái của Phật Mẫu Man Nương. Phật giáo Ấn Độ cũng đưa vào Việt Nam một vị thần mới, đó là ông Bụt (bắt nguồn từ tên gọi Buddha), một vị thần hiền lành vô hạn, vị tha vô cùng, chỉ ra sức cứu đời độ nhân độ thế mà chẳng hề trừng phạt ai, tới mức trở thành một hình thức so sánh dân gian "lành (hay hiền) như Bụt" và qui định thái độ ứng xử của người dân "Hiền với Bụt chứ ai hiền với ma".

Như vậy, có thể thấy một sự trùng khớp giữa phật tính vị tha của giáo lý Phật pháp và phẩm chất vị tha của người Việt vốn bắt nguồn từ văn hóa thờ Mẫu của mình. Điều này cũng dễ dàng nhận ra khi phần lớn các chùa chiền Việt Nam đều có các ban thờ Mẫu: trước hết là Tam tòa thánh Mẫu, tiếp đó là các ban thờ Bà chúa Thượng Ngàn (tức La Bình công chúa, tương truyền là con của Thánh Tản viên, được giao cai quản 12 cửa rừng), thờ Bà chúa Thượng Thiên, thờ Bà chúa Thoài (là con gái của Long Vương cũng có phẩm chất vị tha, cứu người cứu đời mà người Việt vốn sống trên miền sông nước tôn vinh), thờ Bà chúa Liễu hay Mẫu Liễu Hạnh (Hóa thân của Mẫu Thượng Thiên, vừa là bậc Tiên thánh vừa là người trần, vốn là Quỳnh Hoa công chúa được phong thành Mã Hoàng công chúa, Chế Thắng Hòa Diệu Đại Vương, văn võ song toàn, vẻ đẹp nghiêng thành nghiêng nước, yêu sắc trọng tài...). Tiêu biểu cho văn hóa vị tha thờ mẫu là ngôi chùa Thiên Mục - Bà Trời lừng lừng soi mình bên dòng sông Hương thơ mộng, hay tháp Bà ở Nha Trang thờ nữ thần Uroja = Pô Yan Ina Nuga = Mẹ Quê hương xứ sở, của dân tộc Chăm- dân tộc kiến trúc sư tài hoa- đã dựng không biết bao nhiêu đền tháp suốt dọc dài đất miền trung nắng lửa.

Phật tính vị tha không chỉ thể hiện qua cách thức hay hành vi ứng xử mà còn thể hiện trong cách thức nói, trong nghi thức lời nói. Những lời chúc thân tình ta dành cho nhau nhân ngày đầu năm mới cũng là những biểu hiện của lòng vị tha. Trong những lời chúc đó ta dành cho nhau những ước muốn chân thành, có thể là hạnh phúc trăm năm bền vững, có thể là vật chất tiền tài dư dả quanh năm, cũng có thể là những ước mong cho một sức khỏe để làm thêm nhiều việc khác nhau trong cõi sa bà, cũng có thể là lời nguyện cầu cho quốc thái dân yên, cho thái bình hoan lạc... Phật tính vị tha cũng thể hiện trong lời ca tiếng hát nhưng cũng cần nhớ rằng khi thay đổi thị hiếu thẩm mỹ về ca nhạc thì đồng thời cũng kéo theo hệ lụy là thay đổi thị hiếu thẩm mỹ về nhân cách con người. Âm nhạc mà la nhiều hét lớn thì nhân cách cũng xuống cấp. Ta có thể thấy rõ điều này khi thưởng thức âm nhạc Phật giáo hay đắm mình trong nhạc giao hưởng của các nhạc sĩ thiên tài của nhà thờ Thiên chúa giáo như Bethoven, Moda... Vì thế, tình mẹ bao la trải dài trong tiếng ru năng

giấc cho con khôn lớn, chấp cánh cho con bay xa, cũng chính là ban cho con lòng vị tha nhân ái để con biết sống cho đời, biết sống cho người, biết tận trung với nước, biết tận hiếu với dân, biết lẽ phải "sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình" (Tố Hữu).

Phẩm chất vị tha không những được biểu hiện trong cùng cộng đồng mà còn trở thành phương thức ứng xử ngoại giao của nhiều triều đại phong kiến Việt Nam trước đây nữa. Đó là các cử chỉ hết sức nghĩa hiệp đối với các tù binh, hàng binh mà điển hình là cách đối xử của Lê Lợi - Nguyễn Trãi đối với bại quân nhà Minh: "đi thù thì ta cho thuyền, đi bộ thì ta cho ngựa", hay việc tìm kiếm, cắt tóc và trao trả hài cốt binh sĩ Mĩ tử nạn tại Việt Nam...

Phẩm chất vị tha trở thành giải pháp cứu đời cứu người: hoặc để đi tu nương nhờ cửa Phật, lấy ánh sáng và phẩm chất phật tính để tự sửa mình mà không đổ lỗi cho đời hay không chê trách đời, hoặc trở thành "giọt nước cành dương"... nối dài tình người tình đời trong cõi nhân thế. Như vậy, phật tính vị tha, có một vai trò quan trọng và tích cực trong đời sống nhân sinh, trong ứng xử thẩm mỹ giữa người và người trong cộng đồng. Giải pháp vị tha hiện hình trong các quan niệm ứng xử không chỉ một vùng mà cả toàn cõi nước Nam mà cụ thể là khi nói đến tình tất yếu phải đề cập đến nghĩa, không có tình nào mà không có nghĩa trong đó, cũng như không có nghĩa nào mà lại không nặng tình, tạo thành một quan hệ vị tha nhân bản: tình chồng nghĩa vợ, tình cha nghĩa con, tình làng nghĩa xóm, tình anh nghĩa em, ...

Tiểu thay, trong đời sống tinh thần hiện đại của những ngày hôm nay, phật tính vị tha đang mất dần đi vai trò tích cực của nó mà biểu hiện cao nhất là sự vô cảm trước cái ác, trước những hành động dã man. Tại sao lại có hiện tượng đó? Ta có thể tìm lời giải đáp trong sự biến đổi mang tính chất đứt gãy của không gian sống hiện nay. Trong kiến trúc đình chùa cũng như trong kiến trúc không gian sống quen thuộc của người Việt, ta thường gặp mô hình nhà dài: có thể là ba gian hai chái, năm gian hai chái... của người Kinh, hay nhà rông, nhà gươil... của các dân tộc anh em. Trong không gian kiến trúc đó, bao giờ cũng có chỗ cho cái thiêng ngự trị, chỗ đó thường được gọi là gian bầy - gian để thờ phụng, gian để tôn vinh ông bà tổ tiên, tôn vinh các tiền nhân xuất thế. Trên mặt bằng của không gian nhà dài, mọi người sống trong quần thể yêu thương, đùm bọc, chỉ bảo, che chở lẫn nhau, hoặc là tam đại đồng đường hoặc tứ đại đồng đường... vốn vô giá mà không phải có tiền là mua được. Ông bà sống với con cháu, cha mẹ sống với con cái, quanh năm suốt tháng hòa thuận, không to tiếng cãi vã, không va chạm tranh chấp..., một không gian yên bình. Mô hình nhà dài bị thay thế bằng mô hình nhà ống để phù hợp với cảnh đất chật người đông, kéo theo đó là sự phân hóa gia đình mà rõ nhất là sự xác lập chủ quyền sở hữu của cá nhân đối với không gian mình sống. Muốn vào phòng ai thì phải gõ cửa. Cha mẹ sống riêng, con cái sống riêng, ai cũng cố gắng tận hưởng cái riêng của mình, theo kiểu mình.

Con cái suốt ngày chìm vào các trò chơi games sau khi mệt mỏi truy kiếm các trang sex; bố mẹ cũng mỗi người một kiểu hoặc là cá cược bóng đá ăn tiền, hoặc là theo đuổi những trang hình theo sở thích. Đương nhiên, chẳng ai cấm ai, chẳng ai can thiệp vào ai, bởi đó là sở thích cá nhân mà cuộc sống hiện đại, theo họ, là phải tôn trọng cá nhân. Đúng, cái cá nhân cần được tôn trọng, nhất là các phát minh sáng chế, nhưng cái cá nhân không nằm ngoài qui luật của tự nhiên, trong đó có qui luật của sự vị tha. Bởi lẽ, ta tắm trẻ con trong bạo lực thì người gặt bạo lực trước hết là ta, ta bỏ đi vị tha thì cái ta còn chỉ là vị kỉ.

Vị tha là một giá trị văn hóa, mà đặc trưng mang tính giá trị của văn hóa là văn hóa bao giờ cũng vì con người, bao giờ cũng bênh vực và bảo vệ con người, tôn vinh cái đẹp và phẩm chất người cho con người. Nhưng cũng cần phân biệt rõ giữa văn hóa chân chính và văn hóa giả tạo hay những thứ hàng hiệu đội lốt văn hóa để đầu độc con người. Khi trong cuộc đời cái thiện chưa thắng thế, cái ác còn tràn đầy thì cuộc chiến Thiện - Ác vẫn là cuộc chiến cam go. Cuộc chiến tàn nhẫn nhất trong xã hội hiện đại là cuộc chiến dùng văn hóa hay đội lốt văn hóa để tiêu diệt văn hóa, để xóa sổ phật tính vị tha, để xác lập chủ nghĩa cá nhân ích kỉ, vô chính phủ, vô tổ chức. Con người Việt Nam vốn thích hòa đồng, vốn thích sống trong giao lưu hòa cảm, theo kiểu "bát cơm sẻ nửa, chén sui đắp cùng" (Tố Hữu), có nấu nồi nước chè xanh thì gọi mời cả làng cả xóm đến cũng chỉ để uống nước, mà ai không đến sẽ bị trách cứ... Cái vị tha sẽ nhân lên lòng yêu quê hương đất nước, yêu nghĩa yêu tình, yêu mọi giá trị mà cha ông để lại để tôn tạo cho đất nước này vững bền trong suốt trường kì lịch sử của nó. Vị tha gắn liền với tính thiện của con người mà biểu hiện cao nhất của tính thiện đó là lòng thương người, là tình thương yêu đồng loại của mình. Thương yêu con người, hiểu trong khái niệm vị tha, chính là làm cho con người không cảm thấy cô đơn trong đồng loại, là làm cho con người có chỗ đứng và được đứng ngang hàng trong đồng loại, là làm cho con người sống có trách nhiệm với đồng loại, là làm cho con người trở nên cần thiết đối với đồng loại của nó. Đó là thứ vị tha cao cả, vị tha trong sự giác ngộ, trong sự bình đẳng chứ không phải là thứ vị tha theo kiểu ban phát, ban ơn. Bởi tình thương không gắn với lẽ thiện thì không phải là tình thương mở đường, không phải là vị tha đích thực, nghĩa là vị tha phải được tạo ra và được xây dựng trên nguyên tắc "cho cần câu chứ không cho con cá", có như thế thì mới có thể xác lập vai trò của vị tha trong thế giới sa bà được. Vị tha đương nhiên phải xuất phát từ tâm, phải gắn với tâm, nhưng đó là tâm Phật, phải là chính tâm chứ không phải là tà tâm. Vai trò của phật tính vị tha là hết sức quan trọng trọng việc xây dựng và xác lập nhân cách Việt trong công cuộc hội nhập hiện nay, mà qua triết lí "lợi lạc quần sanh vô ngã vị tha" của giáo lí nhà Phật, ta mới cảm được tầm vóc lớn lao của Đức Thích-ca Mâu-ni Tôn giả qua các giáo huấn chỉ đường vạch lối đưa con người ra khỏi kiếp người vị kỉ để hướng tới cõi vị tha./.



Mùa xuân và minh triết của hoa

● Pháp Vương Tử

Tết đến xuân về, đắm say trong ngàn hoa đua sắc chen hương, một tứ thơ chợt hiện trong tôi:

*Xuân có từ Vô Thủy
Hoa đến tự Vô Chung
Ngàn đời huyền lực ấy
Cho duyên thơ nhập thần.*

Đúng vậy, Giáo lý Duyên khởi - một giáo lý nền tảng của đạo Phật đã làm thỏa mãn tri thức nhân loại khi đối diện với bản thể của muôn sự, muôn vật ở thế gian và cả ở... Xuất thế gian nữa. Cũng như mùa xuân và hoa; cũng như đời sống bây giờ và thơ ấy luôn thị hiện nơi Ta bà luôn bất ổn nhưng cũng rất mực yêu thương này vì sự "cứu rỗi" của thế giới nằm ở những khổ đau của chính con người. Nữ văn sỹ Pháp Françoise Sagan (1935 - 2004) với những tác phẩm văn học Hiện sinh nổi tiếng như tiểu thuyết *Buồn ơi, chào nhé*, *Một chút mặt trời trong nước lạnh...* của bà đều nói lên rằng: Hạnh phúc thật ngắn ngủi và giả tạo.

Chỉ có nỗi buồn mới vĩnh cửu. Bởi ai cũng biết sẽ có sự ra đi của mình, sẽ tắt như một ngọn nến. Hơi buồn. Nhưng cảm giác đó thật quý vì nó khiến ta sống nghiêm trang hơn, buộc ta phải sắp đặt sao có thể sống một cách hợp lý hơn, bởi biết được giới hạn của cuộc đời mình. Vì thế "sống trong đời sống cần có một tấm lòng. Để làm gì, em biết không? Để gió cuốn đi" (Trịnh Công Sơn). Để gió cuốn đi - chính là sự biểu hiện những năng lượng của "Một tấm lòng" của Tử và Bi đối với đời sống và cuộc sống bây giờ và ở đây. Biết rằng cuộc sống này là tùy duyên: Đủ duyên hợp lại là SINH, thiếu duyên ly tán là TỬ, nên người hiểu giáo lý Duyên khởi không mấy bận lòng với sinh tử nhưng lại trân quý cuộc đời này hơn ai hết, vì NGỘ ra đời sống an lành đầy minh triết này như "Một chữ tình để duy trì thế giới/Một chữ tài để tô điểm Càn Khôn"; mà nhà thơ cổ điển Trung Hoa sống ở thế kỷ XVII là Trương Triêu đã thốt lên dòng cảm tác trong tập tản văn *U mộng ảnh* rất đỗi tài

hoa, thanh nhả để lại cho đời.

Chả vậy mà cứ tết đến xuân về nhà nhà đều có hoa tươi, dẫu có nghèo đến mấy. Sao vậy? Vì từ ngàn đời hoa đã là bạn với con người, tô điểm cho cuộc sống con người; biểu tượng của cái đẹp và hạnh phúc "miên trường". Phải vậy không mà tự thờ Hồng Hoang cái đẹp uyên nguyên của hoa vẫn vậy, mà "Cái đẹp và tình yêu, cái linh vực mà người ta đáng sống vì nó" (Lép-Tônstôi). Thế đấy! Như Lai... Hoa cứ lặng im như mặt trời không nói mà mầu nhiệm trong cõi Ta Bà ô trược này như một pháp môn vi diệu để cứu rỗi. Cái huyền lực của hoa đã cho thơ nhập thần với mầu hoa, sắc nắng, với gió bắc mưa phùn của ngày đầu xuân này. Mưa phùn cứ giăng giăng, băng láng, tựa như vỏ hình, nhẹ nhẹ như sương mỏng mà chỉ có khí hậu miền Bắc thôi. Trong hương xuân để khiến người ta nao lòng vì một nỗi nhớ nào đấy: Tôi gặp cô gái trẻ Nguyễn Thị Hoài Thu, quê Tiền Hải - Thái Bình đang công tác ở Truyền hình Hà Nội. Cô cũng đang nhớ làng quê yên ả của mình và chia sẻ... "Thấy ơi, cứ xuân về con lại nhớ hương bưởi quê nhà. Hoa bưởi nở từ trong năm nhưng tháng Giêng hoa bắt đầu nở rộ và thả hương". Rồi cô bé tung tẩy với hoài niệm: "Ngày nhỏ, khi chơi đồ hàng, con hay lấy những bông hoa bưởi cho vào lọ ngâm nước để thành "nước hoa" bôi tóc cho thơm. Con vẫn còn hình dung ra những bông bưởi ấy: từng chùm, từng chùm hoa trắng muốt tinh khiết, có cả những nụ nhỏ như đầu ngón tay út, lấp ló sau những nhánh lá xanh nõn như ngọc bích. Con từng giúp mẹ bày đĩa hoa bưởi lên bàn thờ Phật, bàn thờ tổ tiên trong những ngày tết. Vui lắm thấy ơi!".

Trò chuyện mùa xuân với cô gái trẻ Hoài Thu tôi chợt thấy lòng vui vui vì nhận ra: Đâu phải trong xã hội thời @ bây giờ, người ta - nhất là giới trẻ đang chuyển mọi tâm tư cho... tình yêu vật chất!

Tình yêu hoa rất mực của cổ kim thiên hạ cũng tùy theo quan niệm. Người ta gửi gắm vào hoa những suy tư về cuộc sống, nên hoa được "nhân hóa" như một tính cách, một số phận, một đạo đức: Trăm hoa Cúc đứng đầu vì cúc tượng trưng cho đức tính giản dị, khiêm nhường. Người ta còn sắp xếp thứ tự theo sự thẩm định, yêu thích:

Thứ nhất là hoa móng rồng

Thứ nhì hoa trứng lại cùng tử tiêu

Hoa phù dung rực rỡ đấy, nhưng sớm nở tối tàn, hoa hồng lấm gai nhọn nhưng được cả sắc lẫn hương. Những loài hoa quý và đài các phải kể đến: Hoa hải đường, hoa mẫu đơn, dạ lý hương, thược dược... còn nữa ấy là những hoa đã thuần hóa, người ta trồng, chăm sóc để làm cảnh và để bán nữa. Những hoa hoang dại gọi là hoa của hương đồng gió nội, hoa của trời cũng làm cho đời sống này nên thơ lắm đấy: Hoa rau sam hoe vàng nhỏ xíu nổi trên cọng mọng căng tím sẫm. Hoa lông chông như cuộn bông vo tròn lang thang phiêu dạt theo gió. Góc vườn, bờ ao hoa dành dành trắng thơm ngát. Lại còn cả trăm thứ hoa trên rừng dưới biển nữa. Hoa đã đi vào văn hóa ẩm thực với những món... "hoa" lịch lãm, sang trọng. Rồi hoa là thuốc, thuốc là hoa cũng đã có từ bao đời nay rồi: Hoa mào gà

cắm máu, cúc vàng chữa đau mắt, đau đầu. "Rẻ như bèo", vậy mà hoa bèo tây - còn gọi là bèo Nhật Bản cứ lấy nó giã nát cùng vài hạt muối ấn đắp mụn nhọt rất công hiệu. Mát ngủ thì uống nước hãm hoa dâm bụt phơi khô. Hoa ngâu vàng, nhỏ li ti mà thơm ngát, sắc nước uống chữa sốt và định suyễn có kết quả. Cánh hồng bạch trộn đường phèn hấp cơm để chữa ho cho trẻ nhỏ. Bài thuốc bí truyền Hồng Bạch liên hoa chỉ gồm hai loại sen trắng sen hồng chữa cảm máu bèn trong công hiệu như thần. Nếu chế thành bột Hồng Bạch liên hoa rồi ngào với mật ong làm thành viên như hạt ngô, sấy khô để uống trong thì thân thể nhẹ nhàng, đẹp tươi nhan sắc. Có một giống hoa "thật" lại có tên là hoa Giấy, ấy là người Việt mình đặt tên vì cánh hoa nham nháp như lá, như giấy. Thực ra nó là hoa "nhập nội" có tên "tây" là Buganhvin (có lưu danh trong từ điển của Pháp). Người ta đã lấy tên của một sỹ quan hải quân Pháp là: Đờ-bu-ganh-vin (1729-1811) để đặt tên cho loài hoa này như một sự ghi nhận, vì ông đã đem giống hoa này từ Tân Đảo trồng tại các nước thuộc địa của Pháp lúc bấy giờ, trong đó có Việt Nam. Theo nhà văn Tô Hoài: "Khi thoạt vào nước ta hoa chỉ một mầu tím. Người Pháp hay trồng làm bờ rào, cổng đồn, trại lính, các công sở", vì cây có thân leo, lại có gai, sống rất khỏe, chỉ trồng hoa nơi đất cằn, sỏi đá; trồng ở đất màu mỡ chỉ tốt lá. Đã lâu rồi hoa giấy được người chơi khéo ghép giống, chăm sóc, nên chỉ một gốc thôi mà lẫn lộn hoa mầu hồng, mầu trắng, mầu hoa hiện rất vui mắt.

Thời nào cũng vậy, chơi hoa là một thú chơi tao nhã, sang trọng và trí tuệ, nhưng không thể gọi là xa xỉ được, vì chính cái đẹp màu mỡ dễ gợi... xuân tình của hoa luôn có mối quan hệ thân tình với con người ta. Và khi con người thị hiện giữa muôn hoa bằng chính niềm tình giác thì đào nguyên mới ở mãi giữa lòng đời, lòng người; có vậy mới còn mãi tiếng chuông chùa hàng ngàn lên mỗi sớm chiều, hòa vào cuộc sống, lẫn vào hoa. Có phải chuông vì hoa mà ngân thành tiếng, hay hoa vì chuông mà tỏa sắc khoe hương.

Thế nên một nước Việt ngàn năm văn hiến sau lễ hội Sắc hoa Đà Lạt - năm 2004 đã tôn vinh hoa bằng một Festival hoa tại Lâm Đồng vào tháng 12/2005. Đây là một Festival hoa đầu tiên được tổ chức ở Việt Nam - Một sự kiện văn hóa du lịch mang tầm quốc gia, cổ vũ và chia sẻ vẻ đẹp tinh thần: cái đẹp cốt cách tinh túy, thanh tao; minh triết của hoa đã thấm đẫm vào đời sống tinh thần của dân tộc ta như một giá trị phi vật thể.

Rồi mấy năm qua nước ta đã trưng cầu ý kiến toàn dân để chọn Quốc hoa, tức là loài hoa tượng trưng cho đất nước, bởi rất nhiều nước đã có quốc hoa của mình như nước Lào là hoa Chăm pa (hoa đại). Nhật Bản: hoa Anh Đào. Trung Quốc chọn quốc hoa là mẫu đơn, nhưng tình Vân Nam của họ lại lấy hoa trà làm ... "tình hoa". Bungari lấy hoa hồng. Và khi hoa sen được tiến cử là Quốc hoa thì có ngay sự đồng thuận rất cao trong phạm vi cả nước; hiện chỉ chờ đợi sự phê duyệt chính thức mà thôi.

Thật vậy có lẽ không một loài hoa nào ăn sâu, thấm đẫm vào đời sống tinh thần của dân tộc ta như hoa sen. Cái tinh túy thanh tao của sen là từ bùn nhơ mọc lên mà hoa đẹp vẫn tỏa hương thơm ngát như khí phách của các cháu con vua Hùng từng dựng nước và giữ nước. Đã có khá nhiều giấy mực bàn về hoa sen rồi, nên chỉ xin có đôi dòng: Sen nở rộ vào cuối tháng tư, là mùa đản sinh của Đức Phật, thế nên huyền sử ghi nhận bảy bước đi của Ngài hiện lên bảy đóa sen báu nâng gót nên biểu tượng của Phật giáo là hoa sen. Cái đẹp toàn bích của hoa sen đã được người xưa đem so sánh với các loài hoa khác:

"Thường hoa đẹp thì không thơm.

Cánh nhiều tầng thì không kết quả

Được hoàn toàn thực khó thay,

Sen kiêm cả chẳng?"

Sen cũng được coi là nơi sinh ra các bậc Thánh các bậc đại Giác Ngộ. Chẳng thế mà hương sen thơm ngào ngạt nhưng có ong bướm nào bu đậu đâu! Tượng đức Phật tay cầm bông sen biểu thị một công án của Thiền tông gọi là Niêm hoa vi tiếu - nhìn hoa mỉm cười. Tên các bộ kinh đồ sộ của Đại thừa Phật giáo cũng mang tên hoa, như: Kinh Pháp Hoa, Kinh Bi hoa, Kinh hoa nghiêm.

Trong các "ứng viên" để xuất làm quốc hoa thì ngoài hoa sen đứng đầu, phải kể đến hoa mai. Hoa mai là linh

hồn của mùa xuân Việt. Mai được tôn vinh lên hàng Ngự sử - ngự sử mai. Ngự sử là chức quan giữ trọng trách là giám sát và can gián vua. Thân cây mai không "màu mỡ", không "phồn thực" như các loài hoa khác mà quắt queo, gầy. Mai gầy nên đẩy lên lòng thanh cao. Hoa mai trắng muốt, cánh hoa cực mỏng - Ấy là nói giống mai miền Bắc chứ không phải mai vàng phương Nam. Mai miền bắc, duy chỉ một màu trắng tinh khiết. Có chi mai và lão mai... nhưng cũng là mai cả. Chi mai là cây mai tơ, già cỗi lụ khụ thành lão mai. Người chơi mai, trọng tuổi tác của mai. Mùa xuân ngắm bông mai tinh khiết lại chợt nhớ đến "Thánh thi" Cao Bá Quát (1808-1855) với hai câu thơ đầy cảm khái:

"Thập tải luân giao cầu cổ kiếm

Nhất sinh đề thủ bách mai hoa"

Dịch là:

Mười năm xuôi ngược giao du quyết tìm thanh cổ kiếm

Suốt đời chỉ biết cúi đầu trước hoa mai mà thôi.

Chỉ biết cúi đầu trước hoa mai mà thôi - Cái hình ảnh đầy ẩn tượng của suy tư "ý tại ngôn ngoại" của "Linh văn bất tại ngữ ngôn khoa" (Nguyễn Du) khiến mỗi người chúng ta nhớ về sự ra đi của một bậc tài hoa khí phách, một vị tướng kiên cường và lỗi lạc; một trái tim lớn của dân tộc Việt Nam: Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Mùa xuân này vắng ông rồi, nhưng bài pháp "Thân giáo" của cả một đời Đại tướng với sức lan tỏa "Hương đức hạnh" đã xốc dậy những hạt lành, không chỉ trong nhân dân nước mình, mà rộng ra trên bình diện thế giới, mà trong Kinh Pháp cú: Phẩm Hoa - ghi:

Hương các loài hoa thơm

Không ngược bay chiều gió

Những người Hương đức hạnh

Ngược gió khắp tung bay.

Vâng, nếu xưa ta chỉ biết cúi đầu trước hoa mai, thì nay hãy quý gối trước Hương người đức hạnh. Ấy là minh triết của hoa với ngôi sao vừa tắt kia sẽ là ngôi sao không tắt trong thăm thẳm thời gian.

Xuân Giáp Ngọ - 2014



Ảnh: Mạnh Thắng

Câu đối Tết

● **Nguyễn Trọng Đông**

Trường THCS Phú Lộc, Krông Năng, Đắk Lắk
(HV Hội VHNT Đắk Lắk)

• Phát huy truyền thống Hộ quốc an dân, Phật giáo đồng hành cùng dân tộc
Coi trọng tinh thần tương thân tương ái, tăng ni đóng góp với quê hương.

• Phật giáo và dân tộc, Chánh pháp từng sáng soi bao thế hệ
Nhân văn bởi tấm lòng, Đạo pháp vẫn rạng ngời mỗi tăng ni.

• Sống thanh nhàn, làm việc thiện, tu hường mỗi tăng ni Phật tử
Yêu cái đẹp, nhớ đền ơn, chánh tâm từng cơ sở Phật đường.

Krông Năng, 10/2013

Ảnh: Phương Đông



Ngô Thì Nhậm (1746 - 1803), tự là Hy Doãn, hiệu là Đạt Hiên, hồi nhỏ có tên là Phó, khi nghiên cứu thiên học lại có hiệu là Hải Lượng; là người làng Tó (nay là làng Tả Thanh Oai), xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội; là con trưởng của Ngô Thì Sĩ.

Xuất thân từ một gia đình vọng tộc chốn Bắc Hà, có truyền thống văn học. 11 tuổi Ngô Thì Nhậm đã đọc được kinh, sử, truyện. Năm 15 tuổi (1761) ông đã soạn quyển lịch sử đầu tiên là *Nhị Thập thất sử toát yếu*. Năm 22 tuổi ông soạn cuốn *Tứ gia thuyết phả* và đỗ Á Nguyên khoa thi Hương (Mậu Tí) và năm sau (1769) ông lại đỗ khoa Sĩ vọng, được bổ chức Hiến sát phó sứ Hải Dương. Bắt đầu từ đây ông chính thức bước vào cuộc đời hoạt động chính trị, mong muốn thực hiện hoài bão là một hiền thần. Năm 1786, phong trào nông dân Tây Sơn chấm dứt quyền thống trị của họ Trịnh. Do chính sách cầu hiền chân thành và sáng suốt của Nguyễn Huệ, Ngô Thì Nhậm đã đem hết tâm huyết, tài năng đóng góp cho sự nghiệp cứu nước và dựng nước dưới ngọn cờ đào của Tây Sơn. Khi quân Thanh sang xâm lược nước ta vào cuối năm 1788, Ngô Thì Nhậm sáng suốt đề ra chủ trương rút lui chiến lược về Tam Điệp (Ninh Bình), tạo điều kiện cho vua Quang Trung nhanh chóng tiêu diệt được 29 vạn quân Thanh, giải phóng kinh thành Thăng Long.

Khi Nguyễn Ánh lên ngôi vua, Ngô Thì Nhậm cùng các cựu thần nhà Lê có cộng tác với Tây Sơn bị truy bức nghiệt ngã, bị đánh đòn ngay ở Văn Miếu - Thăng Long. Ngô Thì Nhậm lúc này đã về an trí vẫn bị gọi về Văn Miếu đánh đòn rất ác hiểm. Ngày 16/2 năm Quý Hợi (tức ngày 9/3/1803 dương lịch), ông mất tại quê nhà.

Ngô Thì Nhậm là một nhà văn hóa lớn bậc nhất thế kỷ XVIII, thế kỷ của những rung chuyển xã hội và lịch sử, thế kỷ tạo ra những con người khổng lồ của lịch sử văn hóa nước ta. Ông là nhà chính trị, nhà văn hóa, nhà trước thuật, nhà tư tưởng, nhà văn. Ông đã để lại một di sản văn học lớn gồm hơn 20 tác phẩm: *Hàn các anh hoa, Hy Doãn thi văn tập, Bang giao hảo thoại, Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*.... Xin trân trọng giới thiệu một bài viết của Giáo sư Sử học Lê văn Lan trích từ cuốn "*Truyện danh nhân Ngô Thì Nhậm*" để bạn đọc được hiểu hơn về cuộc đời và sự nghiệp của một con người lỗi lạc, đã đem cuộc đời mình phụng sự cho dân tộc

HẰNG TÂM

là cái vĩnh hằng

● Giáo sư Sử học Lê Văn Lan

Ở độ tuổi 49, vào năm Giáp Dần (1794), mùa đông, Ngô Thì Nhậm đã có một giấc mơ lạ. Trong mơ, Ngô Thì Nhậm thấy mình đi bộ trên một cánh đồng ngập nước, tới chỗ thôn Hạ của xã Tả Thanh Oai - làng Tó quê nhà. Bỗng "Thấy một nóc chùa hướng tây, quay ra bờ sông, lầu cửa chót vót, trước lầu đặt những cờ quạt, tàn lọng, nghi vệ rất nghiêm trang". Ngô Thì Nhậm tự thuật: "Tôi hỏi người thị vệ: Nghi lễ này do xứ nào cung phụng? Bỗng thấy đứng tiên khào (Ngô Thì Sĩ) ở trong lầu, đưa tay dắt tôi vào chùa, đến chỗ cao đường, hương bày la liệt, tượng Phật trang nghiêm, trong có một chiếc hương án, thế chế cao to. Tiên khào chỉ vào đó mà bảo tôi rằng: "Huyệt ở dưới hương án, đào một lớp đất chùa ra, lập hướng rất đẹp". Tôi thưa rằng: "Định huyệt ở nơi hương án, e rằng vị sai chùa không chịu cho!". Tiên khào đáp: "Sai chùa có mộ cô gái, ông hỏi mà cưới lấy, thì có gì mà không cho?". Tôi tỉnh giấc, biết đó là tiên khào đã mộng cho đất".

Việc tìm đất sinh phần cho chính mình đã được Ngô Thì Nhậm bắt đầu tiến hành ngay từ đêm mơ thấy người cha thân yêu "cho đất" đó.

Ngô Thì Nhậm kể tiếp: "Đạo của đất là việc huyền bí, tôi chưa rõ phép kén chọn. Có viên Cống Sinh (Tú tài) ở đất Mân (Chiết Giang - Trung Quốc) hiểu về môn lý học, tôi rước đến Chu Bội, ngỏ ý muốn rời chùa đi để điếm huyệt, song ngại vì hồ thủy phân tán qua các cung đường. Tôi thì cũng lo là lập huyệt ở nền chùa là điều đáng ngại. Lại xem bói qua cũng không được tốt".

Sau đó, có viên Hiệu sinh trang ấp là Trần Thức, nói với tôi: "Cục đất ở Vườn Cam rất quý". Tôi bèn sai người chọn đất. Trước hết lấy một chỗ ở nơi long mạch gấp khúc, mạch ở phương đông - bắc, hướng về phương nam. Bói "Dịch", được quẻ "Địa lôi phục", sáu hào đều tĩnh. Lời quẻ nói: "Phục hanh xuất nhập vô tật, bằng lai vô cữu, phân phúc kỳ đạo, thất nhật lai phục, lợi ký du vãng", tức là "Quẻ phục, hanh thông, ra vào không bệnh, bạn đến không lỗi, xem xét kỹ đường đi, bảy ngày trở lại, có lợi ở chỗ đi xa".

Khởi đầu của việc tìm đất, lập huyệt đã cần trọng thế. Đến lúc xác định được chỗ cụ thể sẽ là sinh phần cho mình, Ngô Thì Nhậm còn bỏ nhiều công phu hơn nữa: "Tôi nghiêng ngẫm về bản thể của quẻ, đức độ của quẻ, và lời lẽ của quẻ. Tóm lại ngôi đất đó là tốt".

Lại xem xét thật kỹ, mới nhận thấy được chính đó là "long huyệt". Lại nhờ Hoàng Giáp Nguyễn Công ở làng Hương Triều, cùng Trợ giáo Nghiêm Hỷ Thức ở làng

Hoàng Xá cùng xem xét lại đất ấy. "Nhất nhất đều đánh dấu để nhận, đắp nền để nhớ".

Cuối cùng thì đây chính là chỗ được sinh phần! Và may sao, ứng với những điều đã được trong mộng, đều khớp cả: "Lúc đầu, được một huyệt hơi về bên trái một chút. Cùng lấy địa khí từ tây phương (Tân), lập hướng về phương đông (Mão).

Tôi thấy phong thủy hướng vào núi, cũng khá bằng phẳng, hợp pháp. Tham khảo với chỗ trông thấy trong giấc mộng, thì chỗ đất này có con đường ngựa chạy dài. Voi, ngựa, cò, trống, bao bọc trước sau. Tức là hình tượng của lâu đài nghi vệ. Mạch đưa đến là dòng nước gấp khúc, cũng là hình bàn và ghế.

Nhân mạch đông bắc (Cấn) lập hướng đông nam (Mão), lấy ngôi tây bắc (Dậu) làm cửa chùa. Chính ngay ngôi Mão là sau vách chùa. Đó là xuyên qua một lớp vách chùa. Cái Sa (dòng nước) bên phải, nhô lên một con mộc (cổn đất), đưa nước ở phương tây (hồ thủy) vào trong lòng, đến cung Thìn (đông nam) đổ về kho. Tức là ứng với mộng, thì đó là "Con gái sai chùa, hỏi mà cưới lấy".

Giấc mộng của tôi, với việc bói đất của tôi, so sánh đều hợp. Nhân đấy, gọi tên ngôi đất là Vĩnh Định oanh (mộ Vĩnh Định) để làm hai chỗ Giáp và Ất, là nơi sinh phần vậy".

Như thế thành công việc chuẩn bị mộ phần cho cái chết tương lai! Và quá trình chọn, xác lập được nơi rồi sẽ là mộ phần của Ngô Thì Nhậm, khi kết thúc thành công, đã được đánh dấu bằng dòng lạc khoản của Bài ký ngôi mộ Vĩnh Định, để "Ngày Đông chí năm Ất Mão" tức là cuối năm 1975, theo dương lịch.

Điều nài có nghĩa là: Từ tám, tháng chín năm trước sự kiện ngày 16/02 năm Quý Hợi (1803), Ngô Thì Nhậm đã chuẩn bị xong, sẵn sàng cho sự chết và cái chết của mình ở phương diện tạo ra những điều kiện vật thể và cụ thể.

Còn về tinh thần và lý thuyết - lý luận, trong thời gian đi lánh nạn tại am Lê Trạch và viết sách *Xuân Thu quản kiến*, Ngô Thì Nhậm đã có những suy nghĩ sâu sắc, trực tiếp cả đến trường hợp cái chết mà không thể tránh khỏi:

"Trong Kinh dịch 64 quẻ, duy quẻ "Khốn" là thánh nhân cho phép người ta chết. Vì rằng, đã mắc vào tượng quẻ "Khốn" thì không có lối thoát. Người làm bề tôi, làm con, mà gặp phải tượng ấy, thì chỉ có bỏ thân mình để đạt tấm lòng của mình mà thôi".

Khoảng trên dưới mười năm, sau khi viết sách *Xuân Thu quản kiến*, Ngô Thì Nhậm còn trở lại cái ý đã nói

trước và còn bổ sung thêm cả quan điểm Phật học, kết hợp với Nho học, thành lý luận như đã viết trong sách **Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh**:

"Kinh dịch 64 quẻ, chỉ có một quẻ "Khốn" cho phép trí mệnh (bỏ mạng). Kinh Lăng già có 8 thức, chỉ có một thức "Ý" cho phép niết bàn (về cõi Phật).

Thế là cả đạo Nho lẫn đạo Phật đều chẳng khinh dị cho phép người ta chết (một cách cầu thả).

Tượng quẻ "Khốn" là nước đã ngấm xuống dưới đất, đã lia đầm rồi. Thức "Ý" thì như biển cả nổi phong ba bão táp, làm cho song nước cuộn cuộn dâng lên. Bởi vậy, trong quẻ "Khốn" chẳng trí mệnh chẳng được, trong thức "Ý" không niết bàn cũng không được."

Đây là lý luận tự nhiên của cái chết tất nhiên. Nhưng Ngô Thì Nhậm còn có cả lý luận về phương diện đạo lý của cái chết nữa, khi bắt đầu bằng việc phân tích những cái chết mang nhân tính (nhân cách) của con người:

"Văn Khương nước Lỗ, Vũ Thị nhà Đường, đều là những kẻ đại ác trong thiên hạ, thế mà vẫn được hưởng ngôi, hưởng lộc, hưởng thọ. Vậy thì đạo trời ra tai vạ cho kẻ dâm ác, hóa ra là có sai lầm hay sao?"

Trả lời: Thọ là trợ phúc, Danh dự là thanh phúc. Xem như Bá Di, Thúc Tề chết đói, Liễu Chính chết no. Hai hạng ấy, danh dự hơn kém nhau thế nào? Còn Văn Khương, Vũ Hậu thì bị ngàn đời chửi rủa, đó là như bản về ngôi, lộc, thọ vậy."

Ngô Thì Nhậm đã nói rõ sự đích đáng trong dư luận về chuyện đẹp, xấu ở những cái chết cụ thể của cổ nhân phương Bắc để đi tới khái quát thành phương châm:

"Cũng là một cái chết, nhưng có cái chết coi nặng tựa như núi Thái Sơn, lại có cái chết coi nhẹ tựa lông hồng."

Với những điều đã chiêm nghiệm và xác lập được, cho thấy trong thời gian nửa cuối năm Nhâm Tuất (1802), khi hay vào suy nghĩ trong Văn Miếu Thăng Long, thì đó cũng chính là lúc Ngô Thì Nhậm đã trực diện với cái chết trong đầu óc của mình. Thực tiễn ứng xử với cái chết ngày 16 tháng Hai năm Quý Hợi (9/3/1803) cũng cho thấy Ngô Thì Nhậm chắc chắn là đã thanh thân mà quả quyết biết bao nhiêu!

Sự thanh thân mà quả quyết trước cái chết "coi nhẹ tựa lông hồng" vì không chỉ là đã ở vào quẻ "Khốn" và thức "Ý",

mà còn có cả cái "Thanh phúc" của "Danh dự" và đã được thấy lại một lần nữa, khi đào đất để cải tang ở chỗ xưa kia là khu mộ Vĩnh Định mà Ngô Thì Nhậm đã dày công chọn sẵn làm sinh phần trong hai năm Giáp Dần - Ất Mão (1794 - 1795).

Hôm đó, ở sâu dưới đất Mẹ, đã thấy được một tấm bia đá nhỏ, nằm giữa hai chiếc tiểu sành đựng hài cốt của ông và bà nằm song song. Tấm "bia thơ" này theo cách gọi của nhà thơ Trần Lê Văn còn rõ nét chữ của bốn câu thơ, dường như nằm tại đây, là để hai ông bà cùng gối đầu ở cõi vĩnh hằng. Lời thơ viết như sau:

"Hằng tâm hà sa

Vãng lai vũ trụ

Bất đàn bất tử

Tâm thường ly tự"

Tạm dịch là:

"Hằng tâm: cát sông hằng

Lại qua trong vũ trụ

Không mất, không chết đâu

Tâm thường, chuyện ly tự".

Tấm "bia thơ" mang những lời lẽ diệu linh của tư duy triết học này, bây giờ, vẫn đang được đặt trước ngôi mộ mới tôn tạo của Ngô Thì Nhậm ở gần khu từ đường họ Ngô Thì tại quê hương làng Tó - Tả Thanh Oai.

Và như để bậc danh nhân lớn của quê hương, đất nước, cùng lịch sử nhắn nhủ mọi người rằng:

"Trong cuộc sống con người, có một thứ mà nơi đâu cũng có, nhiều như cát sông Hằng, ấy là tấm lòng nhân ái tồn tại lâu dài không thay đổi, gọi là Hằng Tâm. Cái Hằng Tâm đó vận động trong vũ trụ như các vì tinh tú, không bao giờ mất, không bao giờ chết. Cái tinh anh đó mà còn, thì con người còn sống mãi. Sự hợp tan, sống chết, mất còn của một đời người cũng là chuyện tấm thường thôi, có gì đáng kể, so với điều vĩnh hằng đó..."

Cái ý tứ mệnh mang sự cao cả của trí tuệ và tình người này, lồng lộng giữa đất trời, chỉ mười năm sau đã được đại thi hào Nguyễn Du đúc kết lại trong câu thơ tuyệt bút, để mà suốt qua thời gian, trên khắp không gian, truyền xa mãi mãi: "Thác là thể phách, còn là Tinh Anh"



Ảnh: Mạnh Thắng



TÍNH CHẤT LUẬN THUYẾT TRONG “PHỔ KHUYẾN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM” CỦA TRẦN THÁI TÔNG

● Trần Thị Thanh Vân - Thích Hạnh Tuệ

Phát Bồ Đề Tâm là một vấn đề vô cùng quan trọng trong giáo nghĩa của Phật giáo, là yếu tố cần thiết hàng đầu để chuyển phàm thành Thánh, nên trong kinh điển Bắc truyền Hán tạng thường được đề cập đến.

Hình như, hiện nay nói đến văn khuyến phát tâm bồ đề, người ta nghĩ ngay đến Khuyến phát bồ đề tâm văn của ngài Thật Hiền, người Trung Quốc. Bài văn này ra đời

những năm nửa đầu thế kỷ XVIII, đến nay đã và đang được phổ biến rộng rãi trên thế giới, nhất là trong các trường Phật học và có sức tác động rất lớn đến tâm can của người đọc. Trong khi đó, từ thế kỷ thứ XIII, ở Việt Nam chúng ta đã có Phổ khuyến phát bồ đề tâm (*Khoá hư lục*) do vua Trần Thái Tông sáng tác bằng chữ Hán. Chúng tôi cho rằng, đây là một tác phẩm rất hay, có tính thuyết phục rất cao, nhất là tính phổ biến của nó.

Nếu đối tượng chủ yếu mà Khuyến phát bỏ để tâm văn của ngài Thật Hiền Tĩnh Am hướng tới là người xuất gia thì Phổ khuyến phát bỏ để tâm của vua Trần Thái Tông dung thông cho cả tăng lẫn tục.

Dù rằng, trong phần lời tựa, ngài Thật Hiền có nhắc qua: *"Ai cáo đại chúng cập đương thế tịnh tín nam nữ đẳng"* (Xót xa thưa cùng đại chúng và nam nữ có lòng tin thanh tịnh hiện thời). Nhưng trong chính văn, ngài xác định đối tượng bài văn hướng đến là người xuất gia một cách rõ ràng: *"Hà tội nhi sinh mạng pháp, hà phước nhi dự xuất gia"*. (Ta có tội gì sinh ra trong thời mạng pháp, phước gì mà được dự vào hàng xuất gia.)

Còn Trần Thái Tông lại khẳng định: *"Hưu biệt tại gia xuất gia bất câu tăng tục nhị kỳ biện tâm, bổn vô nam nữ nhị hà tu trước tướng"* (Thôi đừng phân biệt người xuất gia hay cư sĩ tại gia; không nề Tăng hay tục, chỉ cốt thấu triệt chân tâm. Vốn không trai gái, cần gì phải dính mắc hình tướng). Như vậy đối tượng Trần Thái Tông hướng đến là toàn bộ con dân Đại Việt, không phân biệt người tu hành hay cư sĩ, nam hay nữ, điều cần thiết là thấu rõ nguồn tâm chứ không nên cố chấp vào hình tướng. Lập tức trên quan điểm đó, phạm vi tác dụng của bài văn này là rất rộng lớn, ai ai cũng có thể tiếp cận được.

Có một điểm đáng chú ý là, bài văn khuyến phát tâm Bồ Đề của Trần Thái Tông ra đời trước tác phẩm của Thật Hiền đại sư hơn 500 năm. Chúng ta không loại trừ khả năng, ngài Thật Hiền đã từng đọc qua và chịu sự ảnh hưởng của vua Trần Thái Tông. Vì khi quân Minh đánh bại nhà Hồ, thống trị Đại Việt, đã đem hết những tác phẩm có giá trị văn hoá, triết học, nhất là Phật học lớn của nhà Trần về phổ biến ở Trung Quốc, đương nhiên trong đó không thể thiếu tuyệt tác Khoá hư lục.

Hơn nữa, một trong những nguyên nhân khiến Phật pháp thời Trần hưng thịnh và được phổ biến rộng rãi trong đời sống nhân dân hơn thời Lý, là đối tượng tiếp nhận Phật pháp mà các vua Trần hướng đến là toàn bộ con dân Đại Việt, nên các tác phẩm dùng để phục vụ cho việc truyền bá giáo lý Phật Đà cũng phải mang tính phổ biến để mọi người dễ tiếp nhận. Vì vậy, bài văn khuyến phát tâm Bồ Đề của vị vua khai nghiệp nhà Trần cũng nằm trong chiều hướng đó.

Tác phẩm được mở đầu bằng thủ pháp so sánh rất ấn tượng và độc đáo giữa vàng ngọc và thân mạng thứ nào quý hơn?: *"Phù thế chí chí quý giả duy kim ngọc nhi, nhiên sát kỳ sở trọng sát kỳ sở tích phân bất cập ư thân mạng giả dã!"* (Ồi! Vật quý nhất đời là vàng ngọc vậy. Song xét tới chỗ quan trọng, chỗ luyến tiếc thì không thể sánh bằng thân mạng.). Được làm thân người, được sinh nơi trung

tâm văn hoá, lại đầy đủ sáu căn có tướng mạo đường hoàng là ba điều khó được. Nếu đã làm được thân người mà quý tài vật hơn thân mình, chỉ bon chen theo danh lợi làm mệt nhọc thể xác, tổn hao tinh thần, thì thật vô cùng đáng tiếc, một khi đã mất thân người thì muốn kiếp khó được trở lại.

Sau khi lý giải cận kề, kèm theo những thí dụ xác đáng nhằm chứng minh, thân người quý hơn vàng ngọc, tiến thêm một bước nữa, tác giả, lại so sánh thân người với đạo cái nào quý hơn? Ngài xác quyết rằng: *"Tuy ngôn thân mạng chí chí trọng, do vị túc trọng ư chí đạo giả dã"*. (Tuy nói thân này là trọng, nhưng vẫn chưa quan trọng bằng chí đạo). Để lý giải thuyết phục cho nhận định này, tác giả đưa ra những lời vàng ngọc của ba tấm gương lớn - ba vị đứng đầu ba hệ tư tưởng lớn nhất phương Đông, từ thấp tới cao, có ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của nhân loại mà ai ai cũng biết:

Thứ nhất là, lời của Khổng Tử - giáo chủ Nho giáo: *"Triêu văn đạo, tịch tử khả hỷ"*. (Buổi sớm được nghe đạo, chiều có chết cũng vui.)

Thứ hai là, lời của Lão Tử - giáo chủ Lão giáo: *"Ngô sở dĩ hữu đại hạn vị ngô hữu thân"*. (Ta sở dĩ có ba cái lo lớn, vì ta có thân.)

Thứ ba là, tích truyện tiến thân của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, từng bỏ thân cứu hổ. Trong khi tu hành đạo Bồ Tát, trong vô lượng vô số kiếp, đức Thế Tôn đã rất nhiều lần xả thân cầu đạo như vậy rồi.

Những bậc Thánh nhân có trí tuệ lớn và phước đức lớn, đã bày gan ruột, dạy rõ chỗ đáng quý của đạo, chúng ta là phàm phu vô trí, há chẳng nên học theo hay sao? Sở dĩ tác giả dẫn chứng ba vị Thánh nhân ở trên, vì dù cho người đọc là sùng Nho, theo Lão - Trang hay tu Phật cũng đều có thể noi gương mà quyết chí học đạo, phát khởi tâm Bồ Đề.

Như vậy, rõ ràng là thân người đã rất quý, nhưng đạo còn quý hơn nhiều. Vì nhận thức rõ đạo lý này, nên các bậc thánh hiền thà hy sinh thân mạng để cầu đạo. Tức là xả bỏ huyễn thân, cầu đạt ngộ chân thân bất diệt. Sắc thân tứ đại vốn vô thường, thờ ra không hít vào là đã qua đời khác, hôm nay đâu còn khó bảo đảm được ngày mai. Nhưng không ít người không thấu rõ chân lý, vạn pháp luôn thay đổi, chấp thân, chấp ngã tạo nên không biết bao nhiêu nghiệp chướng, thường làm tổn hại cho muôn vạn chúng sinh, oán thù chống chọi, lưới ái bủa vây. Rốt cuộc quả báo tự mình mang, vạc dầu sôi muôn lần chết đi muôn lần sống lại; rừng kiếm núi đao không phương chống lại; đói nuốt sắt nóng, khát uống đồng sôi, đội yên ngậm sắt, mang lông đội sừng, lấy thịt nuôi người, đem thân đến nợ, khổ không kể xiết. Đến lúc ấy có hối hận cũng không còn kịp nữa.

Để làm sáng tỏ những lý lẽ trên, tác giả dẫn chứng hàng loạt nhân vật nổi tiếng, có trí tuệ lớn nhất trong lịch sử từ xưa đến nay. Trên từ Phật, Thánh, Tiên, Hiền dưới cho đến vua, quan, trí, sĩ đều một lòng trọng đạo. Nhưng như vậy vẫn chưa đủ, tác giả còn e có người tự ti cho rằng, bản thân mình không thể đem so sánh với Phật, Thánh, Tiên, Hiền, Vua, Quan, Trí, Sĩ, mà thối thất tâm ý, nên đưa thêm ra các chứng cứ, cả đến các loài súc sinh cũng còn biết lãnh hội đạo lý đạt được lợi ích lớn: *"Đã hổ thượng thánh Bách Trượng pháp, loa sư do hộ Kim Cương kinh, thập thiên du ngư văn Phật hiệu hoá vi Thiên tử, ngũ bách biến bức thánh pháp âm nhi tổng tác thánh hiền; mãng văn sám dĩ sinh thiên, long thánh kinh nhi ngộ đạo"*. (Cáo đồng còn nghe pháp Bách Trượng, ốc vặn hay hộ kinh Kim Cương. Mười ngàn cá bơi nghe hiệu Phật hoá làm Thiên Tử, năm trăm con dơi nghe pháp chứng Thánh Hiền. Trăn nghe sám được sinh thiên, rồng nghe kinh mà ngộ đạo.) [Khoá hư lục]

Những thí dụ này rất đặc dụng, thử hỏi loài vật còn như vậy, chẳng lẽ con người không được bằng súc sinh sao? Lời khích chân thành này tác động rất lớn đến người nghe, thôi thúc những người đã phát tâm tu đạo, càng tinh tấn dũng mãnh hơn, ai chưa phát tâm thì gấp rút phát tâm Bồ Đề, dốc lòng cầu đạo, mới thật không uổng một kiếp làm người.

Như vậy tác giả đã chứng minh một cách rất thuyết phục rằng, vàng ngọc không quý bằng thân người; thân người không quý bằng đạo, ngõ hầu khuyến khích toàn bộ con dân Đại Việt nhanh chóng phát tâm Bồ Đề, tu dưỡng phẩm chất đạo đức, phát huy tiềm năng tự thân, hầu giải thoát khỏi khổ đau, đạt được an vui Niết Bàn. Mỗi con dân Đại Việt đều phát huy được năng lực của mình, sống vui sống thiện, thì dân tộc Đại Việt chắc chắn sẽ hùng cường. Đó cũng là một trong những phương pháp hiệu quả và chân chính mà vua Trần Thái Tông đã sử dụng để giáo hoá dân chúng, phát triển đất nước. Và những trang sử vàng chói lọi thời Trần là chính là những minh chứng xác thực và hùng hồn cho chân lý nói trên.

Qua bài viết ngắn này, chúng tôi mong mỗi tác phẩm Văn khuyến phát tâm bồ đề của dân tộc ta được mọi người nói chung, Phật giáo giới nói riêng quan tâm nhiều hơn nữa. Chúng tôi cũng ước mong rằng một ngày không xa, khi dạy môn: *"Khuyến phát bồ đề tâm văn"* trong các trường sơ - trung cấp Phật học, Tăng Ni sinh Việt Nam được học bài văn này của vua Trần Thái Tông trước khi học bài *"Khuyến phát bồ đề tâm văn"* của Ngài Thật Hiền. Được như vậy, cũng là góp phần làm sáng tỏ những giá trị văn hoá truyền thống đích thực của dân tộc ta.

Xuân hỉ lạc

● Kim Tâm Thích Hạnh Niệm

Xuân từng bước đang về trên đất mẹ
Mang sắc màu tươi thắm dệt đường hoa
Người tha phương sung sướng trở lại nhà
Để vui hưởng một mùa xuân như ý.

Xuân biểu tượng - huy hoàng chân thiện mỹ
Xuân tình thương - một liều thuốc diệu kỳ
Xuân mộng mơ - ngời sáng những vần thi
Xuân giác ngộ - xoá tan trời viễn tưởng.

Xuân là một khúc ca đầy cộng hưởng
Ngàn chim hoà, muôn cây cảnh tươi hoa
Mai thắm cành, lan khoe sắc ngọc ngà
Người người thảy cõi lòng đều khoáng đảng

Khi linh khí đã giao hoà sung mãn
Thì muôn nơi khắp chốn thảy xinh tươi
Cùng nhân gian thanh thân góp nụ cười
Thơ mấy vắn đón chào xuân hỷ lạc.

Ảnh: Hồng Ngọc

Thay đổi SỐ MỆNH

Ảnh: Đạo Quang

● Phan Minh Đức

Trong Phật giáo không có khái niệm số mệnh, tuy nhiên, kết quả của nghiệp (*ý niệm, hành động, tập quán, thói quen*) đã tạo nên con người và hoàn cảnh sống, kết quả của nghiệp có tính quyết định hình thành nên cái mà con người ngộ nhận là số mệnh, định số hay định mệnh. Số mệnh là cái mà con người cho là thiên định (*trời định*), không một ai có thể thay đổi trừ phi ý trời thay đổi khi con người làm điều gì đó cảm động lòng trời. Nhưng nghiệp thì khác, nghiệp do con người tạo ra, và phản ứng của nghiệp (*ngiệp quả, hậu quả của nghiệp*) trở lại tác động, chi phối con người. Tính chất của nghiệp là duyên sinh, bất định, cho nên có thể thay đổi.

Con người có thể thay đổi số mệnh (*nói đúng hơn là thay đổi nghiệp, là chuyển nghiệp nếu như nghiệp quả chưa hình thành, nhân chưa trở quả*) bằng cách thay đổi nhận thức, tư duy, hành động, tập quán, thói quen (*chuyển đổi ba nghiệp thân, khẩu, ý*).

Thời đức Phật, Angulimàla là một tên cướp khét tiếng đã giết 999 người và lấy ngón tay của những nạn nhân xâu lại thành chuỗi rồi đeo ở cổ để thị uy. Nhưng từ khi gặp Đức Phật, được Đức Phật giáo hóa, Angulimàla đã tỉnh ngộ và quyết tâm hồi đầu hướng thiện. Sau khi quy y Phật và xin xuất gia, Angulimàla nỗ lực tu tập để chuyển hóa tự thân. Sau một thời gian tinh tấn tu tập chuyển hóa, dù trải qua nhiều khó khăn thử thách do phải nhận lãnh quả báo của những ác nghiệp mà mình đã tạo, cuối cùng Angulimàla cũng chứng đắc thánh quả A la hán, quả vị giải thoát cao nhất của hàng Thánh văn.

Trong quá trình tu tập, suốt một thời gian dài tinh thần Angulimàla không được yên ổn, ông thường xuyên bị ám ảnh bởi những cảnh tượng giết chóc rùng rợn và những âm thanh kêu la thảm thiết của các nạn nhân trước đây ông giết hại. Nhiều lần trên đường đi khát thực, Angulimàla bị thân nhân của những người đã bị ông sát hại



Tháp Chùa Vàng ở Myama Ảnh: AP

Myanmar trong một khóa học về các giá trị hòa bình khiến tôi cảm nhận sâu sắc hơn về văn hóa, cuộc sống của con người nơi đây và hơn hết cả là những bài học thấm thía của Phật giáo được những người dân Myanmar thực hành trong cuộc sống hàng ngày.

Giáo dục hòa bình bao gồm nhiều nội dung như hiếu và thương, sự khoan dung, hòa giải và hóa giải mâu thuẫn bằng đường lối hòa bình... Những nội dung này được truyền tải trong khóa học "Mekong Peace Journey - Hành trình hòa bình khu vực Mekong (17-30/9/2013)" một cách đầy ý nghĩa với nhiều trải nghiệm thực tế.

Myanmar mang lại cho tôi cảm giác như trở về với một miền đất quý báu nơi mà con người sống hồn hậu giản dị chất phác duy chỉ có những khát khao mãnh liệt về hòa bình luôn cháy sáng trên gương mặt họ. Trong quá khứ, người dân Myanmar từng phải chịu đựng nhiều đau thương, cuộc sống khó khăn bởi chiến tranh, xung đột, mâu thuẫn kéo dài. Song không phải vì vậy mà họ chìm đắm trong hận thù, ngược lại, họ kiên trì nhẫn nại vươn về phía trước, một tinh thần vị tha khoan dung đúng theo triết lý Phật giáo:

"Hận thù không thể dập tắt được hận thù, chỉ có tình thương mới có thể dập tắt được nó"

Kinh Pháp cú

Một vài nét về Giáo dục Hòa bình

cảm nhận từ Myanmar - một đất nước Phật giáo

● Nguyễn Thị Minh Châu

"Hận thù không thể dập tắt được hận thù, chỉ có tình thương mới có thể dập tắt được nó"

Kinh Pháp cú

Myanmar là một đất nước nằm tại khu vực Đông Nam Á nổi tiếng bởi những thánh địa Phật giáo lâu đời như Chùa Vàng Shwedagon tại Yangon, Golden Rock tại Mandalay và nhiều chùa cùng các thiền viện lớn nhỏ dành cho các tu sĩ, tăng ni tu tập. Nhân có cơ duyên được đến thăm

Trong một buổi trò chuyện với những người đã từng bị giam giữ nay trở thành những người anh hùng của Myanmar, họ có kể lại về khoảng thời gian bị cầm tù trong không gian chật hẹp, đời sống khắc nghiệt và bị tra tấn dã man. Chúng tôi lắng nghe câu chuyện của họ bằng sự mến mộ và cảm phục bởi sự bình tĩnh an lành khi họ kể lại những thời khắc ấy. Có một bạn trẻ đã đặt câu hỏi "Khi bị những người bạn tù xung quanh đánh đập và tra tấn, các cô chú có đánh lại hay tìm cách trả thù không?" Họ đã mỉm

cười và trả lời rằng “No need to revenge – Không cần phải trả thù” và “We forgave - Chúng tôi tha thứ”. Như vậy, dù trong những hoàn cảnh mà con người khó có thể chịu đựng được nhất, họ vẫn có thể khoan dung tha thứ cho tất cả những điều đã xảy đến với họ. Sức mạnh lòng từ (*loving kindness*) của con người thật sự có thể chiến thắng khổ đau và xóa bỏ hận thù như vậy! Thật đáng trân quý!

Để tìm được sự bình yên nội tại và thanh thản trong tâm hồn như vậy quả không dễ dàng. Trong khóa học của mình, tôi còn được học về sự im lặng cao thượng (*noble silence*). Đây là một trong những cách giúp chúng ta đạt được bình an nội tại (*inner peace*). Im lặng cao quý là trạng thái của tâm khi không có sự suy nghĩ. Tâm hoàn toàn vắng lặng và bằng cách giữ cho tâm vắng lặng, chúng ta có thể trải nghiệm sự bình an thực sự. Ngày nay trong cuộc sống hiện đại, con người mãi miết với những tất bật lo toan, mong cầu phú quý vinh hiển và lại vẫn muốn kiếm tìm câu hỏi làm thế nào để có được “*thân tâm an lạc*”. Thật ra câu trả lời nằm trong tay của chính chúng ta. Hãy dành một phút thôi để tập trung, quan sát hơi thở, quan sát chính bản thân mình và để cho thân và



Ảnh: NK

Là một người thường tham gia các hoạt động xã hội và tiếp xúc với các em thuộc lứa tuổi thanh thiếu niên, tôi quan sát và nhận ra rằng tuy các em tuổi còn trẻ nhưng cũng có khá nhiều những trở ngại trong cuộc sống. Từ chuyện bài vở ở trường lớp, áp lực thi cử học hành đến những kỳ vọng của cha mẹ, những mâu thuẫn trong cuộc sống, tác động của xã hội... đôi khi làm các em rối trí và lạc lối. Không chỉ riêng đối với những người trưởng thành, trẻ em và thanh thiếu niên cũng cần được giáo dục về hòa bình. Tại một số quốc gia như Thái Lan, Miến Điện (*Myanmar*), Lào..., các gia đình thường khuyến khích trẻ đến học và thực hành các lý thuyết Phật giáo trong một thời gian nhất định ở các tu viện, trường thiền. Một tu viện tại Bago, Myanmar, nơi cung cấp chỗ sinh hoạt ăn ở học tập cho khoảng 1000 trẻ em có hoàn cảnh khó khăn có những phương pháp giáo dục trẻ em vô cùng thiết thực và ý nghĩa. Các em dậy từ sáng sớm để đón bình minh, nhặt lá rụng trong vườn và gom vào chỗ quy định, hát quốc ca và một bài hát Phật giáo rồi đi một vòng quanh tu viện trước khi trở về lớp học. Đây chính là việc hành thiền nhằm nâng cao sự tập trung, chánh niệm. Cũng như vậy đến giờ ăn các em sẽ tụng một bài kinh ngắn trước khi ăn trưa, ăn trong yên lặng. Trong những em học sinh ở đây có những em mồ côi cha mẹ, hoàn cảnh khó khăn vô cùng, có những em từ xa đến đây để học chân đã đi mòn trên những đôi dép nhựa cũ kỹ nhưng vẫn luôn giữ kỷ luật và ngoan ngoãn lắng nghe lời dạy dỗ dặn dò của vị sư Trưởng tu viện. Các em cũng thường được nghe những lời giảng đạo, những giá trị đạo đức cốt lõi như một hành trang chuẩn bị cho tương lai của các em. Mong rằng Myanmar với ánh sáng Phật Pháp soi rọi sẽ luôn được phát triển và phồn vinh.

Thiết nghĩ việc giáo dục hòa bình quả thật cần thiết. Khi con người thấu hiểu những căn nguyên và cách hóa giải mâu thuẫn, biết cách hiểu, phát triển tình yêu thương và khoan dung giữa người với người thì chúng ta mới có được thân tâm an lạc trong cuộc sống. Hòa bình trong mỗi tâm con người sẽ mang đến hòa bình cho thế giới.



Ảnh: NHK

tâm được hòa là một. Đây cũng là một trong những khía cạnh của thiền Nguyên thủy Vipassana (*Thiền Minh Sát Tuệ hay còn gọi là Thiền quán*) vô cùng hữu ích giúp đạt được chánh niệm và bình an.

Những người Phật tử nơi đây trì giới vô cùng nghiêm cẩn. Tu viện Bago nơi tôi ở 2 ngày nằm gần rừng nên có rất nhiều muỗi rất to vo ve quanh người. Một anh bạn người Lào kể lại với chúng tôi rằng khi anh định đập một con muỗi thì có một người dân địa phương ngăn lại. Chú ấy nói rằng nếu con muỗi đậu phía trên cánh tay của mình thì ta đập vào phía dưới cánh tay ta, muỗi sẽ tự khắc bay đi mà không cần phải sát sinh. Từ những việc rất nhỏ nhưng cũng đủ thấy đức tin và sự giữ giới của các Phật tử Myanmar



XIN XĂM

Đầu xuân

● Lê Đán

Sáng Mồng Một tết, chùa nào cũng có chương trình lễ cầu quốc thái dân an, nguyện cầu cho thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc.

Buổi lễ diễn ra chừng hơn nửa giờ, nhưng phố xá thị thành, xóm thôn làng quê, vang lên ba hồi chuông trống Bát nhã cùng với câu kinh tiếng kệ từ những ngôi chùa hòa vào không khí ấm áp của mùa xuân đang giao hòa cùng trời đất âm dương hội tụ về để cho cây cỏ hoa lá nảy lộc đâm chồi hoa lá non tơ tạo thành một bản giao hưởng thanh bình của thiên nhiên tràn đầy sức sống mới.

Câu đối đồ nhà ai vừa làm mới: "Tứ phương chiêu tài hỷ thiên hộ/ Bát lộ tiến bảo phú vạn gia" (Bốn phương tiến

vào vui ngàn chủ/ Tám hướng của tới phú vạn gia). Ngoài ước muốn giàu có sức khỏe và tình cảm, người ta còn ước muốn giàu có tiền của. Người ta vẫn cứ nỗ lực làm việc để mong điều tốt lành đến với mình, nếu chưa được thịnh vượng phát đạt nhiều thì chí ít cũng có được một đời sống vừa đủ ăn, dư giả chút đỉnh để dành khi trái gió trở trời.

Ai cũng ước muốn tương lai của mình tốt đẹp, nhưng ai mà biết được ngày mai mình sẽ ra sao?

Ngày mai mình sẽ ra sao? Nhân dịp đầu xuân, có nhiều người nôn nao tìm đến cậu Hai hay cô Ba coi một quẻ về con đường làm ăn: "Tôi làm việc đầu tắt mặt tối thế này,

nhưng sao vẫn cứ nghèo?”. Thấy bói sẽ phán cho một câu rằng năm sao vận hạn nặng, phải nên làm một lễ cúng tạ mới mong khá giả lên được. Hoặc là các cô cậu trẻ đang yêu đến coi thấy một quẻ tình duyên sao mà hay trắc trở? Thấy đều có những câu trả lời thỏa mãn những thân chủ đa phần là phụ nữ nhẹ dạ cả tin.

Có cô Ba xóm dưới làm nghề coi bói kiêm thầy cúng (chắc hẳn nghề này là nghề “chui”, làm sao có giấy phép được), trong một thời gian hơn chục năm cô giàu có lên cũng nhờ những thân chủ phụ nữ nhẹ dạ để cho cô dễ dàng lừa phỉnh. Khi đã có tiền thì vợ chồng con cái đổ ra ăn chơi hưởng thụ, vợ chồng thì cờ bạc để đóm, thàng con trai thì nghiện hút. Vậy là không bao lâu, của thiên trả địa, phút chốc trắng tay lại thêm nợ nần. Thiên hạ mới có một phen xẩm xỉ: “Thấy bói giỏi nhưng không bói được vận mệnh của mình để tự mình làm nên rồi tự mình phá đi, để đến nông nỗi này...”.

Có thể nói rằng, không có vị thầy bói nào có thể đoán biết được chính xác ngày mai sẽ ra sao? Về những gì đã xảy ra trong quá khứ? Và những gì sẽ xảy đến trong tương lai?

Câu chuyện xưa về thiền sư Chí Công (Đời vua Lương Vũ Đế, Trung Quốc) không lạ gì với quý Phật tử. Chuyện kể rằng...

Có một gia đình nuôi một con lừa, dùng nó để kéo cối xay và chuyên chở. Người chủ thấy lừa quá chậm chạp nên thường dùng roi đánh nó để thúc giục nó đi mau. Con lừa làm việc miệt mài trong cực nhọc cho đến khi chết. Nó được đấu thai làm người. Còn người chủ hay đánh đập lừa đến chết, lại đấu thai làm một người phụ nữ. Khi hai người này đến tuổi thành hôn thì họ cưới nhau.

Cặp vợ chồng này sống với nhau không hạnh phúc, ông chồng cứ suốt ngày đánh đập người vợ. Ông đánh vợ bất kỳ lúc nào, bất luận đang cầm vật gì trên tay, cả lúc ăn cơm cũng đánh vợ bằng đũa. Ông ta vừa đánh vừa chửi, cho dù người vợ chẳng làm điều gì sai trái.

Người phụ nữ (bà vợ) mới tìm tới thiền sư Chí Công bạch với ngài và nhờ ngài dùng ngũ nhãn lục thông báo cho bà biết mối tương quan nhân quả của họ đời trước ra sao mà đời này ông chồng cứ thường xuyên đánh đập vợ mặc dù vợ không có lỗi gì?

Thiền sư Chí Công cho biết, trong đời trước, bà vợ là một người đàn ông, là một ông chủ, ngày nào bà cũng đánh đập và chửi mắng con lừa, thúc giục nó phải kéo cối xay bột.

Ông chủ ấy thường đánh con lừa bằng cái chổi tre. Nay ông chủ được đấu thai lại làm người phụ nữ (bà vợ). Còn con lừa thì được đấu thai làm người chồng. Nay ông chồng thường hay đánh đập chửi mắng bà vợ cũng như kiếp trước bà đã thường đánh chửi ông tức là con lừa vậy.

Khi bà vợ đã hiểu rõ mối tương quan nhân quả như vậy rồi, thiền sư bày cho bà vợ một cách để chấm dứt vòng oán nghiệp này. Ngài bảo bà vợ hãy cất giấu kỹ tất cả mọi dụng cụ trong nhà ngoại trừ cái chổi đuôi ngựa (chổi dầy). Mỗi khi người chồng thấy chẳng còn vật gì dùng để đánh bà vợ thì ông ta sẽ cầm cái chổi dầy này để đánh. Cứ để cho ông ta đánh vài trăm roi, thì nợ cũ của bà mới

được trả. Lúc đó, bà mới báo cho ông chồng biết nhân đời trước và quả đời sau báo ứng với nhau rất rõ ràng minh bạch. Ông chồng sẽ không còn đánh vợ nữa.

Bà vợ làm y như lời của thiền sư Chí Công dạy, quả nhiên người chồng không kiếm ra vật gì ngoài cái chổi dầy để đánh vợ, bà vợ cứ kiên nhẫn ngồi chịu đòn cho đến khi ông chồng ngừng tay chứ không tìm cách chạy trốn như mọi khi.

Thấy lạ ông chồng hỏi và vợ kể lại việc được thiền sư Chí Công giải thích cận kề tương quan nhân quả của hai người. Ông chồng nghe xong ngẫm nghĩ: “Như thế thì từ nay ta không nên đánh chửi vợ nữa. Nếu còn đánh thì kiếp sau cô ta sẽ đấu thai trở lại rồi tìm cách đánh chửi lại ta...” Từ đó ông chồng không còn đánh chửi người vợ nữa.

Chỉ có những vị tu tập nhiều đời nhiều kiếp như Đức Phật, như thiền sư Chí Công đã chứng được ngũ nhãn lục thông, mới có thể thấu rõ được tiến kiếp hậu kiếp, còn như kẻ phàm phu không tu tập gì như các vị thầy bói, thì hỏi làm sao họ có những khả năng đoán biết vận mệnh con người? Còn những vị đã giác ngộ nếu như họ ẩn thân ở cõi ta bà này là để cứu giúp chúng sanh đang trầm luân đau khổ, chắc hẳn các vị đó sẽ không bao giờ đem khả năng ngũ nhãn lục thông ra để hành nghề bói toán làm giàu.

Trong những ngày đầu xuân, người con Phật nên tỉnh táo để khỏi bị mắc lừa các nhà bói toán phỉnh gạt cúng bái tiền mất tật mang.

Riêng bà xã nhà tôi thì đã bỏ hẳn thói quen đầu xuân đi coi bói rồi. Tết năm nay về làng ngoại đi chùa Kim Sơn, sau khi lễ Phật, bà nhà tôi lắc được một cây xăm số 9, người ta gọi là số hên. Ứng với xăm số 9 là câu:

“Vui thay, chúng ta sống,
Không hận, giữa hận thù!
Giữa những người thù hận,
Ta sống, không hận thù!”

(Pháp Cú 197)

“Vui thay, chúng ta sống,
Không bệnh giữa ốm đau!
Giữa những người bệnh hoạn,
Ta sống, không ốm đau”.

(Pháp Cú 198)

“Vui thay, chúng ta sống,
Không rộn giữa rộn ràng;
Giữa những người rộn ràng,
Ta sống, không rộn ràng”.

(Pháp Cú 199)

Xăm của thầy trụ trì chùa Kim Sơn là những câu kinh Pháp Cú, chứ không phải là những câu bói toán của những nhà bói toán giả danh. Đây là một sáng kiến rất hay của Thầy để cho quý Phật tử khỏi lạc đường mê tín.

Người con Phật tu hạnh từ bi trí tuệ, luôn sáng suốt trong khi hành trì tu tập để tự mình làm nên an lạc hạnh phúc cho chính mình, tự mình tiên đoán cuộc đời mình bằng những nghiệp lành mình gieo hôm nay, chắc chắn mình sẽ gặt được quả ngọt cho ngày mai.



Ngày xuân nói chuyện văn hoá tâm linh

● **Trọng Nguyên - Nguyễn Trọng Đồng**
 Trường THCS Phú Lộc, Krông Năng, Dak Lak)

Tâm linh và văn hoá tâm linh là những vấn đề tư tưởng cao siêu phức tạp và luôn đồng hành với đời sống hiện thực của con người. Xã hội càng phát triển, đời sống vật chất được nâng cao, đời sống tinh thần càng phong phú thì đời sống tâm linh cũng nở rộ như lộc biếc mùa xuân, như hệ quả của quy luật phát triển. Có thể ví đời sống tâm linh như là "đứa con cùng cha khác mẹ" của đời sống văn hoá. Đã từng có những nghiên cứu về tâm linh, về tín ngưỡng và mê tín ở nhiều cấp độ, đáng kể là gần đây Viện Văn hoá nghệ thuật

Việt Nam đã được Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch giao nhiệm vụ nghiên cứu nhằm phân biệt giữa tín ngưỡng và mê tín dị đoan. Song đây là những vấn đề phức tạp, nhạy cảm và ranh giới giữa chúng lại thật mong manh. Ở đây xin mạo muội lạm bàn đôi điều về văn hoá tâm linh và tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt nhân những ngày đầu xuân năm mới.

Xét ở góc độ lịch sử xã hội của một quốc gia, đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân ta thật phong phú, đặc sắc, đa dạng và vẫn đang ngày càng phát triển. Ở đâu và

bao giờ, văn hóa cũng là động lực của sự phát triển xã hội; Văn hóa còn là xã hội ấy còn và phát triển. Nói cách khác, văn hóa là cơ sở của niềm tin con người, là tiền đề của ý chí, tinh thần vượt lên gian khó trong cuộc sống của con người với một sức sống mãnh liệt. Trong dòng chảy của văn hóa tinh thần lại có văn hóa tâm linh vốn song song tồn tại như một ngã rẽ của dòng sông cuộc đời. Và điều muốn nói, "ngã rẽ dòng sông" ấy hẳn không đi vào ngõ cụt mà có lẽ cũng chẳng ra với đại dương. Nó còn được ví như một thiếu nữ hay đúng hơn là một nàng công chúa thâm trầm, gần mà xa, bí hiểm, kiều sa và khó gần...

Con người vốn có tâm hồn, tư tưởng và tâm linh cùng tồn tại như anh em ruột thịt họ hàng mà có khi lại không gần nhau, còn xung khắc nhau. Đứa con tâm linh ấy là thế nào vậy? Tâm linh trước hết là niềm tin linh thiêng của con người vào thế giới vũ trụ đầy bí ẩn và đời sống xã hội đò đen với những ước vọng cao xa. Chẳng lẽ nào con người còn khát vọng một cuộc sống hoàn mỹ và còn niềm tin vào thế giới thần linh bởi sức mạnh siêu nhiên vũ trụ mới có thể hóa giải được khát vọng niềm tin thì chừng ấy còn đời sống tâm linh và cả những tín ngưỡng dân gian truyền thống. Mà đời sống tâm linh của con người, trong đó văn hóa tâm linh vốn là một yếu tố tích cực, một nét văn hóa đặc sắc có ý nghĩa nhân văn thì quả vẫn còn nhiều điều đáng kể, đáng nói. Bởi lẽ đây không phải là vấn đề mới mà là một phạm trù "động" khi mỗi ngày lại như được mở rộng ngoại biên cùng những nội hàm mới. Nếu đời sống tâm linh là vàng sa khoáng thì văn hóa tâm linh là vàng thỏi hay sợi chuyển vàng óng mà bàn tay tài nghệ của người thợ kim hoàn đã tạo nên đặng tô điểm cho nhu cầu cuộc sống con người.

Đời sống văn hóa tâm linh của người Việt thật phong phú và sinh động. Có thể nói mỗi một vùng miền, mỗi dân tộc, thậm chí mỗi dòng họ lại có những phong tục tập quán, lễ hội, những quan niệm khác nhau về thế giới tâm linh. Và mỗi quan niệm, ý niệm tâm linh ấy lại thường xuất phát từ thế giới thần linh mà họ ngưỡng vọng. Điềm qua những nét khái quát về đời sống văn hóa tâm linh của một vài dân tộc, vùng miền có thể cho ta cái nhìn toàn cục về một nền văn hóa đặc sắc, giàu sức sống của một dân tộc với 4000 năm lịch sử, dẫu bao sóng gió chông gai, kẻ thù hùng muốn đồng hóa vẫn không lung lay khuất phục... Với dân tộc Kinh ở hầu hết các vùng miền trong nước, tín ngưỡng dân gian truyền thống là phong tục "thờ cúng tổ tiên". Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên đã có từ xa xưa trong lịch sử gắn với truyền thuyết Bánh chưng, bánh giầy từ thời đại Hùng Vương. Và ngày nay trải qua bao thăng trầm lịch sử đã được nâng lên thành Đại lễ Quốc gia (Quốc lễ): Giỗ tổ Hùng Vương mà chúng ta vừa được tổ chức Liên Hiệp quốc công nhận tín lễ thờ cúng Hùng Vương là Di sản Văn hóa phi vật thể của nhân loại... Với người Kinh (người Việt chiếm đại đa số), bàn thờ gia tiên là nơi trang trọng nhất, thiêng liêng nhất trong mỗi gia đình, dòng họ; Thường có chân dung ảnh ông bà, người thân ruột thịt, chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh

cùng nhiều bình hoa, bát nhang, câu đối,... Rồi cứ ngày lễ tết truyền thống, ngày rằm mồng một (chủ yếu ở các tỉnh miền Nam) hay là ngày huỷ kỵ, giỗ chạp, người ta thường có hoa quả, mâm cơm cùng hương khói thắp lên nghi ngút nhớ thương.

Trong khi đó, các dân tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc hay miền Trung cũng có tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên với những phong tục tập quán, lễ hội mang đậm màu sắc thần thoại. Nhìn chung, mỗi một dân tộc thiểu số lại có nghi lễ và cách thức, quan niệm khác nhau trong đời sống tâm linh. Người H Mông ở Suối Giàng (huyện Văn Chấn, Yên Bái) là một trường hợp khá tiêu biểu, một ví dụ cụ thể. Với người H Mông ở Suối Giàng thì "khái niệm về tổ tiên và thờ cúng tổ tiên không rõ nét, người H Mông không làm bàn thờ tổ tiên riêng biệt và thờ cúng hằng ngày như người Kinh..." (theo Tạp chí văn hoá các dân tộc, số 12 - 2011). Song cũng như nhiều dân tộc thiểu số khác, có lẽ trong tâm thức của người H Mông vẫn luôn có ý niệm về thế giới tổ tiên ông bà nơi chín suối như một điểm tựa tinh thần cho con cháu có bốn phận thờ cúng để còn thể hiện lòng hiếu thảo. Phải chăng thế mà họ có những quy ước nhất định, chẳng hạn, riêng với "họ Thào thờ người thân tới đời thứ 5". Như vậy, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt cũng như các dân tộc thiểu số khác là một yếu tố tâm linh thuần khiết, một biểu hiện sinh động của đời sống văn hoá tâm linh. Và trong tâm thức của người Việt đã thành nếp nghĩ, nếp sống, nếp sinh hoạt khá đặc sắc có tính nhân văn trong đời sống tinh thần của dân tộc, góp phần làm nên bản sắc, diện mạo văn hóa của dân tộc Việt Nam suốt 4000 năm văn hiến.

Bên cạnh tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Kinh và số một dân tộc thiểu số khác ở miền núi phía Bắc, miền Trung hay miền Nam, với các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, thế giới tâm linh trong ý niệm của họ là Giàng (trời) cùng các vị Thần mặt trời, Thần sông, Thần núi... (Giàng trong ý niệm, quan niệm của đồng bào Tây Nguyên hẳn khác với Chúa trời theo niềm tin con chiên của đạo Thiên chúa). Từ ý niệm thần linh ấy mà trong đời sống dân gian luôn gắn liền với những sinh hoạt văn hóa lễ hội đậm chất tâm linh, giàu liên tưởng mà chất phác mộc mạc (lễ bỏ mả, lễ đâm trâu, lễ hội Cồng chiêng...). Nếu lễ cúng Giàng, lễ cầu mưa, cúng cơm mới,... đậm chất dân gian cùng dấu ấn niềm tin và ước vọng về một cuộc sống bình yên, sức khỏe, ngô lúa đầy nương thì lễ hội Cồng chiêng hay những đêm kể khan (Sử thi) lại giàu chất suy tưởng, chất nhạc, chất thơ của một vùng văn hóa Sử thi sống động, hẳn là có một không hai trong đời sống văn hóa dân gian của các tộc người Tây Nguyên. Tất cả đã tạo nên một không gian văn hóa - lễ hội đặc sắc, một diện mạo đời sống tinh thần trẻ trung và giàu sức sống, sức lan tỏa, góp phần làm nên những nét đặc sắc của nền văn hóa dân tộc trong quá trình lịch sử cũng như hội nhập ngày nay.

Nói đến đời sống văn hóa tâm linh của dân tộc không thể không nói đến đời sống văn hóa tâm linh của ngư

Mùa xuân Di Lạc

● Thiện Bảo

Đạo Phật vào nước ta ngay từ những năm đầu Công nguyên. Với tinh thần Từ - Bi - Hỉ - Xả, yêu thương chúng sanh, yêu chuộng hòa bình đã lập tức được người dân Việt có tâm hồn thuần hậu, đón nhận và trở thành một trong những hệ tư tưởng có sức sống lâu dài nhất đồng hành cùng dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước. Cũng chính vì vậy văn hóa Phật giáo ảnh hưởng rất sâu rộng đến đời sống văn hóa của dân tộc.

Tết đến Xuân về, trong tâm thức mỗi người dân Việt, cái khoảnh khắc giao thừa - khoảnh khắc khởi đầu của một năm mới bao giờ cũng gợi nguồn cảm xúc đặc biệt thiêng liêng. Đó là khoảnh khắc đại gia đình thành kính lạy tạ ơn mười phương Trời Phật và ông bà tiên tổ đã cho gia đình một năm an khang, phúc lộc. Sau đó là con cháu quây quần xum vầy, cùng dành cho nhau những lời cầu chúc đẹp nhất với ước mong mùa xuân sẽ đem về cho gia đình, cho vạn vật những điều may mắn an lành. Ngay sau giây phút thành kính đón giao thừa, nhiều gia đình Phật tử nói riêng, đồng bào nó chung thường cùng nhau đi lễ chùa, hái lộc đầu năm. Việc đi lễ chùa và hái lộc đầu năm bởi vậy đã trở thành phong tục, một nét văn hóa đẹp trong đời sống tâm thức mọi người dân Việt. Từ người nông dân, bậc tri thức đến các thương gia buôn bán, dù điều mong cầu khác nhau nhưng trước cửa Phật, ai cũng mong được Ngài từ bi gia hộ. Tuy nhiên với các gia đình Phật tử, ý nghĩa của việc đi lễ chùa hái lộc đầu năm không chỉ mang ý nghĩa đơn giản là xin lộc cầu may. Mà với Phật tử, mỗi khi Xuân về còn là dịp chúng sinh hoan hỉ đón mừng Xuân Di Lạc.

Xuân Di Lạc - Đó là hóa thân của vị Giáo chủ tương lai

của thế giới Ta bà, người kế thừa sự nghiệp độ sanh do Đức Bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật di chúc và thọ ký. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã từng tuyên rằng: ngày mừng một tháng giêng là ngày kỷ niệm vía đức Di Lạc Bồ Tát.

Nói về tương lai của đức Di Lạc thì trong Kinh Di Lạc Hạ Sinh có chép rằng: *"Hiện nay đức Di Lạc là một trong bốn vị Bồ Tát đang ở nội viên cung trời đầu xuất, đợi đến khi thế giới này hết kiếp giảm thứ chín, đến kiếp tăng thứ mười, lúc ấy ngài sẽ hóa thân xuống cõi trần này..."*

Vì vậy giao thừa, ngày mồng một Tết Phật tử đi chùa lễ Phật và hái lộc xuân đầu năm, không phải là chỉ cầu mong được giàu sang, phú quý mà chính là để chư Phật gia hộ cho tâm an vui, gia đạo bình yên, phát tâm rộng lớn tu hành như Thiện Tài cầu đạo trong Kinh Hoa Nghiêm từng phát lời thệ nguyện: *"Các bậc dùng mãnh vĩ đại đó, đã thành tựu vô số hạnh, An trụ nơi tháp này, Tôi chấp tay kính lễ, đức Di Lạc tôn quý, Là con trưởng chư Phật, Mong ngài đoái tưởng tôi"*.

Xuân Di Lạc với ý nghĩa rộng lớn như vậy, vượt qua những điều mong cầu mà đại đa số đồng bào ta vẫn đi lễ chùa và xin lộc đầu năm. Vậy thực chất Đức Phật có thể ban phát hay gia hộ cho chúng ta theo những điều chúng ta mong cầu hay không? Và có cách nào để cả Phật tử cùng đồng bào đều có thể nguyện cầu đúng chánh pháp, cùng đón nhận, an hưởng một Mùa Xuân Di Lạc hay không? Đó là điều mà rất nhiều đồng bào, Phật tử đều mong có được lời giải đáp. Theo kinh Pháp Hoa, Đức Phật có dùng hình ảnh một trận mưa rào tưới mát khu rừng rậm. Những cây cao lớn, cành lá xum xuê được gọi nhuần vô biên và những cây thấp nhỏ bị che khuất thì chỉ nhận được chút ít nước

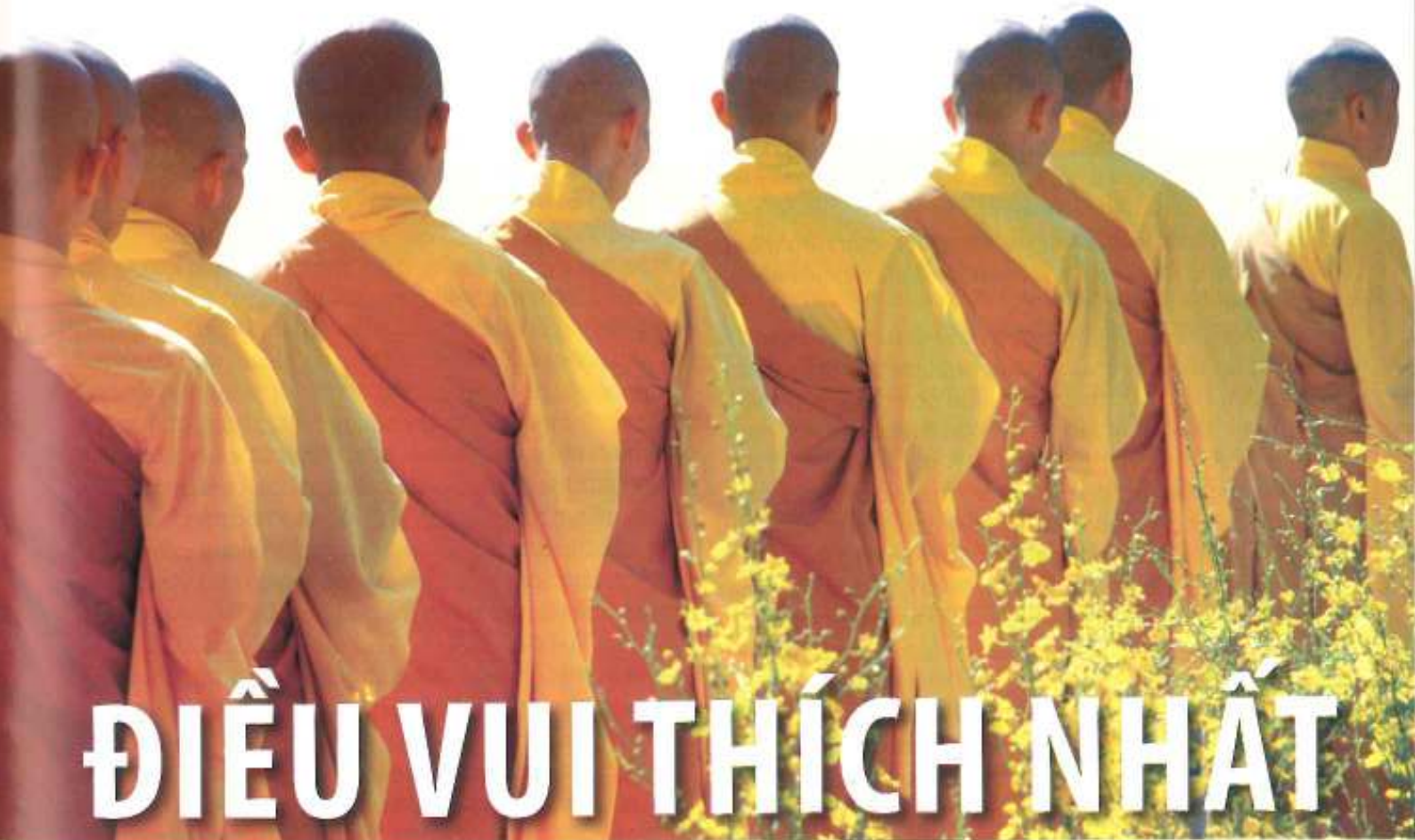
mưa. Cũng vậy, giáo pháp của Đức Phật vốn thậm thâm vi diệu nhưng tùy căn cơ, nhân duyên và nghiệp lực của mỗi người mà có sự giao cảm khác nhau. Bởi vậy, cùng là Phật tử, chúng sinh nhưng trong vô vàn người đối trước chư Phật, Bồ tát, mỗi người một tâm niệm riêng do đó đón nhận được sự gia hộ cũng khác nhau.

Có người lễ Phật với tinh thần quán tưởng *"Năng lễ, sở lễ tánh không tịch"* (Phật, chúng sinh tánh thường rỗng lặng). Có người kính lễ đấng Đạo sư, bậc thầy chỉ đường, mong được soi sáng và gia hộ thêm nghị lực để tiếp tục dẫn thân trên lộ trình tu tập. Và cũng có người chí thành cầu mong các Ngài phủ hộ độ trì cho tai qua nạn khỏi, tật bệnh tiêu trừ, gia đình hòa hợp, làm ăn phát đạt v.v... Tất cả những hình thức cầu nguyện này đều chính đáng, phù hợp với Chánh pháp. Chỉ cần chúng ta xuất phát từ tâm nguyện chí thành, cung kính và tin tưởng tuyệt đối nơi sự gia hộ của chư Phật, Bồ tát. Tùy nhân duyên của chúng ta, tùy phước đức của chúng ta gieo trồng, mà chư Phật, Bồ tát sẽ thể độ cho chúng ta và muôn loài. Đi chùa Lễ Phật và cầu nguyện đầu năm hay bất cứ dịp nào trong năm theo tinh thần Chánh pháp, trước hết cốt ở thành tâm. *"Tâm thành thì Phật chứng"*. Do đó chỉ cần chỉnh trang y phục, quỳ trước Phật đài và thành tâm cầu nguyện. Chỉ cần khởi tâm

hướng về chư Phật và Bồ tát (*không phân biệt xa hay gần*) cũng đều được các Ngài gia hộ. Chúng ta cầu những điều chân chánh, lợi lạc cho ta, lợi lạc cho chúng sanh muôn loài, cầu với tinh thần tha thiết, mắt hướng thành kính lên Phật đài, thân trang nghiêm, tâm rỗng lặng, một lòng hướng về chư Phật, Bồ tát, đó là khoảnh khắc ta có thể giao cảm được với các Ngài.

Khi tâm ta giao cảm được với ngài, ta cảm nhận được niềm an lạc tỏa chiếu. Chính khoảnh khắc ấy ngài đang gia ân, gia hộ cho ta. Cầu tài, cầu lộc hay cầu may, vào giây phút ấy cũng tan biến trong niềm an lạc và rỗng lặng. Vậy là mỗi khi cầu nguyện, tâm ta rỗng lặng, Xuân an lạc - Xuân Di Lạc lại tràn đầy trong tâm ta như suối nguồn hạnh phúc. Những điều ta mong cầu từ có đến không (*xin lộc tài, sức khỏe... đến tâm rỗng lặng*), từ không (*rỗng lặng*) đến tràn đầy (*Xuân Di Lạc*), đó là sự vi diệu của Phật Pháp nhiệm màu.

Mùa xuân cũng vậy - Xuân đến với niềm an lạc là khi tâm ta hướng thiện, cầu mong những điều lợi lạc cho ta và chúng sanh muôn loài, ích nước, lợi nhà. Và như vậy, điều quan trọng nhất, cốt yếu nhất chính là ở chỗ bất cứ lúc nào ta khởi tâm nguyện cầu theo chánh pháp ta sẽ luôn nhận được một mùa Xuân An lạc - Xuân Di Lạc tràn ngập trong tâm hồn.



ĐIỀU VUI THÍCH NHẤT

Buồn và vui, hạnh phúc và đau khổ là hai trạng thái đối lập nhưng không tách rời nhau như mặt trái và mặt phải của một bàn tay. Trên đời có bao nhiêu niềm vui thì có bấy nhiêu nỗi khổ, không nơi nào trên thế gian chỉ có toàn niềm vui hoặc toàn nỗi khổ.

Xét cho cùng, những niềm vui thế tục đều do các nhân tố bên ngoài mang lại, con người xem những nhân tố đó là điều kiện của hạnh phúc. Khi có những điều kiện đó thì con người mới có được niềm vui, mới có được hạnh phúc, còn như không có được những điều kiện đó, hoặc những điều kiện đó có rồi nhưng bị mất đi thì hạnh phúc cũng không còn. Nhưng bản chất cuộc đời là vô thường, do đó không có gì là trường cửu bất biến, vạn sự vạn vật trên đời đều luôn đổi thay trong từng giây từng phút. Vì thế, nếu niềm vui và hạnh phúc của con người được xây dựng dựa trên những nhân tố vô thường sinh diệt thì bản chất những niềm vui và hạnh phúc đó cũng không trường cửu, chúng cũng luôn đổi thay, vô thường sinh diệt. Hạnh phúc mà đa phần thế gian đang mong cầu tìm kiếm chính là thứ hạnh phúc mong manh, tạm bợ này, thứ hạnh phúc đó đến rồi đi khiến cho cuộc đời là những ngày tháng buồn vui xen lẫn.

Thời Phật còn tại thế có bốn vị tân tỳ kheo trong lúc dạo cảnh mùa xuân cùng nhau trò chuyện, họ hỏi nhau: "Sống ở trên đời, điều gì đáng yêu thích khiến người ta vui vẻ sung sướng?". Một người trả lời: "Mùa xuân trăm hoa khoe sắc ngàn tia muôn hồng, phong cảnh hữu tình, du xuân thường ngoạn đó đây thật là điều vui thích". Người thứ hai nói: "Bà con bạn bè hội họp chén tạc chén thù, ca múa hát xướng mới là điều vui thích nhất". Người thứ ba phát biểu: "Có thật nhiều tiền của, nhà cửa sang trọng, vợ đẹp con xinh, quyền cao chức trọng, ăn ngon mặc đẹp, xuống ngựa lên xe, kẻ hầu người hạ, đó là điều vui thích nhất". Người thứ tư đưa quan điểm của mình: "Sắc đẹp mỹ miều, yêu kiều diễm lệ, mắt long lanh như nước biếc, môi xinh thắm như hoa cười, lời nói rót mật vào lòng, đó là điều khiến người ta vui thích nhất".

Đức Phật thấy bốn vị tỳ kheo này vì thất niệm mà để tâm ý dong ruổi theo vọng tình. Ngài biết có thể độ họ, bèn đi đến hỏi: "Các ông đang luận bàn chuyện gì thế?". Bốn người thành thật kể lại cho Đức Phật nghe suy nghĩ của họ về những lạc thú trên đời. Nghe xong, Đức Phật bảo: "Những điều các ông cho là vui thích thường đưa con người đến chỗ mê muội, lo lắng, sợ hãi, khổ não, oán thù; đó không phải là pháp tuyệt đối an vui và mãi mãi hoan lạc, càng tham đắm thì càng phiền não khổ đau. Các ông cần nên quán xét, mùa xuân vạn vật tốt tươi, sang mùa thu mùa đông thì úa tàn rơi rụng. Bà con, bạn bè sum vầy vui vẻ rồi phải chịu cảnh chia ly, càng vui vẻ bao nhiêu thì càng khổ sâu bấy nhiêu. Tài sản của cải là của chung năm nhà: vua quan, trộm cướp, con cái, nạn nước trôi, nạn lửa cháy, chúng không là tài sản của riêng ai, nay trong tay người này mai vào tay kẻ khác, chúng không ở mãi với chúng ta. Thế thiếp xinh đẹp là đầu mối yêu ghét, oán hờn, càng nhiều thế thiếp thì càng lo âu phiền não, càng bận bịu buộc ràng; càng đắm sắc mê hương thì càng hao mòn thân thể, suy tổn



Ảnh: Hương Thanh

tinh thần. Là người xuất gia từ bỏ con đường thế tục, quyết chí cầu đạo, không đắm nhiễm lạc thú thế gian, hành đạo vô vi sẽ tự nhiên đạt được Niết bàn an lạc, đây mới là chỗ tuyệt đối an vui".

Bốn vị tỳ kheo nghe lời Phật dạy, trong lòng hổ thẹn ăn năn, bèn nhiếp tâm chánh niệm dứt trừ vọng tưởng, tinh tấn tu hành, tham dục không còn, chẳng bao lâu chứng thánh quả.

Người ta nghĩ rằng làm gì có thứ hạnh phúc không do các điều kiện bên ngoài mang lại. Không có tiền tài danh vọng, không được ăn ngon mặc đẹp, hưởng thụ các thú vui khoái lạc thì làm sao vui? Trong xã hội tiêu thụ thực dụng, người ta đã quen tìm niềm vui trong vật dục, là những ham muốn về vật chất, nên họ không thể tin có thứ hạnh phúc khác ngoài hạnh phúc đó. Tuy nhiên, có những người tìm thấy niềm vui, niềm hạnh phúc mà không cần nhiều những yếu tố vật chất bên ngoài và không lệ thuộc tiền tài, danh vọng, quyền lực... Đó là các nhà khoa học có tâm huyết, lấy sự nghiên cứu, cống hiến cho khoa học, cho nhân loại làm hạnh phúc, làm niềm vui; các nhà giáo dục sống vì sự nghiệp giáo dục, vì tương lai thế hệ trẻ; các nhà làm nghệ thuật như nhà văn, nhà thơ, họa sĩ, nghệ sĩ, nhà điêu khắc... sống để làm đẹp cuộc đời, mang lại niềm vui cho mọi người; các nhà từ thiện hết lòng với việc chia sẻ nỗi khổ niềm đau và mang lại hạnh phúc cho người khổ nạn... Họ sống giản dị, đời sống vật chất nghèo nàn nhưng họ giàu có về tâm hồn, họ tìm thấy hạnh phúc, niềm vui trong công việc, trong sự nghiệp cống hiến. Một người hỏi Carl Vinhem Scheele

- nhà hóa học nổi tiếng người Thụy Điển sống vào thế kỷ thứ XVIII – khi thấy ông sống trong cảnh nghèo nàn: “Thưa ngài, chẳng lẽ bao công trình và danh tiếng khoa học của ngài lại chỉ đem đến cho ngài cuộc sống như thế này thôi sao?”. Scheele đã trả lời rằng: “Thế ông cho rằng khoa học chỉ là phương tiện kiếm sống thôi ư?”. Niềm vui và hạnh phúc của nhà khoa học chân chính là những thành tựu khoa học và những cống hiến cho cuộc đời.

Đó là chưa kể đến những nhà tu hành, nguồn hạnh phúc mà họ tìm thấy càng cao quý hơn. Họ từ bỏ đời sống vật dục, sống cuộc sống thanh bần và vui với đạo để phụng sự chúng sinh, nhưng niềm hạnh phúc của họ vô biên. Niềm vui của họ là vui với điều thiện, là thiền duyệt (niềm vui có từ thiền định), là pháp hỷ (niềm vui có từ việc tu học Phật pháp), và cao tột là Niết bàn - niềm vui tự tại giải thoát, không còn bất cứ phiền não khổ đau nào, trạng thái hoàn toàn an lạc. Trong lịch sử có không ít vị vua quan từ bỏ đời sống vương giả, các bậc phú hộ từ bỏ cuộc sống giàu sang danh vọng để đi tu; nhiều nhà khoa học, nhà chính trị, triết gia ngày nay cũng sẵn sàng từ bỏ địa vị, danh tiếng để trở thành những người tu hành, do họ tìm thấy được nguồn an lạc, hạnh phúc mà phía sau không có sự giấu mặt của đau khổ, là thứ hạnh phúc mà trên thế gian không có thứ hạnh phúc nào vượt lên được.

Thời Phật còn tại thế có tỳ kheo Bạt để, khi chưa xuất gia ông làm quan, sau khi quy y Phật ông chuyên tu hạnh đầu đà, chỉ ngủ dưới gốc cây và tinh cần thực hành thiền quán. Một đêm, trong lúc hành thiền bỗng ông reo lên: “Hạnh phúc quá! Hạnh phúc quá!”. Những vị tỳ kheo đang tu tập gần đó hết sức ngạc nhiên, không ai hiểu chuyện gì. Sáng hôm sau có một vị đến trình sự việc đó với Đức Phật rằng: “Có lẽ tỳ kheo Bạt để cảm thấy không thoải mái và đang nhàm chán đời sống xuất gia, vị ấy đã nghĩ đến đời sống thế tục giàu sang danh vọng trước kia, cảm thấy thích thú mà thốt lên như thế”.

Đức Phật bèn cho gọi tỳ kheo Bạt để vào hỏi nguyên do. Đứng trước chúng hội đồng đạo hàng xuất gia lần tại gia, tỳ kheo Bạt để chấp tay bạch Phật: “Bạch Thế tôn, ngày trước con làm quan, cuộc sống giàu sang có quyền lực, danh vọng địa vị, vợ đẹp con xinh, kẻ hầu người hạ, thế mà con không cảm thấy an ổn, thoải mái, không cảm thấy vui vẻ, hạnh phúc, con luôn sống trong căng thẳng, lo âu, phiền muộn, sợ hãi. Lo chuyện an nguy, thịnh suy được mất, ngày ăn không ngon, đêm ngủ không yên giấc. Từ khi xuất gia, con không còn tài sản của cải, quyền lực danh vọng, không còn nhà cao cửa rộng, kẻ hạ người hầu, mỗi ngày chỉ ăn một bữa cơm thanh đạm, tối đến ngủ dưới gốc cây, thế mà lòng con cảm thấy thanh thoi an lạc. Đêm hôm qua trong lúc thiền định, con cảm nhận được niềm an lạc, hạnh phúc vô biên mà trước đây chưa từng cảm nhận được, nên buột miệng thốt lên lời vui mừng làm kinh động đến Thế tôn và các bạn đồng tu. Con xin thành tâm sám hối!” Đức Phật đã khen tỳ kheo Bạt để rằng: “Hay lắm tỳ kheo Bạt để! Ông đang đi những bước vững chãi, thanh thoi an lạc trên lộ trình giải thoát. Niềm an lạc của ông, cả chư thiên cũng ước ao hưởng chỉ là người đời”.

Thế gian thường khổ lụy vì tham đắm năm dục: tài (tiền

bạc, của cải), sắc (hình dáng, màu sắc, sắc đẹp của người nam, người nữ), danh (danh tiếng, địa vị, sự trọng vọng), thực (uống ăn, hưởng thụ), thù (ngủ nghỉ), hay nói rộng hơn là sắc (hình sắc), thanh (âm thanh êm tai), hương (mùi thơm thích thú), vị (vị ngon khoéi khẩu), xúc (tiếp xúc, xúc chạm ứng ý). Người sống trên đời lấy ngũ dục làm niềm vui, làm niềm hạnh phúc: Ăn ngon mặc đẹp khiến người ta vui thích; đàn đúm rượu chè, cờ bạc khiến người ta vui thích; tình cảm trai gái, sắc dục khiến người ta vui thích; giàu có, sang trọng khiến người ta vui thích; nổi tiếng, được nhiều người ái mộ, trọng vọng khiến người ta vui thích... Khi không có ngũ dục hoặc không có đủ ngũ dục thì con người cảm thấy thiếu thốn, buồn tẻ, cuộc sống nhạt nhẽo, vô vị, thậm chí đau khổ. Đời sống không thể không có tài, sắc, danh, thực, thù hay sắc, thanh, hương, vị, xúc, bởi những thứ đó làm nên xã hội, tạo nên cuộc sống, ai thoát khỏi những thứ đó thì đã không sinh ra ở cõi đời ngũ trược này (ngoại trừ chư Phật và các vị Bồ tát vì bi nguyện độ sinh). Nhưng ngũ dục cũng là nguồn gốc của bất an, đau khổ trong đời này và dẫn đến sa đọa vào các cảnh khổ địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh sau khi thân này không còn nữa. Bởi ngũ dục thường khiến cho con người mê đắm, tham cầu, tác hại của chúng là: gây tranh đấu (tranh giành, chiếm đoạt), làm con người khổ não (vì muốn mà không được, cầu mà không thấy, hoặc vì có rồi bị mất đi v.v.), gây ra tai họa (trộm cướp, giết chóc, bệnh tật v.v.), làm cho con người điên đảo vì chúng có đó rồi mất đó, phù du tạm bợ, vô thường, không trường cửu. Trong kinh Bát Đại Nhân Giác có nói: “Đa dục vi khổ. Sinh tử bi lao tòng tham dục khởi. Thiếu dục vô vi, thân tâm tự tại”, nghĩa là: Tham muốn nhiều thì khổ. Sinh tử nhọc nhằn đều từ tham muốn mà ra. Ít tham muốn, vô vi (không tạo tác với ý niệm tham, sân, si) thì thân tâm tự tại.

Hầu như mọi người đều xem mục tiêu của đời mình là làm sao để tồn tại trên thế gian và hưởng thụ được nhiều lạc thú, thỏa mãn những nhu cầu, tham muốn. Và người ta cật lực thực hiện điều đó bằng trí óc, bằng công sức, bằng âm mưu thủ đoạn, bằng tội ác... Nhưng có những điều mà ít khi con người lưu tâm đến, thậm chí không muốn lưu tâm đến, đó là: Lòng tham muốn của con người thì vô cùng vô hạn, chỉ có thể tìm thấy sự thỏa mãn tạm thời chứ không có sự thỏa mãn lâu dài, chính vì thế mà con người thường rơi vào nhàm chán, thất vọng, mệt mỏi. Vạn sự vạn vật đều vô thường, luôn biến hoại, đổi thay, đó chính là điều bất như ý khiến cho con người khổ não. Do điên đảo tạo tác mà phải nhận lãnh hậu quả, càng điên đảo tạo tác thì đời sống càng rối ren, phức tạp, đa đoan, nhân duyên chằng chịt buộc ràng, con người càng khó tìm ra sự thanh thoi an lạc.

Trên thế gian con người có thể tìm được niềm vui, tìm được hạnh phúc từ nhiều nhân tố, từ nhiều điều kiện nhân duyên, nhưng đâu là niềm vui, niềm hạnh phúc đích thực không có những hệ lụy, không dẫn đến bất an, đau khổ, đâu là niềm vui, niềm hạnh phúc lâu dài, miên viễn? Làm sao để sống an lạc trong hiện tại và tương lai? Chỉ có con đường “không đắm nhiễm lạc thú thế gian, hành đạo vô vi” như lời Đức Phật đã dạy mới đạt đến chỗ tuyệt đối an vui.

Vào ngày tết chúng ta thường chúc nhau được nhiều sức khỏe và hạnh phúc trong năm mới. Đức Phật dạy người cư sĩ rất rõ ràng làm thế nào để sống thật an vui và tạo điều kiện cho niềm vui xuất hiện qua cách sống:

"An vui chưa sinh, người ấy có thể khiến cho chóng sinh, an vui đã sinh, người ấy có thể khiến cho không mất. Đó gọi là thiện nam tử đầy đủ Thiên Tri Thức."

(Kinh Tạp A Hàm, Uất Xà Ca, kinh 91, T.T. Thích Đức Thắng dịch.)

Đức Phật là bậc trí tuệ. Những điều Ngài thực hành và khuyến khích chúng ta thực hành để gia tăng hạnh phúc trong đời sống là có mục đích mang lại những lợi ích rõ ràng. Đức Phật đã nói đến một cách cụ thể trong Kinh Niệm Xứ thuộc Kinh Trung Bộ về trạng thái hạnh phúc toàn diện cùng lợi ích của hạnh phúc làm cho thân thể Ngài khỏe mạnh và tâm Ngài có niềm hạnh phúc thâm sâu: *"Này quý*

Hạnh phúc giúp bớt căng thẳng nên bớt ăn để làm dịu căng thẳng, do đó, bớt lên cân.

- Giảm huyết áp do căng thẳng lâu dài và do đó làm giảm bớt nguy cơ tai biến não

- Gia tăng đầy đủ số lượng các chất thần kinh dẫn truyền cần thiết như serotonin, dopamine và norepinephrine nên giúp cho sự học hành, trí nhớ chú ý và những chức năng tốt đẹp khác của bộ não hoạt động ở mức độ tối ưu.

- Giúp não không bị teo lại nên không bị nguy cơ làm giảm trí nhớ do não mất dần các kết hợp giữa những tế bào thần kinh và vùng hồi hải mã (vùng liên hệ đến trí nhớ) không bị teo lại.

Hạnh Phúc Làm Giảm Bệnh Tật, Giảm Đau Nhức, Sinh Nở Tốt, Tâm Thần Lành Mạnh

Theo cuộc nghiên cứu của tiến sĩ Cohen, giáo sư tâm lý học tại viện đại học Carnegie Mellon University ở Hoa Kỳ và các đồng nghiệp cho thấy người nào có nhiều hạnh

NHỮNG ĐIỀU TỐT ĐẸP HẠNH PHÚC MANG LẠI CHO CHÚNG TA

(KỶ I)

● Phụng Sơn

thấy, Như Lai thường thực hành phương pháp quán niệm hơi thở hầu hết trong mọi thì giờ. Nhờ sống thực hành phương pháp này mà thân thể và đôi mắt của Như Lai không hề mệt nhọc, nhờ kết quả ấy mà tâm ta được an vui kỳ diệu."

Chúng ta thực hành đạo Phật là để sống hạnh phúc tràn đầy. Ngày hôm nay khoa học đã xác nhận hạnh phúc mang đến nhiều kết quả tốt đẹp cụ thể trong đời sống con người về mọi phương diện. Trong ba ngày tết, chúng ta sống thật hạnh phúc với tâm từ, bi, hỷ, xả để gia tăng sức khỏe cùng hưởng được nhiều điều tốt mà hạnh phúc mang lại cho chúng ta.

Hạnh phúc giúp gia tăng sức khỏe

Nguyệt san về thần kinh học và sức khỏe Mind, Mood & Memory, do bệnh viện toàn khoa Massachusetts General Hospital phát hành, trong tháng 9/2008 đã tổng kết lại các cuộc nghiên cứu về hạnh phúc tác động tích cực đến bộ não và sức khỏe như sau:

- Làm cho hệ miễn nhiễm hoạt động tốt hơn: Giúp gia tăng khả năng chống lại nhiễm trùng nên bớt bệnh tật.
- Làm giảm nguy cơ béo phì liên hệ đến căng thẳng:



Ảnh minh họa: Chí Giác Thông

phức thì cơ thể người đó có nhiều khả năng kháng cự với vi trùng cảm hay cúm. Giáo sư Carol D. Ryff và các đồng nghiệp trong cuộc nghiên cứu vào năm 2006 để tìm hiểu hạnh phúc liên hệ đến ba chất thần kinh nội tiết như cortisol, DHEAS và norepinephrine cùng bốn thứ liên hệ đến sức khỏe tim mạch như cholesterol tốt HDL, tỷ số giữa cholesterol xấu LDL và HDL, áp huyết khi tâm thu hay khi tim bóp lại, tỷ lệ giữa vòng đo thắt lưng và hông bụng (*để biết mình mập hay ốm*). Kết quả cuộc nghiên cứu cho thấy hạnh phúc nhiều thì gia tăng sự tốt đẹp của những hiện tượng sinh lý nói trên. Ngược lại, nếu nơi người nào gia tăng sự buồn rầu, lo lắng hay sợ hãi thì làm cho các thứ nói trên trở thành xấu hơn.

Người hạnh phúc cũng ít bị đau nhức nơi thân thể. Nhà tâm lý học Gil và các đồng nghiệp vào năm 2004 đã tìm ra sự gia tăng cảm xúc tích cực, hạnh phúc, liên hệ đến sự giảm bớt các cơn đau, ít cần chăm sóc hơn và bệnh nhân tham dự vào nhiều hoạt động hơn. Còn những người có nhiều cảm xúc tiêu cực thì ngược lại họ bị gia tăng cơn đau trong ngày, cần nhiều sự chăm sóc y tế và giảm bớt ngày đi học hay tham dự vào hoạt động.

Người cao niên hạnh phúc cũng ít bị đau nhức hơn. Cuộc nghiên cứu của giáo sư Achat về cảm xúc và các đồng nghiệp cũng cho thấy những người có thái độ tích cực thường khỏe mạnh hơn và các cựu chiến binh cao niên ít bị đau nhức hơn. Những cựu chiến binh có thái độ tích cực thì có nhiều sinh khí hơn, có nhiều sức khỏe hơn và sức khỏe tâm thần tốt hơn là những người có thái độ tiêu cực. Những bà mẹ hạnh phúc sinh con khỏe mạnh, những bà mẹ hạnh phúc cũng ít sinh con thiếu cần. Giáo sư Lobel và các đồng nghiệp tìm thấy những bà mẹ đang mang thai có tánh tình vui vẻ, tích cực thì ít bị căng thẳng hơn, tham gia vận động thể lực và sinh con thường nặng kí hơn so với những bà mẹ kém hạnh phúc hơn.

Học sinh hạnh phúc học giỏi và tính tình tốt

Học sinh hạnh phúc học giỏi hơn, ngoan hơn, có thái độ tốt hơn và có bạn bè tốt hơn so với các em không hạnh phúc. Hai chuyên gia Huebner và Suldo nghiên cứu về sự quan trọng của hạnh phúc đối với các em học sinh tìm thấy những em học sinh hạnh phúc thì có thái độ tốt trong lớp học, có điểm số cao, có bạn tốt và liên hệ với thầy giáo tốt, mạnh khỏe, tham gia nhiều vào các sinh hoạt trong lớp và ngoài lớp học. Ngược lại, các em học sinh có ít hạnh phúc thường có vấn đề về chứng tâm thần, bị khó khăn với bạn bè, liên hệ xấu với cha mẹ và thầy giáo. Tình trạng này nếu kéo dài sẽ đưa đến các hậu quả tai hại cho các em thiếu hạnh phúc như bị trầm cảm, không có người nâng đỡ và có thái độ bạo động.

Các sinh viên hạnh phúc sống đời lành mạnh và thành công hơn. Các giáo sư Diener và Fujita chuyên về cảm xúc tìm hiểu sự liên hệ giữa bà con và bạn bè của những sinh viên có nhiều hạnh phúc và những sinh viên kém hạnh phúc thì thấy những bạn bè và bà con của sinh viên hạnh phúc đánh giá họ cao hơn là những sinh viên kém hạnh phúc: Cho các sinh viên hạnh phúc điểm cao về cách ăn nói rõ ràng cùng thái độ chứng chạc, khả năng nói chuyện trước công chúng giỏi, có nhiều tự tin và vững chãi. Những

sinh viên hạnh phúc này cũng có nhiều bạn thân, có tình yêu nam nữ bền vững và được gia đình hỗ trợ nhiều hơn. Đây là nền tảng tốt đẹp của đời sống thành công lâu dài.

Học sinh hạnh phúc đóng góp nhiều cho xã hội hơn. Hai nhà nghiên cứu Magen và Aharoni còn cho thấy ngay cả những em học sinh trung học có nhiều hạnh phúc thường tham dự nhiều vào các công tác cộng đồng, hay giúp đỡ người khác và có ước mong đóng góp nhiều điều tốt cho xã hội. Đó là động lực rất tốt giúp các em thành công trên con đường học vấn và tạo dựng sự nghiệp sau này. Những người hạnh phúc là những người có bản lĩnh. Giáo sư Sonja Lyubomirsky, một chuyên gia nổi tiếng về nghiên cứu và huấn luyện hạnh phúc và hai giáo sư đồng nghiệp đã tổng kết lại rất nhiều các cuộc nghiên cứu nghiêm túc cho thấy những người hạnh phúc không phải là những người tầm thường và tự mãn, trái lại, người hạnh phúc là những người có nhiều năng lực, nhiều óc sáng tạo, dễ dàng hợp tác, khả năng làm việc cao và hay giúp đỡ người khác. Họ cũng là những người có nhiều bạn bè hơn, có tương quan xã hội tốt và ít ly dị hơn những người kém hạnh phúc. Họ cũng có nhiều sức khỏe, hệ miễn nhiễm hoạt động tốt đẹp và sống thọ hơn.

Hạnh phúc làm gia tăng tánh tốt, khỏe mạnh và thành công

Giáo sư Sonja Lyubomirsky thực hành một cuộc nghiên cứu rộng lớn về hạnh phúc với hai giáo sư khác là Laura King và Ed Diener ở Hoa Kỳ xác nhận những người hạnh phúc có tánh tình tốt, dễ mến, biết cách hợp tác để thành công, có khả năng thích nghi với hoàn cảnh và có tinh thần sáng tạo. Cuộc nghiên cứu đó cho thấy những người hạnh phúc có một nền tảng của sức khỏe tâm thần tốt như sau:

1. Họ có cái nhìn tích cực về họ và những người khác,
2. Họ dễ hòa đồng và năng động,
3. Họ dễ mến và hợp tác,
4. Họ có thái độ thân thiện với người khác
5. Họ khỏe mạnh và có khả năng thích nghi,
6. Họ hướng đến sự giải quyết vấn đề và có tinh thần sáng tạo.

Giám đốc công ty có hạnh phúc giúp công ty phát triển nhiều hơn

Giám đốc công ty hạnh phúc thì mang lợi lạc gì về cho công ty và cho chính bản thân họ. Điều này được giáo sư Pritzker tìm ra trong cuộc nghiên cứu và cho thấy những người giám đốc có tánh tình tích cực thì có các thái độ tốt và làm việc hữu hiệu nên thường được hội đồng quản trị và các người lãnh đạo công ty đánh giá cao vì họ đã mang về nhiều tiền lời từ các cuộc đầu tư. Người điều hành công ty hạnh phúc có nhiều thành công trong công việc. Vào năm 1993, hai nhà nghiên cứu về tâm lý học Staw and Barsade, tìm thấy những người có cảm xúc tích cực có khả năng tốt trong chức vụ điều hành trong đó bao gồm khả năng lãnh đạo và thu thập tin tức đem lại nhiều lợi ích cho công ty. Những người hạnh phúc thì có năng xuất cao vì người có nhiều hạnh phúc thường có nhiều sự thoải mái trong nghề nghiệp của họ. Điều này làm cho họ làm việc bền bỉ và tốt đẹp nên đưa đến nhiều thành công cho chính họ và cho công ty hay xí nghiệp họ lãnh đạo.

Nhân viên hạnh phúc làm việc giỏi, lương cao và mau thăng tiến nghề nghiệp

Nhân viên mọi ngành nghề hạnh phúc thì lương cao hơn, dễ kiếm việc làm hơn và dễ lên chức hơn. Nghiên cứu của giáo sư Frisch và các đồng nghiệp vào năm 2002 tại Hoa Kỳ cho thấy những người công nhân hạnh phúc xin việc làm có nhiều cơ hội được chấp nhận cho phỏng vấn lần thứ nhì. Khi cấp trên lượng giá về khả năng thì họ được cho điểm về nghề nghiệp cao hơn người ít hạnh phúc. Nhân viên hạnh phúc mang lại nhiều lợi cho công ty. Các chuyên gia tâm lý Cote và Staw nhận thấy càng ngày chính quyền cũng như các xí nghiệp tư càng quan tâm đến vấn đề cảm xúc liên hệ đến việc làm trong các cơ quan và xí nghiệp vì nhân viên hạnh phúc mang nhiều lợi lạc cho các công ty.

Hạnh phúc làm gia tăng thoả mãn nghề nghiệp đưa đến tăng năng suất trong các cơ sở thương mại hay sản xuất. Các nhà nghiên cứu Connolly và Viswesvara tìm thấy những người hạnh phúc là những người thoả mãn với công việc của mình nhiều hơn là những người kém hạnh phúc. Chuyên gia Wright và Cropanzano vào năm 2000 nghiên cứu thấy rõ là những người hạnh phúc thường làm việc tốt hơn là những người chỉ có yếu tố là thoả mãn với công việc làm vì người hạnh phúc ưa thích việc làm, ít vắng mặt trong giờ làm việc, có thái độ rộng lượng tha thứ, nhiều năng lượng và làm việc siêng năng. Như vậy, những nhân viên hạnh phúc là tài nguyên tốt và lâu bền cho công ty hay xí nghiệp. Những người bán hàng vui vẻ thường có nhiều khách hàng vì họ được mến chuộng hơn. Người hạnh phúc có nhiều khả năng quản trị, được quý trọng và có nhiều sáng kiến. Chuyên gia Staw và đồng nghiệp nghiên cứu và thấy rõ khi một người hạnh phúc thường thành công trong công việc, được cấp trên đánh giá tốt về phẩm cách, làm gia tăng sản lượng, được nhiều tín nhiệm và có tinh thần sáng tạo.

Người hạnh phúc có tình bạn tốt, đóng góp nhiều vào lợi ích chung xã hội và sống lành mạnh

Những người hạnh phúc thường có mối liên hệ tốt đẹp với những người khác trong xã hội hơn là những người kém hạnh phúc. Các nhà nghiên cứu Baldassare, Rosenfield và Rook cho thấy họ là những người có nhiều bạn bè hơn, được nhiều người ủng hộ hơn và có những người thân thiết họ có thể nương tựa được.

Những người hạnh phúc thường có tình bạn hữu tốt đẹp, họ tham dự nhiều hoạt động thân hữu và họ có nhiều niềm vui. Đó là kết luận của các nhà nghiên cứu Cooper và đồng nghiệp khi nghiên cứu về hạnh phúc và tình bạn bè. Tình bạn hữu tốt đẹp cũng là một dấu hiệu cho biết người đó có hạnh phúc nhiều hay ít. Những người hạnh phúc đóng góp nhiều cho các chương trình mang đến lợi ích chung cho cộng đồng hơn là những người có thái độ chống đối xã hội. Các cuộc nghiên cứu cho thấy người hạnh phúc có những tính tình tốt đẹp như có lòng nhân từ, hay giúp đỡ tha nhân, tham gia vào các chương trình xã hội, thường đóng góp cho xã hội nhiều hơn, họ tình nguyện tham gia vào các chương trình thiện nguyện nhiều hơn so với những người không hạnh phúc trong các phạm

vi tôn giáo, giáo dục, chính trị hay phát triển sức khỏe.

Các em nhỏ có hạnh phúc cảm thấy đời mình có ý nghĩa nhiều hơn khi cống hiến những điều tốt đẹp cho tha nhân. Khi khảo cứu tương quan giữa hạnh phúc và đóng góp xã hội. Các chuyên gia nghiên cứu tâm lý Magen và Aharoni tìm thấy ngay cả những em học sinh trung học có nhiều hạnh phúc thường tham dự nhiều vào các công tác cộng đồng, hay giúp đỡ người khác và có ước mong đóng góp nhiều cho xã hội.

Những người hạnh phúc ít bị nghiện ngập hơn. Nghiện ngập hiện nay là mối đe dọa rất lớn cho sức khỏe cá nhân và trật tự xã hội. Nhiều nước giàu có cũng như các nước đang phát triển hiện nay phải đối phó với vấn nạn này do áp lực gia tăng trong đời sống hay do sự thiếu vắng hạnh phúc gia tăng. Các chuyên gia Bogner và đồng nghiệp cho thấy 80% trong số người thuộc nhóm được nghiên cứu bị nghiện bị khó khăn tâm lý. Những người hạnh phúc thì ít bị nghiện ngập hơn.

Người có hạnh phúc sống thọ và ít bị bệnh

Cuộc nghiên cứu hai bác sĩ Chida và Steptoe vào năm 2008 cho thấy những người hạnh phúc thì tỷ lệ bị chết thấp nơi người bình thường cũng như nơi người đang bị bệnh. Ví dụ như người hạnh phúc ít bị chết vì chứng bệnh tim mạch và người bị nhiễm vi khuẩn HIV mà có hạnh phúc thì ít bị chết hơn những người đồng bệnh không hạnh phúc.

Để cho chắc chắn hơn về điều hạnh phúc làm gia tăng sức khỏe, chuyên gia về tâm lý sức khỏe Sheldon Cohen và các đồng nghiệp thuộc viện đại học Carnegie Mellon University ở thành phố Pittsburgh, Hoa Kỳ, thực hành một cuộc nghiên cứu đặc biệt về hạnh phúc giúp phòng ngừa bệnh tật với 334 người tình nguyện tham dự. Những người này tuổi từ 18 đến 55 và họ đánh giá mức độ hạnh phúc hay khổ đau của họ khi được gọi qua điện thoại theo cách thức của tiến sĩ Kahneman đã nói trước đây. Để tiêu chuẩn hóa sự đánh giá mức độ cảm xúc vui buồn, các người tham dự cho biết họ đang có mức độ nào về 9 loại cảm xúc tích cực như hạnh phúc, hớn hờ, thanh thản, thoải mái, sinh động hay đầy năng lực, và 9 loại cảm xúc tiêu cực như buồn, sầu não, bồn chồn lo lắng hay chống đối. Nghiên cứu được thực hiện như sau:

- Sau ba tuần lễ phân tích các dữ kiện và sắp loại những người tham dự cuộc nghiên cứu thuộc loại có nhiều hạnh phúc hay ít, các người tham dự được đưa đến phòng thí nghiệm và bị nhỏ vào mũi một giọt chứa vi khuẩn rhinovirus, loại vi khuẩn làm phát sinh bệnh cảm thông thường.

- 5 ngày sau, những người này bị cách ly. Họ sống trong phòng thí nghiệm, ngoài chuyện ăn và ngủ, họ tiêu khiển bằng đọc sách báo, xem phim, nghe nhạc. Trong thời gian này các nhà nghiên cứu khám bệnh xem ai bị bệnh và bị bệnh ở mức độ nào.

- Đo mức độ bình thường kháng thể của những người tham dự, mức độ mà người tham dự có sẵn kháng thể trong người chống lại khuẩn cảm khi bắt đầu cuộc nghiên cứu, để so sánh với mức độ sau khi phân tích các dữ kiện và nhỏ vi khuẩn cảm vào mũi họ.

Việc đo mức độ hội chứng bị bệnh nói trên rất quan trọng vì khi chúng ta hỏi "anh hay chị mạnh khỏe không?"



Ảnh minh họa: **Chí Giác Thông**

thì họ thường trả lời máy móc là “tôi khỏe” dù trên thực tế lúc đó có thể đang bị cảm hoặc đang có cảm xúc tiêu cực hay cầu nhàu, giận dữ và buồn rầu. Do đó, các nhà nghiên cứu cần phải đo mức độ hội chứng bị bệnh thay vì hỏi sức khỏe của họ ra sao. Hội chứng mức độ về bệnh được đo bằng độ mũi bị nghẽn và nước mũi chảy ra.

Kết quả cuộc nghiên cứu cho thấy:

- Những người có sự bằng lòng, thoải mái khi bị cảm thì mức độ bị sốt và bị các hội chứng cảm thấp mặc dù mức độ bị cảm bằng người tiêu cực.

- Các chuyên gia nhận thấy khi hai người cùng bị cảm thì người có cảm xúc tích cực có các hội chứng ít và nhẹ hơn (*ít bị nghẽn mũi và có ít nước mũi chảy ra*) người tiêu cực hay cầu nhàu, bực bội.

- Các chuyên gia nghiên cứu thấy người có mức độ cảm xúc tích cực cao nhất thì mức độ bị cảm chỉ bằng 1/3 so với những người có mức độ cảm xúc tích cực thấp nhất.

Về phương diện tính tình, có người chỉ cần nhìn cuộc đời không tiêu cực như không buồn rầu, chán chường là đã khỏe mạnh rồi. Ngoài ra, người hạnh phúc thường thực hành dinh dưỡng tốt, vệ sinh thân thể tốt, vận động thể lực tốt, ngủ và nghỉ ngơi tốt cùng với tương quan xã hội thân thiết. Những điều này đóng góp vào việc làm cho mức độ bị bệnh ít đi và tử vong thấp.

Tóm lại, những cuộc nghiên cứu khoa học cho thấy người sống hạnh phúc thì tốt cho sức khỏe của họ vì:

1. Hạnh phúc ảnh hưởng tốt nhất đến sức khỏe của họ. Sự cảm nhận hạnh phúc, kinh nghiệm về sự an vui và hạnh phúc kéo dài liên hệ đến dinh dưỡng tốt, vận động thể lực đều, ngủ và nghỉ ngơi tốt. Những thứ này về lâu về dài trở thành vốn liếng giúp cho gia tăng sức khỏe, chống lại bệnh tật cũng như suy giảm sức khỏe thể chất và tinh thần.

2. Hạnh phúc tác động trực tiếp mạnh mẽ vào cơ thể của họ, hạnh phúc thẩm vào hệ tim mạch, hệ nội tiết và hệ sản xuất ra các chất hormone trong cơ thể. Từ đó làm cho hệ thần kinh giao cảm êm dịu. Hệ thần kinh giao cảm hoạt

động vô thức làm phát sinh phản ứng chiến đấu hay đào thoát khi bị đe dọa làm căng thẳng phát sinh. Nếu hệ giao cảm dịu xuống, hệ đối giao cảm hoạt động thì căng thẳng giảm, nhịp tim đập hạ xuống. Nhịp tim đập thấp được xem là một dấu hiệu báo cho biết tình trạng sức khỏe nói chung tốt. Huyết áp cũng hạ xuống và hệ nội tiết bớt sản xuất các chất hormone tạo ra căng thẳng.

3. Người hạnh phúc cũng liên hệ đến việc cơ thể chúng ta tiết ra nhiều chất chất hormone tốt giúp cho sự tăng trưởng (*growth hormone*) như prolactin và oxytocin. Hormone giúp tăng trưởng và prolactin có khả năng kết vào núm tiếp nhận của bạch cầu thuộc hệ miễn nhiễm để làm gia tăng khả năng chiến đấu của bạch cầu chống lại hữu hiệu các vi khuẩn gây thương tổn trong cơ thể. Chất oxytocin làm cho con người dễ dàng kết thân và cảm thông nhau. Tiến sĩ Zack, chuyên gia nghiên cứu về oxytocin, cho rằng chất này là phân tử của tình yêu và đạo đức vì khi oxytocin xuất hiện trong cơ thể thì chúng ta gia tăng sự cảm thông với người khác và không muốn làm những gì không tốt cho tha nhân.

4. Ngoài ra, có sự liên hệ trực tiếp giữa hạnh phúc và sự khỏe mạnh của cơ thể chúng ta: Các sợi dây thần kinh của hệ giao cảm kết nối với tuyến ức và hạch bạch huyết, là nơi sản xuất các bạch cầu của hệ miễn nhiễm. Khi chúng ta hạnh phúc thì các sợi thần kinh này trong bộ não khởi động, đưa đến sự khởi động của tuyến ức và hạch bạch huyết làm cho các bạch cầu chống lại nhiễm trùng hoạt động mạnh mẽ. Các sợi thần kinh giao cảm cũng sản xuất một số lớn các chất kết vào núm tiếp nhận của các bạch cầu và kích thích chúng chống lại các vi khuẩn xâm lăng cơ thể mạnh mẽ hơn nên nhờ đó mà chúng ta ít bị bệnh.

Đó là lý do thâm sâu của những nụ cười an vui, hạnh phúc và trầm lặng trên các hình ảnh hay tượng đức Phật và các vị Bồ Tát. Đó là chưa kể một hình dáng vui tươi, năng động và tràn ngập niềm vui trong nụ cười nở rộ đời người mà chúng ta thường thấy nơi tượng đức Phật Di Lặc.

(Còn nữa)



3. Lại nữa, này các Tỳ - khưu

Ở đây có loài ngựa hiền thiện thuần thực, thấy bóng cây gây thúc ngựa, không bị dao động, kích thích. Khi bị gây thúc ngựa đâm vào lông, nó không bị dao động, kích thích. Nhưng khi bị cây gây thúc ngựa đâm vào thịt, liền bị dao động, kích thích, nghĩ rằng: "Hôm nay, người đánh xe điều ngự ngựa sẽ bảo ta làm gì và ta đáp ứng thế nào?" Như vậy, này các Tỳ - khưu, ở đây là loài ngựa hiền thiện, thuần thực. Này các Tỳ - khưu, đây là loài ngựa hiền thiện thuần thực thứ ba, có mặt, hiện hữu ở đời.

4. Lại nữa, này các Tỳ - khưu

Ở đây có loài ngựa hiền thiện thuần thực, thấy bóng cây gây thúc ngựa, không bị dao động, kích thích; bị cây gây thúc ngựa đâm vào lông, không bị dao động, kích thích; bị cây gây thúc ngựa đâm vào thịt, không bị dao động, kích thích; bị cây gây thúc ngựa đâm vào xương, bị dao động, kích thích, nghĩ rằng: "Hôm nay, người đánh xe điều ngự ngựa sẽ bảo ta làm gì và ta đáp ứng thế nào?" Như vậy, này các Tỳ - khưu, ở đây là loài ngựa hiền thiện, thuần thực. Này các Tỳ - khưu, đây là loài ngựa hiền thiện, thuần thực thứ tư, có mặt, hiện hữu ở đời. Này các Tỳ - khưu, có bốn loài ngựa hiền thiện, thuần thực, có mặt, hiện hữu ở đời.

5. Cũng vậy, này các Tỳ - khưu

Có bốn hạng người hiền thiện, thuần thực này có mặt,

KINH GÂY THỨC NGỰA

TRÍCH TỪ ĐẠI TẠNG KINH

1. Có bốn loài ngựa hiền thiện thuần thực này, này các Tỳ - khưu, có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỳ - khưu, có loài ngựa hiền thiện thuần thực, thấy bóng cây gây thúc ngựa liền bị dao động, kích thích nghĩ rằng: "Hôm nay, người đánh xe điều ngự ngựa sẽ bảo ta làm gì, và ta đáp ứng thế nào?" Như vậy, này các Tỳ-khưu, ở đây là loại ngựa hiền thiện thuần thực. Này các Tỳ-khưu, đây là loại ngựa hiền thiện thuần thực thứ nhất, có mặt, hiện hữu ở đời.

2. Lại nữa, này các Tỳ - khưu

Ở đây có loài ngựa hiền thiện thuần thực, thấy bóng cây gây thúc ngựa, không bị dao động, kích thích. Nhưng khi bị gây thúc ngựa đâm vào lông, nó liền bị dao động, kích thích, nghĩ rằng: "Hôm nay, người đánh xe điều ngự ngựa sẽ bảo ta làm gì, và ta đáp ứng thế nào?" Như vậy, này các Tỳ - khưu, ở đây là loài ngựa hiền thiện thuần thực. Này các Tỳ - khưu, đây là loài ngựa hiền thiện thuần thực thứ hai, có mặt, hiện hữu ở đời.

hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỳ - khưu, có hạng người hiền thiện, thuần thực nghe tại một làng hay thị trấn kia, có người đàn bà hay người đàn ông bị khổ đau hay bị mạng chung; người ấy do vậy bị dao động, kích thích. Bị kích thích, vị ấy như lý tinh cần. Do tinh cần, với thân, vị ấy chứng ngộ được tối thắng sự thật; với trí tuệ, vị ấy sau khi thể nhập, thấy được sự thật ấy. Ví như, này các Tỳ - khưu, con ngựa hiền thiện, thuần thực ấy, thấy bóng cây gây thúc ngựa, bị dao động kích thích, Ta nói rằng, này các Tỳ - khưu, con người hiền thiện thuần thực này giống như ví dụ ấy. Như vậy, này các Tỳ - khưu, ở đây có hạng người hiền thiện. Này các Tỳ - khưu, đây là hạng người hiền thiện thuần thực thứ nhất có mặt, hiện hữu ở đời.

6. Lại nữa, này các Tỳ - khưu

Ở đây có hạng người hiền thiện, thuần thực không có nghe tại một làng hay thị trấn kia, có người đàn bà hay người đàn ông bị đau khổ hay bị mệnh chung, nhưng khi

tự mình thấy người đàn bà hay người đàn ông khổ đau hay mệnh chung, người ấy do vậy bị dao động, kích thích. Bị kích thích, vị ấy như lý tinh cần. Do tinh cần, với thân, vị ấy chứng ngộ được sự thật tối thắng; với trí tuệ, vị ấy sau khi thể nhập, thấy được sự thật ấy. Ví như, này các Tỷ - khuu, con ngựa hiến thiện thuần thực ấy, khi bị cây gậy thúc ngựa đâm vào da, bị dao động, kích thích, Ta nói rằng, này các Tỷ - khuu, con người hiến thiện thuần thực này giống như ví dụ ấy. Như vậy, này các Tỷ - khuu, ở đây có hạng người hiến thiện. Này các Tỷ - khuu, đây là hạng người hiến thiện thuần thực thứ hai có mặt, hiện hữu ở đời.

7. Lại nữa, này các Tỷ - khuu

Ở đây có hạng người hiến thiện, thuần thực không có nghe tại một làng hay thị trấn kia, có người đàn bà hay người đàn ông bị khổ đau hay bị mệnh chung, không có tự mình thấy người đàn bà hay người đàn ông khổ đau hay mệnh chung. Nhưng, khi có một người bà con hay người đồng một huyết thống khổ đau hay bị mệnh chung, người ấy do vậy bị dao động, kích thích. Bị kích thích, vị ấy như lý tinh cần. Do tinh cần, với thân vị ấy chứng ngộ được sự thật tối thắng; với trí tuệ, vị ấy sau khi thể nhập, thấy được sự thật ấy. Ví như, này các Tỷ - khuu, con ngựa hiến thiện thuần thực ấy, khi bị cây gậy thúc ngựa đâm vào thịt, bị dao động, kích thích, Ta nói rằng, này các Tỷ - khuu, con người hiến thiện thuần thực này giống như ví dụ ấy. Như vậy, này các Tỷ - khuu, ở đây có hạng người hiến thiện. Này các Tỷ - khuu, đây là hạng người hiến thiện thuần thực thứ ba có mặt, hiện hữu ở đời.

8. Lại nữa, này các Tỷ - khuu

Ở đây có hạng người hiến thiện thuần thực không có nghe tại một làng hay thị trấn kia, có người đàn bà hay người đàn ông bị khổ đau hay mệnh chung, không có tự mình thấy người đàn bà hay người đàn ông khổ đau hay

bị mệnh chung, không có người bà con hay người đồng một huyết thống khổ đau hay bị mệnh chung. Nhưng khi tự mình cảm xúc những cảm thọ về thân khổ đau, nhói đau, chói đau, mãnh liệt, kịch liệt, không phải khả hỷ, không khả ý, đoạt mạng sống, vị ấy bị dao động, kích thích. Bị kích thích, vị ấy như lý tinh cần. Do tinh cần, với thân, vị ấy chứng ngộ được sự thật tối thắng; với trí tuệ, vị ấy sau khi thể nhập, thấy được sự thật ấy. Ví như, này các Tỷ - khuu, con ngựa hiến thiện thuần thực ấy, khi bị cây gậy thúc ngựa đâm vào xương mới bị dao động, kích thích, Ta nói rằng, này các Tỷ - khuu, con người hiến thiện thuần thực này giống như ví dụ ấy. Như vậy, này các Tỷ - khuu, ở đây có hạng người hiến thiện thuần thực. Này các Tỷ - khuu, đây là hạng người hiến thiện thuần thực thứ tư có mặt, hiện hữu ở đời. Này các Tỷ - khuu, có bốn hạng người hiến thiện thuần thực này có mặt, hiện hữu ở đời.

Lời Bàn:

Đức Phật đưa ra hình ảnh bốn con ngựa để ví dụ bốn hạng người như sau:

- Hạng người thứ nhất, chỉ "nghe" tiếng đồn trong xóm có người chết là giác ngộ tu ngay. Họ tinh tấn và nỗ lực tu để trở thành sinh mệnh mới

- Hạng người thứ hai, "thấy" một người chết thì là giác ngộ tu liền.

- Hạng người thứ ba phải mất nhiều thời gian hơn để học được một cách khó khăn. Chỉ đến khi gia đình chịu thống khổ thì mới bắt đầu tinh ngộ và tu tập.

- Hạng người cuối cùng nói đến những người không chịu hối tiếc cho đến khi bị ốm nặng và đang trên bờ vực của cái chết. Lúc đó họ mới mong muốn có một cơ hội để sửa chữa những lỗi lầm đã mắc phải trong cuộc đời để có một sự khởi đầu mới người đó mới giác ngộ được.

Cơ may dành cho họ thật ít ỏi nhưng vẫn có thể cứu được quả nghiệp trước khi quá muộn.





Ảnh: An Nhiên

Nói xong vị Điều Mã Sư nhìn Phật hỏi:

- Bạch Thế Tôn, con muốn biết Đức Thế Tôn dạy các Thầy, các Sư Cô bằng phương pháp nào? Và trong trường hợp có những vị khó dạy thì Ngài dùng biện pháp gì?

Phật trả lời:

- Tôi cũng làm giống như Ông vậy. Có những Thầy, những Sư Cô nói ngọt ngào là đủ. Có những Thầy, Sư Cô phải dùng biện pháp mạnh như biệt trú, sám hối... Ngoài ra cũng còn có những vị phải dùng cả hai biện pháp trên.

Lúc đó vị Điều Mã Sư bèn hỏi Đức Phật câu hỏi mà Ngài đã hỏi Ông:

- Bạch Thế Tôn, nếu như không áp dụng được cả hai biện pháp trên với một Thầy, một Sư Cô thì Ngài sẽ làm thế nào?

Phật mỉm cười bảo:

- Tôi cũng sẽ làm giống như Ông vậy.

- Làm giống như con là làm sao?

- Tôi cũng phải giết người đó.

- Nhưng tu đạo từ bi thì làm sao Đức Thế Tôn giết người được.

- Giết ở đây là không cho ở Tăng đoàn nữa. Nếu không được ở trong tăng đoàn thì coi như về phương diện đời sống tâm linh người ấy đã chết.

Nhắc lại câu chuyện này là để thấy rằng trong tăng đoàn nguyên thủy của Đức Phật cũng luôn có những phần tử bất hảo, khó trị và Đức Phật cũng hành xử minh chánh của tăng đoàn mà phải trục xuất người ấy.

Bài học từ vị ĐIỀU MÃ SƯ & ĐỨC PHẬT

● PTs Phạm Kim Tuyến

Có một vị Điều Mã Sư đến gặp Phật xin tu học với tư cách là một cư sĩ. Một hôm Đức Phật hỏi Ông ta rằng: "Ông điều phục những con ngựa trong chuồng như thế nào? Đối với những con ngựa chúng Ông làm sao?"

Vị Điều Mã Sư nói: "Bạch Thế Tôn, với những con ngựa dễ dạy, con dùng biện pháp ngọt ngào. Với những con ngựa cứng đầu con dùng biện pháp mạnh như roi, xích...trừng phạt. Nếu dùng ngọt ngào con sẽ thất bại. Nhưng trong đàn cũng có những con ngựa phải cần tới cả hai biện pháp trên".

Phật hỏi thêm: Nếu cả ba phương pháp đó đều không thành công thì Ông phải làm như thế nào?

- Trong trường hợp đó, con sẽ giết con ngựa, vì nếu để nó trong đàn, nó sẽ là một gương xấu và cả đàn ngựa sẽ hư hết.

Trong guồng máy Hành Chánh Đạo của chúng ta cũng luôn có những Chức Sắc, Chức việc khiếm khuyết về Đạo Đức, về năng lực...nhưng không có tinh thần phục thiện, vẫn cứ ngoan cố vi phạm giáo điều, gây mất đoàn kết, bất mãn trong nội bộ và làm mất niềm tin nơi đồng đạo...

Nước thì có Hiến Pháp, Đạo cũng có luật Đạo. Giáo Hội Cao Đài có Pháp Chánh Truyền, có Bát Đạo Nghị Định, có Tàn Luật, Ngũ Giới Cấm, Tứ Đại Điều Qui... và có cả Thập Hình của Đức Lý Giáo Tông ấn định mức xử phạt đối với Chức Sắc, Chức Việc và tín đồ vi phạm nhẹ thì khuyên lơn, giáo dục, nặng thì giáng cấp cho chí đến giải pháp cuối cùng là trục xuất,

Đây là hình thức pháp trị dựa trên cơ sở của tình thương, của công bình và bác ái như Đức Chí Tôn hằng dạy là nền tảng giáo lý của Cao Đài dựa trên luật thương

yêu và quyền công chánh..

Đức Chí Tôn là Đấng thương yêu chúng sanh vô biên, vô lượng. Chính vì thương yêu mà từ thương cổ đến nay lần lượt có các nền tôn giáo ra đời. Chính bởi thương yêu mới có Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, mới có sự cứu rỗi lần III, sự cứu rỗi danh cho những đứa con hư hỏng, lạc lối, lầm đường. Chính bởi thương yêu mới có giới răn và trừng phạt. Phạt là phạt nhưng lòng thương vẫn thương như Đức Lý Đại Tiên đã từng than thở về trách nhiệm nặng nề của một Giáo Tông: "Ngán thay cho cái trách nhiệm nặng nề vì trót đã hứa lời cùng Từ Bi ra tế độ, hễ trách phạt đàn anh, tuy nhiên lấy oai quyền khuyến nhủ, trừng trị mấy em mặc dầu chó cũng nên hiểu tâm mỗi đứa..."

Từng đó cũng đủ thấy rằng mọi hình phạt đều phát xuất từ tấm lòng thương yêu của các Đấng, lòng thương yêu luôn luôn hàm chứa sự công bình.

Còn chúng ta? Chúng ta thương đàn anh, đàn em, thương người đồng sự, chúng ta dựa theo phạm tánh. Đó là sự cho qua, sự khỏa lấp, là buông trôi, là phó mặc cho quyền Thiêng Liêng định đoạt. Và hậu quả là gì? Là anh em hiềm khích, là nội bộ chia rẽ, bất hòa, là làm mất niềm tin của Đồng Đạo, là sự dung túng để người phạm lỗi mỗi ngày mỗi nhiều hơn. Một người làm sai kéo thêm nhiều người làm sai, một người lầm đường kéo theo một nhóm lạc lối. Vậy thì trách nhiệm nấy thuộc về ai?

Về các Đấng ở trên cao với vợ hay là thuộc về chúng ta, những kẻ nhu nhược hằng ngày tiếp cận với cái xấu mà vẫn che mắt làm ngơ?

Bài học từ Điều Mã Sư và Đức Phật Thích Ca đủ cho chúng ta thấy rằng thương yêu không nhất định là phải nói những lời ngọt ngào, dễ nghe mà đôi khi cũng phải tuôn đổ những lời nặng nề, đắng chát, những phê phán chỉ trích nặng nề. Thương yêu cũng không phải là sự im lặng, cam chịu những sự sai trái của người khác.

Thương yêu đi liền với sự bao dung nhưng không đồng nghĩa với bao dung. Tình thương thì không biên giới nhưng bao dung thì có mức độ và giới hạn. Tình thương là phần lặng của trái tim, còn bao dung là phần nổi của hành động bên ngoài. Cho nên những lời phê bình gay gắt dễ bị ngộ nhận là có ác tâm, mà hình như ai ai trên bước đường tu học cũng rất sợ mang tiếng là tâm xà!

Điều Mã Sư trừng trị ngựa, giết ngựa là để tránh loạn cho chuồng ngựa. Đức Phật nghiêm phạt trục xuất tăng ni bất trị là để ổn định tăng đoàn, đem sự bình an cho tăng thân. Thập hình của Đức Lý cũng là để răn đe, giáo dục và nghiêm trị những thành phần bất hảo trong Đạo.

Vậy thì mỗi Chức sắc, Chức việc, mỗi một tín đồ, chúng ta nhất định phải là những Điều Mã Sư từ bi và trí tuệ trong nỗ lực làm sáng bản thân mình, trong sạch hóa hàng ngũ của mình, bảo vệ thanh danh của Hội Thánh, Tộc Đạo, Hạng Đạo... Giữ được niềm tin của đồng đạo. Có như thế việc hoằng khai Đại Đạo mới được thuận buồm xuôi gió. Có như thế chúng ta mới không hổ thẹn với các bậc Tiền Khai đã dấy công dựng nên nghiệp Đạo. Có như thế chúng ta không lỗi thệ với Đức Chí Tôn cùng các Đấng. Và có như thế ngày về của chúng ta mới thanh thản trước quyền Thiêng Liêng thưởng phạt.

Trúc Lâm Yên Tử

Ảnh: Hứa Bình

● Lưu Thị Ngọc Dung – Diệu Hòa

"Sống như mặc áo,
Chết như cởi ra
Chẳng ai bỏ qua
Được con đường ấy."

Yên Tử cao với vợ,
Dáng núi đứng hiên ngang.
Chùa Lân cổ xưa ấy
Nay Thiên viện Trúc Lâm

Cây đa già trăm tuổi
Ôm thị nhỏ trong lòng.
Chim kêu cùng vượn hót
Lan nở. Giọt sương trong.

Mặt trời bùng tỏa sáng
Soi bạc đá rêu phong.
Chuông ngân vang vọng núi.
Suối dải lụa trắng ngần.

Phật hoàng Trần Nhân Tông
Rời ngai vàng lầu tía,
Giữa núi ngàn tu luyện
Giác Phật độ chúng sinh¹

Bảy trăm năm có lẽ,
Giáo pháp luôn sáng soi.
Những người con của Phật
Vô ngại suốt cuộc đời...²

Dừng chân nơi đất Phật,
Lòng thanh thản nhẹ nhàng,
Tuệ sáng trong như ngọc,
Tâm đượm sắc mai vàng.³

1. Giác Phật, phá độ, vô ngại là các từ trong kinh Phật
2. Hòa thượng Thích Thanh Từ đã xây ba Thiên viện Đà Lạt, Yên Tử và Tam Đảo
3. Màu áo vàng nhà Phật

Ở chợ huyện Phúc Tự, có ông Tư Mã làm nghề đánh xe ngựa. Ông là một người vui tính, vì vậy khách rất thích đi xe ông, để được nghe nụ cười độc đáo của ông, người ta bảo ông có nụ cười Ngài Di Lạc. Khách còn được nghe ông kể chuyện đạo rất hấp dẫn (*ông là một Phật tử mà!*).

Một sáng nọ, ông dậy sớm như mọi ngày đi ra chuồng ngựa, phát hiện ra con ngựa đã bị lấy trộm rồi. Ông rầu rĩ thương nhớ con ngựa thân yêu: *"Lạy Phật! Có miếng cơm manh áo là nhờ con! Bây giờ con ở đâu? Có lẽ kiếp trước nghiệp ta nặng lắm! Bây giờ phải gặp họa như vậy!"* Hai ngày sau, con ngựa tìm về nhà, lại dắt theo một con ngựa khác. Ông vui vẻ trở lại, thông báo khắp nơi về đặc điểm con ngựa ấy, để chủ con ngựa biết mà đến nhận về. Mãi đến rất lâu sau này, không thấy ai đến nhận lại ngựa. Ông vẫn chăm sóc nó tử tế, hàng ngày cho ăn, ông nhìn nó âu yếm: *"Lạy Phật! Trong cái họa có cái phúc! Ta sẽ nuôi con đang hoang, đừng có lo! Từ nay ta đặt cho con cái tên mới là Bạch Nữ".* Bạch Nữ được ông dạy dỗ cho quen chủ, Ông



Ảnh: Giác Hạnh

Chuyện nhà NGƯỜI ĐÁNH XE NGỰA

● Lê Đan

chưa cho kéo xe. Một bữa nọ, anh con trai ở nhà cỡi con Bạch Nữ, bất cẩn bị ngã ngựa gãy chân. May sao không bị cứa chân, nhưng sau này phải đi khập khiễng. Ông Tư Mã rất thương con nhưng ông không buồn lắm! Ông ngẫm nghĩ: *"Lạy Phật! Cuộc đời là vô thường! Phúc họa khôn lường! Trời kêu ai nấy dạ, biết làm sao bây giờ!"*

Ông Tư Mã đem chuyện nhà bạch cho sư ông trụ trì nghe, sư ông giảng cho ông Tư Mã nghe một bài pháp về nhân quả. Ông về nhà, bình tâm trở lại, quyết định ăn chay trường, thực hành hạnh bố thí, cúng dường Tam Bảo. Được một thời gian ông cảm thấy trong lòng thanh thản nhẹ nhàng, như trút đi được gánh nặng âu lo.

Cuối năm đó, ở biên giới loạn lạc, nhà Vua xuống chiếu tuyển binh. Trai tráng trong huyện đều ra hồ hởi mặt trận. Riêng anh con trai của ông Tư Mã rất buồn vì anh không thể không cùng chúng bạn ra mặt trận làm nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ tổ quốc được bởi cái chân khập khiễng. Nhưng ông Tư Mã lại trầm ngâm thờ phào: *"Lạy Phật! Trong cái họa lại gặp cái phúc".* Từ đó về sau gia đình ông Tư Mã sống bình yên, không còn tai họa nữa.

Đọc câu chuyện "Phúc và họa" của nhà ông đánh xe ngựa ở trên, chúng ta chợt nhớ đến câu chuyện thật về cuộc đời của Ông Nampoku Mizouno, nhà chiêm tinh gia người Nhật, tác giả cuốn sách: "Đời người qua tướng mắt" (Sampaku) đã được dịch giả Ngô Thành Nhân dịch ra tiếng Việt. Nhà tướng số người Nhật ấy, thuở nhỏ được nhà chùa nuôi dưỡng, vì ông có tướng yếu, dáng vẻ rất

xấu xí không ai muốn nhìn. Nên Sư trụ trì chỉ cho phép ông ăn ở sau hậu liêu và làm việc giã gạo, bếp núc không được lên chánh điện.

Mãi đến ba năm sau, chú tiểu xấu xí ấy đã lớn, trông đẹp hẳn ra. Sư trụ trì bất ngờ gặp lại chú tiểu, thấy tướng yếu đã biến mất, lộ ra một chú tiểu đến tuổi trưởng thành tốt tướng. Sư trụ trì ngạc nhiên hỏi chú: *"Lâu nay con có làm điều gì cứu giúp ai không?"* Chú thưa: *"Bạch Thầy! Con làm đúng như lời thầy dạy, hàng ngày chỉ lo việc giã gạo, nấu nướng, rửa bát, tối đến ngủ ở đây, không đi đâu cả".*

Vậy đó, câu chuyện mắt ngựa của nhà ông Tư mã, phúc và họa thay nhau đến hỏi thăm nhà ông ấy. Nhờ có tu, nên nhà ông Tư Mã đã chuyển được nghiệp họa thành phúc, để có cuộc sống yên ổn về sau.

Câu chuyện thứ hai, chú tiểu xấu xí kia chỉ sống trong không khí thiếu môn, ngày giã gạo, làm việc bếp núc, ăn chay lạt; tối nghe kinh, ngủ sau liêu. Chỉ có vậy thôi! Tướng xấu biến mất, tướng tốt lộ ra, để sau này chú tiểu ấy trở thành nhà tướng số Nampoku Mizouno có tiếng tăm khắp năm châu.

Hôm nay, ngày đầu xuân Nhâm Ngọ, chúng ta là những Phật tử đã kiến đạo và đang tập tành tu đạo, sự tu học của chúng ta ít ra cũng không thua kém chi hai vị trong hai câu chuyện. Và chúng ta tin tưởng rằng, bất cứ ai cũng có thể chuyển hóa được cái họa thành phúc, nếu như chúng ta biết làm điều lành, tránh điều dữ; hàng ngày an vui tu tập.

RAO RỰC

Niềm xuân

● PGS.Ts. Nguyễn Công Lý

Đồng tàn xuân tới là một quy luật tuần hoàn của thiên nhiên, của đất trời. Xuân về với trăm hoa khoe sắc tỏa hương, cây cối đâm chồi nảy lộc, biểu tượng cho sức sống dồi dào, viên mãn. Ví thế, người đời thường ví mùa xuân với sức trẻ: *"Một năm khởi đầu mùa xuân. Cuộc đời bắt đầu bằng tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của nhân loại"*. Chính biểu tượng này mà mùa xuân không bao giờ già, chẳng tàn phai, dù ba tháng đầu năm đã qua đi. Mùa xuân thường gắn với tình yêu. Mà tình yêu thì muôn đời bất diệt, muôn thuở vẫn vậy. Tình yêu không có tuổi. Có ai tính được tuổi của tình yêu chưa? Thơ tình yêu cũng vậy - nhất là những bài tuyệt tác - càng không tính được tuổi bao giờ. Thơ tình mùa xuân càng hơn thế, luôn luôn và mãi mãi là sức trẻ.

Bước vào xuân, thiên nhiên lại khoác lên mình một chiếc áo mới đầy nhựa sống, toàn màu non tơ mơn mớn. Thơ tình mùa xuân vì thế mang trong bản thân nó cái rạo rực thiết tha đến bồi hồi, nóng cháy, đắm thắm mặn mà đến mê say, không bờ bến. Cái không bờ bến đó chỉ

cảm nhận, không thể diễn tả, không thể luận bàn được. Về đẹp tình xuân cũng vậy. Hãy để hồn mình giao hòa, rung động với đối tượng, mới có thể nhận ra hết mọi điều tuyệt diệu. Đến phút giây bùng vỡ, ta sẽ mỉm cười một mình. Tình yêu cũng thế, chỉ có cảm chứ không cất nghĩa. Nhà thơ tình số một Xuân Diệu đã hơn một lần tuyên bố: *"Làm sao cất nghĩa được tình yêu, Có nghĩa gì đâu một buổi chiều, Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt, Bằng mây nhè nhẹ gió hiu hiu"*.

Để cập đến thơ tình nói chung, thơ tình mùa xuân nói riêng, trong chúng ta ai cũng nghĩ tới dòng thơ lãng mạn 1932 - 1945 ở Việt Nam. Bởi lẽ, không nhà thơ nào của thế hệ này mà không có thơ tình yêu, thơ tình mùa xuân. Từ Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận đến Đoàn Văn Cừ, Anh Thơ, Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương đều có thơ tình và thơ tình mùa xuân. Có khi đó là cảm giác xôn xao rung rinh, nơi đó bóng giai nhân thoáng hiện say mê khúc nhạc xuân tình và nàng xuân như ngưng đọng lại trên đôi má ửng hồng làm cho thi nhân ngỡ ngàng thốt lên: *"Ánh*

trạng thái dễ chịu có thể phát huy công năng tốt nhất, chỉ khi nào thân tâm buông thư mới có thể nhận ra được cảm giác dễ chịu này.

Trong những năm gần đây, người ta đã nghiên cứu việc dùng âm nhạc để trị bệnh. Từng loại nhạc có khả năng trị liệu khác nhau, đó là điều mà các nhà khoa học đã chứng minh được qua thực tế lâm sàng. Ni sư Đạo Chứng, là một vị bác sĩ Tây Y, cho rằng, so với âm nhạc thì việc niệm Phật được thực hành khi chúng ta mở rộng lòng từ, toàn thân buông thư niệm Phật theo âm vận nhất định thì tôi tin rằng còn hiệu quả hơn so với âm nhạc bình thường, bởi vì trong danh hiệu Phật đã hàm chứa tâm từ bi vĩ đại và trí tuệ thâm sâu cứu độ chúng sanh của đức Phật. Đồng thời danh hiệu Phật cũng khai phát ánh sáng và năng lực công đức Phật tánh vốn có bên trong của chúng ta! Năng lực công đức này đương nhiên cũng bao gồm năng lực trị liệu tâm bệnh và thân bệnh.

Đức Phật là người đã khám phá ra năng lượng Phật tánh của mình đến mức viên mãn. Khi chúng ta niệm danh hiệu Phật, Ngài cũng sẽ theo bản thể nguyện của mình mà đến hướng dẫn giúp chúng ta diệt khổ để đạt đến cảnh giới an vui.

Cô Bạn Tu của tôi là một người đã từng đau khổ nhất khi mất đức phu quân, trải qua một năm dài chìm sâu xuống đáy sâu tuyệt vọng tưởng như chỉ có cái chết mới có thể chấm hết được khổ đau. Nhưng thật may, người anh bên chồng đã giúp cô ấy vượt qua được bằng con đường hành trì niệm Phật. Tối nào cô cũng cầu siêu cho chồng ở chùa hoặc ở nhà riêng, cô đã niệm Phật A Di Đà không biết bao nhiêu biến, nhiều lắm! Trong các thời kinh Cầu siêu, A Di Đà, Kinh Địa Tạng, Lương Hoàng sám, v, v... và cô đã rút ra được một điều chia sẻ với tôi: Muốn tâm của mình bình tĩnh, cách tốt nhất là niệm Phật, không rời câu niệm A Di Đà Phật. Không kể là gặp phải bất cứ sự đau khổ hay sung sướng như thế nào, cũng phải nên niệm A Di Đà Phật. Đây là phương pháp đơn giản dễ dàng thực tập, lại nhanh chóng giúp chúng ta bình tâm trở lại. Chúng ta quán tưởng ánh sáng từ bi và trí tuệ của đức Phật chan hòa tràn đầy khắp thân tâm của mình thì sớm muộn gì sự đau khổ cũng sẽ biến mất. *Quá khứ đã qua rồi / Tương lai thì chưa đến / A Di Đà trì niệm / Hiện tại nhất định vui.*

Bước vào tuổi 57 mới học Phật, nhờ cái duyên lành gặp Đạo, cô đã chuyển hóa được khổ đau phiền não thành an vui trong thời gian rất ngắn hành trì niệm Phật. Hằng ngày cô chăm chút vườn Lan đến cả nghìn chậu, vừa chăm bón, cô vừa hát kinh bằng câu niệm A Di Đà Phật trầm bổng rất hay và còn ngâm câu thơ nhại theo của ai đó: *"Giả sử ngày mai tận thế / Đêm nay Lan vẫn nuôi trồng / Bình tâm ngắm ánh trăng trong / Hát kinh A Di Đà Phật".* Cô Bạn Tu nói là rất tiếc không tu sớm, người đời có câu: *"Tu mau kéo trễ"*, nhưng không sao, vấn đề không ở chỗ sớm hay là muộn, vấn đề là khi bạn gặp phải khổ đau chướng ngại, bạn có gặp được Thầy dạy cho cách: *"Đập nát hư không tìm lối thoát / Cài then mộng寐 tỏ đường về".*

Lối thoát đó là đường trở về với Bụt, con đường có hương hoa thơm ngát. Để không phải lạc lối giữa bể khổ trần gian này thì người con Phật luôn gọi đúng danh hiệu Ngài A Di Đà Phật, âm ba vi diệu nhất.



Búp Xuân

Xuân an lạc muôn đời ơn từ phụ
Nghĩa thậm thâm vô lượng khó đáp đền
Chấp búp sen tâm hương con bái lạy
Ánh hào quang tỏa rạng khắp tam thiên

Vô lượng Từ bóng cha hiển tỏa chiếu
Bước chân con dù vấp ngã đường đời
Trước Phật đài con quỳ xin xám hỏi
Cầu búp xuân sẽ bùng nở sớm mai.

Hoa Hạnh Lưu

Cha

Kính tặng anh L.S

Cha nương Thiên Tịnh song tu
Ba thời kinh đủ công phu mỗi ngày
Sen hồng ôm một ôm đầy
Cha hiển tâm nguyện kiếp này vì con

Lê Đan

Ảnh: Diệu Âm

Trời tháng 12 rất lạnh, đó là điều không thể chối cãi. Nhưng đừng bạn đừng vì ngại ngần mà chần chừ và lười biếng. Hãy thức dậy. Và điều cần nhất bạn nên thử làm là tự tay pha một tách trà để sưởi ấm lại trái tim trước khi nó lỗi nhịp. Bạn nhớ chuẩn bị điều này một cách khoan hòa để có một trải nghiệm thú vị. Điều tưởng như rất bình thường này có thể sẽ đem đến cho chính bạn những điều bất ngờ và lớn lao đấy.

Tôi nhớ một ngày xa xưa rồi, vào một ngày mùa đông, khi ấy tôi còn là một đứa nhóc hay ngủ nướng, đang cuộn tròn trong tấm chăn dày và mơ màng về bắp ngô thơm nức mẹ mới vui bên bếp lửa. Ôi chao, cái giấc mơ ấy mới ngọt ngào và êm ái làm sao. Thế mà bỗng dưng có bàn tay lay khẽ vai tôi.

- Dậy đi nào con gái. Khoác chiếc áo ấm lên là con đã đầy lui được cái rét đáng sợ rồi. Còn nếu biết tự tay pha

túi trà đã no nước. Một làn hương nhẹ nhẹ bốc lên lan tỏa trong không gian tĩnh lặng của căn phòng. Bố tôi ngồi yên trong chiếc ghế bên khung cửa ngắm từng động tác của tôi một cách thư thái và hài lòng.

Hơi nước bốc lên quyện vào khí trời lành lạnh phút chốc như đưa hai cha con đến một thế giới khác hẳn trong cảm nhận của tôi ...

- Con thấy ổn chứ? Trong khi tách trà quá nóng? Con hãy đợi và ngắm nghía một chút về những gì mình đã làm cho cuộc sống này, cho gia đình, người thân và cả những người có thể con chỉ gặp thoáng qua một lần? Cuộc đời không phải là một cuộc dạo chơi hay những chuyến hành trình bất tận. Cuộc đời người là một cơ hội để ta trải nghiệm và là cả những sự lựa chọn nữa. Thay vì sợ lạnh, trốn rét, con hãy chọn cách đem lại sự ấm áp cho mình. Điều ấy là hoàn toàn có thể.

Ví như con hãy bày tỏ nỗi niềm của mình với thiên nhiên, với cây cỏ, với những hương hoa đất trời khi mặt trời chưa tỏ, với cuộc sống muôn màu, với cả chính bản thân mình. Như thế lúc này, tách trà sẽ sưởi ấm cho không chỉ riêng bản thân con mà cho cả không gian này, cho cả tình cảm của cha và con, cho tất cả con những điều mà con có thể nhìn thấy và chưa nhìn thấy. Điều quan trọng nhất là con hãy học cách biết cảm nhận...

Đã nhiều năm trôi qua. Nhưng tách trà nóng vào buổi sáng mùa đông hôm ấy đã cho tôi những trải nghiệm đặc biệt và trải nghiệm ấy cũng đã theo tôi trong suốt cuộc hành trình đặt dấu chân mình vào sự sống. Thay vì than thở và tiêu cực trước mọi khó khăn, tôi luôn tìm thấy những ánh sáng le lói ở một góc khuất nào đó. Thay vì chạy nháo nhào tìm những cái bóng huyền hoặc của tương lai, tôi đi từng bước chậm rãi, bình thản và an lạc. Thay vì đắm chìm vào nỗi lo lắng từ những thất bại

nếu có trong chặng đường đã qua, tôi luôn biết dừng lại để suy ngẫm và bước tiếp.

Tuy nhiên, điều quan trọng nhất tôi muốn nhắc bạn lúc này: Bạn cũng hãy thử tìm khoảng khắc đáng nhớ của cuộc sống theo cách riêng của mình. Hay có thể pha thêm một tách trà nóng để dành cho người thân và cùng chia sẻ bạn nhé. Sự tỏa sáng của trí tuệ và tâm hồn luôn đến từ sự cẩn mẫn lao động và học tập không mệt mỏi. Nhưng nó lại thường được nhận ra khi chúng ta biết dừng lại và nhìn thật sâu và trong bản thể của chính mình.

Hãy tin tôi, tin vào sự mãnh liệt của bản thân và của tách trà. Ta phải mỉm cười khi cơn gió rét thổi qua mà tâm hồn thấy được sự bình yên...

Ảnh: Đạo Tâm



Tách trà kì diệu

● Ngọc Chân

cho mình một tách trà. Con sẽ cảm nhận được trọn vẹn sự ấm áp của mùa đông.

Lời của bố thật nhẹ mà vẫn như một mệnh lệnh của vị chỉ huy đã nhiều năm trong quân ngũ. Tôi đành ngồi dậy, cuộn chiếc chăn xếp gọn lại ngay ngắn. Vươn vai hít một hơi thở thật sâu, tôi choàng lên vai chiếc áo khoác để ngay bên cạnh giường. Xỏ chân vào đôi dép bông ấm, nhẹ nhàng bước chân, tôi đi đến kéo rèm và mở một bên cánh cửa sổ. Ánh nắng nhẹ và làn gió lạnh ùa vào phòng nhưng nó không còn là nỗi sợ hãi như tôi tưởng tượng khi còn cuộn mình trong chăn ấm.

Bình nước mới đun còn ủ nhiệt. Một túi trà nhỏ đặt vào chiếc cốc sứ. Tôi chậm rãi nhấn nút bình lọc cho đến khi



CHÙA VIỆT

Đón Tết cùng bà con kiều bào

● Lâm Bảo

Mỗi dịp Tết về, người Việt, dù ở trời Âu xa xôi hay bất cứ nơi nào trái tim cũng hướng về quê hương. Bởi vậy, đón bữa cơm Tết niên sum vầy, đón những lời chúc tết an lành đầu năm mới, ngồi bên nhau chia sẻ những vất vả cùng thành công của một năm đã qua trong tình cảm ấm áp, ta lại càng thấm thía hơn tấm lòng của những người con xa đất mẹ. Và tựa như một biểu tượng lưu giữ hồn dân tộc, dù sống ở đâu, hình ảnh một ngôi chùa thân thương luôn gợi nhắc người Việt hương về cội nguồn. Nên thế, ở rất nhiều quốc gia khác nhau trên thế giới, cũng đã có biết bao ngôi chùa của người Việt được dựng lên, trở thành địa chỉ tâm linh của những người con xa xứ.

1. Đại tông lâm Tam Bảo Sơn

Toạ lạc cạnh thị trấn Harrington (tỉnh Québec, Canada), Đại tông lâm Tam Bảo Sơn (thường gọi là chùa Tam Bảo Sơn) được xem là trung tâm văn hóa Phật giáo lớn nhất của cộng đồng người Việt ở quốc gia Bắc Mỹ này. Chùa được Hòa thượng Thích Thiện Nghị chính thức khởi công xây dựng từ năm 1988 trên một vùng đất hoang vu, gần chân núi Mont - Tremblant. Chùa chính thức khai trương từ năm 2003 và trở thành ngôi chùa Việt lớn nhất tại Canada.

Chùa nằm trên khuôn viên rộng tới 337ha với những dãy núi cao bao bọc, suối nước, rừng cây và những thảm cỏ xanh mướt, mang vẻ đẹp độc đáo của không gian kiến trúc Phật giáo hòa quyện cùng cảnh sắc thiên nhiên hùng vĩ.

Trung tâm của quần thể kiến trúc chùa Tam Bảo Sơn là chính điện Thiên Phật Tam Bảo Sơn với tượng Phật Thích Ca cao 25m, chung quanh có thêm 1.000 bức tượng Phật lớn, nhỏ với 5 biểu tượng khác nhau tượng trưng cho 5 cách hoàng pháp của Đức Thế Tôn.

Hai bên đường dẫn vào chính điện là 18 bức tượng Đức A la hán đúc bằng đồng thau đứng uy nghiêm. Phía sau chính điện là thư viện Phật giáo với trên 50.000 đầu sách. Ngoài ra, trải đều trên diện tích rộng lớn của chùa là 14 khu vườn và tượng đài với những nét đặc trưng của văn hóa Phật giáo.

Vẻ đẹp hùng vĩ của thiên nhiên, sự trang nghiêm của các pho tượng Phật đã biến Đại tông lâm Tam Bảo Sơn



Cực lạc cảnh giới Ảnh: Lâm Bảo

thành một quần thể kiến trúc chùa chiền Phật giáo độc đáo hiếm thấy giữa đất trời Bắc Mỹ xa xôi.

2. Chùa Trúc Lâm

Khánh thành trước dịp Tết Nguyên đán 2008 tại Khar-kov (Ukraina), chùa Trúc Lâm là ngôi chùa đầu tiên của người Việt Nam tại Ukraina.

Sự ra đời của ngôi chùa là tâm huyết của 2 năm chuẩn bị tỉ mỉ và 7 tháng thi công đầy nỗ lực với bàn tay của hơn 100 thợ xây, thợ mộc, nghệ nhân giàu kinh nghiệm đến từ 7 tỉnh thành phía bắc Việt Nam. Họ đã vượt ngàn dặm sang xứ người để thực hiện những công việc đòi hỏi sự khéo léo và tinh tế như đắp hoa văn bằng giấy bản, giấy



Ảnh: Lâm Bảo

dó, chạm trổ mái cong và đúc nặn những con vật linh thiêng trong chùa.

Nhiều loại vật liệu xây dựng hiếm tại Khar-kov như ngói đỏ, gỗ quý, đá hoa... đã được chuyển từ Việt Nam sang. Tất cả đều được kiểm tra kỹ lưỡng về chất lượng để bảo đảm công trình có thể chịu đựng được sương gió, bằng giá của xứ sở bạch dương. Được xây dựng bởi các bàn tay Việt, chùa Trúc Lâm - Khar-kov có đầy đủ các hạng mục như tất cả các ngôi chùa trên đất mẹ Việt Nam như điện Tam bảo, Nhà tổ, Bảo tháp, Tháp Quan âm, Tháp chuông, Tháp khánh, Nhà khách, Tam quan.

Với quần thể kiến trúc bề thế, mang đậm phong cách chùa Việt Nam, chùa Trúc Lâm không chỉ là một công trình tâm linh của người Việt mà đã trở thành một trong những công trình kiến trúc độc đáo và giá trị nhất ở thành phố Khar-kov.

3. Việt Nam Phật Quốc Tự

Là mảnh đất khai sinh ra Phật giáo, Ấn Độ là nơi hội tụ nhiều chùa chiền thuộc các quốc gia có theo Phật giáo như Trung Quốc, Nhật Bản, Nepal, Myanmar, Thái Lan, Sri Lanka, Bhutan... Tại Bodhgaya, nơi tương truyền hoàng tử Tất Đạt Đa ngồi thiền dưới gốc cây bồ đề và trở thành Đức Phật, từ năm 1987 nhà sư người Việt có pháp danh Huyền Diệu đã tiến hành xây dựng một ngôi chùa Việt Nam.

Chùa được xây dựng trên khuôn viên rộng 3,5 ha, mang tên Việt Nam Phật Quốc Tự, hoàn thành vào năm 2003. Theo giải thích của sư trụ trì, tên chùa có nghĩa là đặt "Tổ quốc Việt Nam lên trên hết".

Chùa được xây dựng kiên cố bằng bê-tông, cốt thép với cấu trúc hình vuông và hai mái cong vươn cao như đóa sen vượt khỏi mặt nước bùn lầy. Kiến trúc của ngôi chính điện cũng thể hiện được truyền thống bất khuất trước ngoại xâm của dân tộc Việt Nam.

Chính điện của chùa có chu vi 64m², cao 24m, gồm 3 tầng. Tầng 1 là pháp xá, có thể dung chứa cho khoảng 30 vị khách tăng. Tầng 2 dùng để trưng bày những di tích, kinh sách, pháp khí trong và ngoài nước. Tầng 3 là nơi tôn thờ Đức bốn Sư Thích-ca và chư vị Bồ-tát.

Phía sau chánh điện là hậu Tổ, tôn thờ các vị Thánh đệ



Ảnh: Lâm Bảo

tử và các vị Thánh Tăng Việt Nam qua các triều đại. Đối diện với bàn thờ Tổ là khu tưởng niệm các vị anh linh Tổ quốc Việt Nam, có cả ảnh chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh và lá cờ đỏ sao vàng. Các câu đối, tượng và các chữ viết trong chùa hầu hết đều dùng chữ Việt.

4. Chùa Hồng Hiền

Nằm ở vùng Fréjus (tỉnh Alpes-Côte d'Azur, Pháp) chùa Hồng Hiền được dựng lên từ năm 1917 làm nơi thờ Phật cho một số binh sĩ gốc Việt bị đưa sang Pháp bổ sung cho lính Pháp ở chính quốc thời Chiến tranh Thế giới I. Hòa thượng Thích Thanh Vực đặt tên cho chùa là "Hồng Hiền", với "Hồng" là rút từ chữ Hồng Lạc của nòi giống Việt, "hiên" là hiên ngang.

Chùa Hồng Hiền được xây dựng theo phong cách kiến trúc truyền thống của chùa Việt. Trong quá trình tồn tại, chùa đã trải qua nhiều lần trùng tu, tiêu biểu là xây thêm tháp An Lạc thờ vong năm 1988 và thỉnh một quả chuông lớn đúc theo mẫu đại hồng chung ở Huế.

Chùa Hồng Hiền là ngôi chùa cổ nhất do người Việt sáng lập ở Pháp và cũng là ngôi chùa cổ nhất trên đất Pháp. Ngày nay chùa được xem là một thắng cảnh ở miền Nam nước Pháp.

5. Chùa Thiên Phúc, Vacsava, Ba Lan

Tháng 9/2012, cộng đồng người Việt ở Ba Lan khánh thành ngôi chùa Thiên Phúc nằm ở phía nam Warszawa. Trưởng đoàn hoàng pháp trung ương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong chuyến công du châu Âu trong dịp lễ Vu Lan đã ban đạo từ tiếp nhận ngôi chùa mới từ tay ông Bùi Anh Thái, một người đã nhiều năm tâm huyết với việc xây chùa ở Ba Lan.

Chùa Thiên Phúc có lối kiến trúc giống như Chùa Một Cột, có đến thờ Mẫu cùng Tứ Phủ và Đền Hùng. Rất nhiều linh kiện được thi công ở Việt Nam rồi chuyển sang và lắp đặt. Chùa nằm trong khuôn viên thôn dã ruộng đồng, cho nên khách đến thăm có cảm giác như đang sống trong không gian tâm linh của một làng quê Bắc bộ.

Ngay sau khi khánh thành, chùa Thiên Phúc đã tổ chức được rất những sự kiện Phật giáo lớn như: Giỗ Quốc Tổ

Hùng Vương, Đại lễ Phật Đản, Đại lễ Vu Lan báo hiếu... và đã thu hút được sự hoan hỉ tham gia đông đảo của cộng đồng kiều bào tại nước sở tại. Đặc biệt, sự kiện kỷ niệm ngày Giỗ Tổ Hùng Vương năm 2013 vừa qua với đầy đủ nghi lễ: niệm Phật cầu gia bị, Khai trống hội, đoàn rước lễ vật dâng cúng các vua Hùng trong không khí trang nghiêm, thành kính, tri ân... đã thật sự gắn kết tâm hồn của tất cả những người con xa xứ. Khí thiêng sông núi, hòa quyện trong tiếng trống hội, dàn nhạc lễ trầm hùng, và những lời nguyện cầu, mọi người đều xích lại gần nhau. Thật là một ngày hội tâm linh không thể nào quên.

Hiện nay, được sự ủy nhiệm của TƯ GHPG VN, Thượng Tọa Thích Minh Trí, TS Sử học, Phó ban Phật giáo quốc tế TƯ, Trưởng ban PG quốc tế tỉnh Nghệ An đã sang trụ trì chùa Thiên Phúc. Dưới sự hướng đạo của Thượng tọa, đạo tràng Chân Tịnh chùa Thiên Phúc chắc chắn sẽ cùng kiều bào nơi này giữ vững ngôi nhà chánh pháp, trở thành ngôi nhà tâm linh chung cho cộng đồng người Việt tại Ba lan.



Ảnh: Lâm Bảo

6. Cục Lạc Cảnh Giới tự - Chiang Mai

Sáng 31/10/2010 tại làng Samoeng, (TP. Chiang Mai, Thái Lan) dưới sự chứng minh của HT. Thích Như Thọ, HT. Thích Bảo Lạc (Đà Nẵng - VN), HT. Thích Như Điển, viện chủ chùa Viên Giác - CHLB Đức... chùa Cục Lạc Cảnh Giới đã tổ chức Đại lễ khánh thành giai đoạn một.

Tại buổi lễ, ĐĐ. Thích Hạnh Nguyễn, vị sáng lập và trụ trì Cục Lạc Cảnh Giới tự đã giới thiệu khái quát về việc hình thành ngôi chùa trên đất Thái cũng như quá trình xây dựng với mục đích tạo dựng một trung tâm sinh hoạt Phật giáo tầm cỡ quốc tế.

Cục Lạc Cảnh Giới tự khởi công xây dựng vào tháng 3/2005. Từ một khu rừng núi hoang vu thuộc tỉnh Chiang Mai, miền Bắc Thái Lan, khuôn viên chùa được thiết kế gồm: khu thất Tăng, khu thất Ni và cư sĩ Ưu bà di và văn phòng. Mỗi khu vực đều có một chánh điện riêng. Riêng tại khu vực Ni và Ưu bà di chúng, chánh điện được bao bọc xung quanh bởi 6 ngôi thất. Mỗi thất đều được trang bị đầy đủ các tiện nghi nội thất. Cục Lạc Cảnh Giới tự mang nét kiến trúc văn hóa được kết hợp hài hòa giữa

nhiều truyền thống Phật giáo khác nhau, tạo thành một đạo tràng tu học thanh tịnh và riêng biệt.

ĐĐ. Thích Hạnh Nguyễn cho biết, với chủ trương hoàng bá cả ba truyền thống Nguyên thủy, Đại thừa và Kim Cang thừa, mọi sinh hoạt Phật sự và tu học đều được dựa trên nguyên lý cùng học và cùng tu...

Khóa Phật thất, huân tu Tịnh độ với pháp môn niệm Phật, cầu nguyện vãng sanh về thế giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà đầu tiên đã được tổ chức tại Cực Lạc Cảnh Giới tự vào ngày 23/10 đến 28/10/2010, thu hút được nhiều Phật tử VN từ nhiều quốc gia trên thế giới về tham dự. Khóa tu học đã đem lại nhiều thành công, an lạc cho mọi người tham dự và hứa hẹn sự phát triển rộng lớn trong tương lai.

7. Chùa một cột ở Mátxcova

Ngày 20/11/2013, tại Mátxcova đã diễn ra lễ khánh thành Trung tâm thương mại Đa chức năng Hà Nội - Mátxcova sau hơn 3 năm với tổng vốn 224 triệu USD.

Ngôi chùa được xây dựng ngay bên cạnh Trung tâm Văn hóa - Thương mại Hà Nội - Mátxcova, gồm chùa, ao và một số biểu tượng mang đậm dấu ấn văn hóa hai nước.

Chùa được dựng theo tỷ lệ 1:1 so với chùa ở Hà Nội. Tất cả gỗ, đá... được chế tác tại Việt Nam và đưa sang Nga lắp đặt. Đây là một phần trong Trung tâm Văn hóa - Thương mại Hà Nội - Mátxcova - một hạng mục quan trọng nằm trong chương trình hợp tác giữa Việt Nam và Liên bang Nga.

Việc xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thương mại (đa chức năng) Hà Nội - Mátxcova được khởi công ngày 10/5/2010 với sự tham dự của Chủ tịch Nước Nguyễn Minh Triết, công trình đã cơ bản hoàn thành sau ba năm rưỡi thi công đặc biệt khẩn trương. Sự ra đời của dự án có ý nghĩa đặc biệt quan trọng với cộng đồng người Việt ở Mátxcova và Liên bang Nga, là nơi làm ăn có đầy đủ cơ sở pháp lý cho họ đồng thời củng cố mối quan hệ hữu nghị truyền thống, hợp tác nhiều mặt giữa thủ đô hai nước, là cầu nối doanh nghiệp hai bên, thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Liên bang Nga.

Tiếng chuông chùa ngân vang trong trẻo trong chiều Mátxcova, đánh dấu một thời điểm có ý nghĩa đặc biệt trong đời sống tâm linh của cộng đồng Việt trên xứ sở Bạch Dương.

8. Chùa Phổ Đà tại Đức

Trước khi chùa Phổ Đà khánh tiết, vùng Tây Đức chỉ có lác đác vài ngôi chùa Việt. Tuy nhiên, cả Đông Đức chưa có một ngôi chùa Việt nào. Trong khi đó, cộng đồng người Việt tại Đức ngày một đông hơn. Người Việt xa xứ, đời sống văn minh vật chất có thể tốt hơn. Nhưng nhu cầu tâm linh cũng trở nên cần thiết hơn bao giờ hết.

Trung tâm thương mại Thái Bình Dương rộng hơn 51.000m, là khu đất đầu tiên thuộc sở hữu hoàn toàn của người Việt khi đã hoàn tất thủ tục mua bán với chính quyền sở tại. Đây cũng là trung tâm thương mại có hàng trăm công nhân người Việt sống và làm việc. Chị Trịnh Thị



Bảo Tháp chùa Hồng Hiền Ảnh: Lâm Bảo

Mùi, Tổng Giám đốc TT đã trần trở rất nhiều trước khi cất 1.400m đất và văn phòng để dành riêng cho chùa Phổ Đà tọa lạc.

Vào những dịp lễ lớn như Tết Nguyên đán mừng Xuân Di Lặc, Lễ mừng Phật Đản sinh, Đại lễ Vu lan... tại chùa Phổ Đà và Trung tâm văn hóa Việt, các nghi lễ thăm nhuần Đạo pháp luôn được tổ chức hòa quyện với các hoạt động văn hóa hướng tới cộng đồng như: cùng gói bánh chưng đón năm mới, ngày mừng một đi chùa xin lộc cầu may, cùng li xì chúc nhau điều an lành....

Hiểu được tâm lý, nguyện vọng của cộng đồng người Việt sinh sống tại Đức, có những thế hệ sau sinh ra và lớn lên không được học và biết chữ quốc ngữ, ngay tại trung tâm thương mại, Trung tâm văn hóa dạy chữ quốc ngữ, dạy tiếng Việt cho người Việt cũng được hình thành. Ở trung tâm văn hóa, các em nhỏ được học chữ, được nghe kể về phong tục tập quán của người Việt xưa, được làm quen với những câu thành ngữ, tục ngữ, được nghe các làn điệu dân ca... Những câu chuyện kể dần dần khơi gợi trong tâm hồn trẻ thơ của các em hình dung về quê hương, về nơi chôn rau cắt rốn của tổ tiên ông bà, cha mẹ mình.

Giữ được ngôn ngữ là giữ được văn hóa. Văn hóa còn là dân tộc còn. Dân tộc còn thì người Việt còn. Bởi vậy những ngôi chùa Việt tại các nước đã và sẽ góp phần giữ gìn bản sắc dân tộc Việt, giữ gìn hồn Việt không bị hòa tan trong sự phát triển chung của nhân loại.

Cùng với ý nghĩa đó, tất cả các ngôi chùa Việt được xây dựng trên khắp các quốc gia trên thế giới chính là nơi tụ linh của ánh từ quang Phật pháp soi rọi, tỏa chiếu hồn dân tộc và cũng chính là nơi gieo trồng, nuôi dưỡng những hạt giống văn hóa dân tộc trên những mảnh đất mới trong dòng chảy văn hóa nhân loại.

Một mùa xuân mới lại về! Tâm hồn những người Việt từ những mảnh đất xa xôi khắp mọi phương trời giống như những ngọn gió lành đều muốn hướng về đất mẹ. Phật pháp nhiệm màu. Hồn dân tộc dưới mỗi mái chùa dù ở đâu đều tỏa bóng dưới ngôi nhà chung Phật pháp.

KHÁNH THÀNH TƯỢNG PHẬT HOÀNG TRẦN NHÂN TÔNG



Khánh thành tôn tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông. Ảnh: NHK

Nhân kỷ niệm 705 năm Phật hoàng Trần Nhân Tông nhập Niết bàn, sáng 03/12/2013 tại khu An Kỳ Sinh (Yên Tử), Hội đồng Trị sự GHPGVN và BTS GHPGVN tỉnh Quảng Ninh đã long trọng cử hành lễ tưởng niệm và khánh thành tôn tượng Đức Phật hoàng Trần Nhân Tông.

Tôn tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông được tôn tạo tại khu An Kỳ Sinh với độ cao 1.000m so với mực nước biển; được thiết kế theo nguyên mẫu Phật hoàng được thờ trong tháp chùa Hoa Yên, diện hướng về bãi cọc Bạch Đằng, đúc bằng đồng nguyên khối, cao 12,6m (phần thân tượng 9,9m, phần bệ rộng 2,7m) tổng trọng lượng là 138 tấn.

Công trình trải qua hơn 4 năm chuẩn bị, đầu tư, thi công xây dựng và đã huy động 5.000 lượt người tham gia vận chuyển hơn 6.000 tấn nguyên liệu, vật liệu các loại, san tấp hơn 3.000 khối đá... Với tổng kinh phí gần 75 tỷ đồng.

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM ĐĂNG CAI VESAK 2014



Ảnh: NHK

Ngày 07/10/2013 tại Văn phòng 2 TUGH, Thiền viện Quảng Đức, Q.3, TP. Hồ Chí Minh, Ban Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN, Ban Phật giáo Quốc tế Trung ương đã có phiên họp bàn về nhân sự tham gia Ủy ban Tổ chức Đại lễ Vesak LHQ 2014 tại Việt Nam, do GHPGVN đăng cai tổ chức với sự chấp thuận của Chính phủ. Ngày 24/11/2013, TƯ GHPGVN long trọng tổ chức Họp báo về việc GHPGVN chính tổ chức Đại lễ Phật đản LHQ Vesak 2014 tại khách sạn Crowne Plaza, Hà Nội.

GHPGVN đăng cai Đại lễ Vesak LHQ lần thứ 11 và Hội thảo Phật giáo quốc tế tại Chùa Bái Đính, tỉnh Ninh Bình, từ ngày 7 - 11/5/2014. Với chủ đề chính là "Phật giáo góp phần thực hiện thành tựu các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của Liên Hợp quốc".

Đại lễ Vesak 2014 dự kiến tiếp đón khoảng 10.000 người tham dự lễ hội, bao gồm 1.500 lãnh đạo các Giáo hội, hệ phái Phật giáo, các Giáo sư, Tiến sĩ, học giả Phật giáo cũng như các Phật tử hành trì thuộc nhiều truyền thống Phật giáo đến từ khoảng 90 - 100 quốc gia, vùng lãnh thổ trên khắp thế giới và 8.500 tăng, ni, đồng bào Phật tử nhân dân Việt Nam.

TƯỞNG NIỆM ĐỨC ĐỆ NHẤT PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PG VIỆT NAM - CỐ TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH ĐỨC NHUẬN



Ảnh: AP

Sáng 08/12 tại tổ đình Kim Liên (Xã Đồng Hương, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình) đã long trọng diễn ra lễ tưởng niệm 20 năm ngày Đức Đệ nhất Pháp chủ GHPGVN, cố Trưởng lão HT.Thích Đức Nhuận viên tịch (1993 - 2013).

Với 97 tuổi đời, 77 tuổi đạo với nhiều công việc nhiều cương vị trong tổ chức Phật giáo lúc bấy giờ, cuộc đời và

sự cống hiến cho Đạo pháp, cho Dân tộc của cố Trưởng lão Hòa thượng, vị Pháp chủ đầu tiên của GHPGVN là tấm gương tiêu biểu về hoạt động không mệt mỏi để chấn hưng Phật giáo, để truyền bá Phật cho đông đảo Tăng Ni, Phật tử và nhân dân. Đồng thời, làm rõ bản chất tốt đẹp của Phật giáo, khơi dậy lòng vị tha, lòng nhân ái trong mỗi con người, nhằm góp phần kiến tạo một xã hội, mà ở đó, mọi người sống với nhau trong tình yêu thương và sự khoan dung.

TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH THANH BÍCH VIÊN TỊCH



Lễ tang Trưởng lão Hoà thượng Thích Thanh Bích. Ảnh: NHK

Trưởng lão Hòa thượng Thích Thanh Bích, Phó Pháp chủ kiêm Giám luật Hội đồng Chứng minh, Viện chủ Tổ đình Hội Xá (Xã Thăng Lợi, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội) viên tịch vào lúc 08 giờ 20 ngày 23/3/2013 (nhằm ngày 12/02 năm Quý Tỵ). Trụ thế 101 năm, Hạ lạp 76 năm. Trưởng lão Hoà thượng là một người có đức tính rất khiêm cung và giản dị. Cuộc sống hàng ngày của Ngài cũng vô cùng thanh bạch và đạm bạc. Cả một đời quần áo nâu sồng, trai giới nghiêm mật. Hòa thượng là tấm gương sống động, hiện tiền, sáng ngời cho các thế hệ hậu lai noi theo. Đức Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam - Trưởng lão HT. Thích Phổ Tuệ đã nói về đạo hạnh của Trưởng lão HT. Thích Thanh Bích: "...Trước sau Cụ luôn có đạo đức chất phác thủy chung... có Đạo hạnh tu hành, tác phong của Cố Đức. Chúng tôi luôn luôn ghi nhận Cụ là Người có thể tiêu biểu cho giới tu hành hạnh giới hiện đại, là Bậc thuần túy đạo đức, trai giới tịnh nghiêm."

KHỞI CÔNG XÂY DỰNG "PHẬT ĐÀI QUỐC THÁI DÂN AN"



Lễ công bố quyết định và Ra mắt ban Thông tin Truyền thông Ảnh: NHK

Ngày 28/02/2013, Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên long trọng tổ chức lễ khởi công xây dựng phần móng Phật đài Hộ Quốc An Dân. Đây là kỷ lục lần đầu tiên Phật giáo Việt Nam có một công trình đầu tượng Phật cao 16m, tương đương tòa nhà cao 5 tầng. Được biết tượng Phật Đài cao 49m bằng đá hoa cương có độ bền hàng nghìn năm, dầy từ 2 đến 3m, bên trong là một bảo tháp 10 tầng tượng trưng cho 10 pháp giới, được trang trí nội thất bằng đá cẩm thạch, có tổng kinh phí từ bốn trăm đến năm trăm tỉ đồng, được coi là một công trình văn hóa mỹ thuật có tầm cỡ quốc gia và quốc tế.

RA MẮT 03 BAN MỚI CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Đó là Ban Thông tin Truyền thông, Ban Pháp chế và Ban Kiểm soát. Trong đó, việc thành lập Ban Thông tin Truyền thông (TTTT) với 99 thành viên có vai trò rất quan trọng.

Ngoài việc thông tin chính xác, đầy đủ, rộng rãi về các hoạt động của Giáo hội, Ban TTTT còn thực hiện nhiệm vụ truyền bá chính Pháp thông qua việc ca ngợi văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam nói chung và đạo Phật nói riêng. Hướng phật tử và đạo hữu cũng như toàn thể đồng bào cùng đến với chân, thiện, mỹ, góp phần tăng cường sự đoàn kết, gắn bó trong toàn xã hội. Ngoài ra, Ban TTTT còn có nhiệm vụ kết nối giữa Giáo hội và các cá nhân, tổ chức bên ngoài để tạo mối liên kết mạnh mẽ giữa đạo và đời nhằm nâng cao

vai trò của Phật giáo trong đời sống nhân dân, góp phần xây dựng hòa bình, an lạc trên thế giới.

THÀNH LẬP BAN TRỊ SỰ GHPGVN TỈNH HÀ GIANG

Sáng 12/7/2013, tại Thành phố Hà Giang đã long trọng tổ chức Lễ công bố ra mắt Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Hà Giang, nhiệm kỳ 2012 - 2017. Nhiệm kỳ này do Hòa thượng Phó Chủ tịch HĐTS TUGHPGVN Thích Gia Quang làm Trưởng BTS GHPGVN tỉnh. Được biết, hiện nay toàn tỉnh có 04 ngôi chùa đặt dưới sự quản lý của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Trong đó có chùa Sùng Khánh và Bình Lâm, Quán Âm, Hộ Quốc... có sự trợ trì và hướng dẫn phật tử tu tập còn



Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Hà Giang, nhiệm kỳ 2012 - 2017 Ảnh: NHK

lại các chùa khác do ngành Văn hóa thể thao và du lịch hoặc chính quyền địa phương quản lý, hay các gia đình, dòng họ quản lý. Do vậy, việc kiện toàn và hình thành BTS GHPGVN tỉnh Hà Giang cũng như thỉnh Chư Tăng, Ni về trụ trì, hướng dẫn cho phật tử sinh hoạt Phật pháp theo đúng chính pháp, Hiến chương của Giáo hội có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc xây dựng và phát triển GHPGVN tại các tỉnh vùng núi phía Bắc.

ĐẠI LỄ TƯỜNG NIỆM 50 NĂM BỐ TÁT THÍCH QUẢNG ĐỨC VỊ PHÁP THIÊU THÂN

Đại lễ Kỷ niệm 50 năm Bồ tát Thích Quảng Đức vị pháp thiêu thân do Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Khánh Hòa tổ chức, với sự hỗ trợ của Ban Văn hoá T.Ư, diễn ra trong 3 ngày 28, 29 và 30/5 với nhiều hoạt động như triển lãm tường niệm, giao lưu nhân chứng và thời đại, lễ tưởng niệm tâm



Ảnh: NHK

linh, hành hương về quê hương Bồ-tát, thuyết giảng, thuyết trình, văn nghệ cúng dường... Các hoạt động chính hầu hết đều được diễn ra tại chùa Long Sơn, Văn phòng BTS GHPGVN tỉnh Khánh Hoà.

KHÁNH THÀNH QUẢN THỂ CHÙA KHMER Ở HÀ NỘI

Quần thể chùa Khmer đã được long trọng khánh thành vào sáng 23/11 tổ chức tại Làng Văn hoá - Du lịch các dân tộc Việt Nam (Đông Mô - Sơn Tây - TP. Hà Nội). Đây là một hoạt động tiêu biểu trong khuôn khổ của



Quần thể chùa Khmer Ảnh: NHK

tuần lễ "Đại đoàn kết các dân tộc - Di sản văn hoá Việt Nam".

Quần thể chùa Khmer được khởi công xây dựng theo nguyên mẫu chùa Khleang tại Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Sau gần 4 năm thi công, với sự tham gia của các chủ thể văn hoá, các nghệ nhân và đồng bào dân tộc Khmer, công trình đã hoàn thành và hiện hữu trang nghiêm giữa lòng Thủ đô Hà Nội, không chỉ đáp ứng lòng mong mỏi của đồng bào dân tộc Khmer Nam Bộ, mà còn là nguyện vọng chung của đồng bào ta trong cả nước.

BTV Tổng hợp

ẤN ĐỘ: DÁT VÀNG MÁI VÒM CỦA ĐẾN ĐẠI GIÁC NGỘ VÀ LỄ TỤNG KINH TAM TẠNG QUỐC TẾ TẠI BỐ ĐẾ ĐẠO TRÀNG



Photo: The New Paper

Mái vòm của đền Đại Giác ngộ sẽ được dát với 300kg vàng do vua Thái Lan và các tín đồ khác cúng dường.

Ông N. Dorjee, thư ký của ban quản lý ngôi đền này, cho biết, khoảng 100 kg vàng đã được cúng dường bởi vua Thái Lan và phần còn lại bởi các tín đồ Phật giáo. Giai đoạn đầu của công việc là phần xử lý hóa học, vốn đã hoàn tất vào tháng 8. Phần này đã chuẩn bị nền tảng cho việc dát vàng. Bây giờ cấu thang đã được lắp đặt xung quanh mái vòm của ngôi đền để cho phép các chuyên gia lên đến đỉnh của cấu trúc này và dát nó bằng những miếng vàng mỏng.

Lễ Tụng Kinh Tam tạng Quốc tế tại Bồ đề Đạo tràng: Lễ Tụng kinh



Chùa Đại Giác ngộ tại Bồ đề Đạo tràng
Photo: Daily Mirror

Tam Tạng Quốc tế đã bắt đầu vào ngày 3/12/2013 tại Bồ đề Đạo tràng với sự tham dự của hàng nghìn tăng sĩ và tín đồ từ khắp thế giới. Lễ hội 10 ngày này kết thúc vào ngày 12/12/2013. Các vị cao tăng và tín đồ từ các nước như Bangladesh, Cam Bốt, Ấn Độ, Nepal, Miến Điện, Thái Lan, Tích Lan và Việt Nam sẽ tham gia sự kiện này.

Như một phần của lễ hội, một nhà sư đã thắp sáng các ngọn đèn trước khi bắt đầu phần tụng niệm kinh Tam tạng thiêng liêng của Phật giáo. Bộ kinh này bao gồm 18.000 bài pháp giảng và khoảng 84.000 câu chuyện về Đức Phật.

(ANI - December 4, 2013)

ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA CHIA BUỒN VỚI GIA ĐÌNH ÔNG MANDELA

Đức Đạt la Lạt ma đã gửi thư chia buồn đến gia đình cựu tổng thống Nam Phi Mandela, người vừa từ trần vào ngày 5/12/2013.

Đức Đạt lai Lạt ma nói ngài sẽ nhớ "người bạn thân mến" Mandela, và ngài ca ngợi người quá cố là một người đàn ông can đảm, nguyên tắc và toàn vẹn, một con người tuyệt vời, là một trong số những người mà chúng ta thật sự có thể nói: "Ông đã sống một cuộc đời đầy ý nghĩa".

Đức Đạt lai Lạt ma nói ngài cầu nguyện cho ông Mandela và gửi lời chia buồn chân thành của mình đến các thành viên của tang quyến và toàn thể nhân dân Nam Phi.

Ông Mandela, người được bầu làm tổng thống da đen đầu tiên của Nam Phi sau khi trải qua gần 3 thập kỷ trong nhà tù, đã từ trần ở tuổi 95 sau các biến chứng từ nhiễm trùng phổi.

(Novinite.com - December 6, 2013)

VƯƠNG QUỐC ANH: GIẢNG DẠY CÁC NGUYÊN LÝ PHẬT GIÁO TẠI TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐẠO PHÁP BRIGHTON

Brighton, Vương quốc Anh - Trường Tiểu học Đạo pháp ở Brighton là trường tiểu học duy nhất tại Vương quốc Anh cung cấp một nền giáo dục dựa trên những giá trị Phật giáo. Ngôi



trường không có quỹ tài trợ này được mở cho trẻ em 3 đến 11 tuổi thuộc tất cả các tín ngưỡng tôn giáo và các nền văn hóa, cung cấp một nền giáo dục học tập có chất lượng kết hợp với giáo lý Phật giáo để hỗ trợ sự phát triển của chánh niệm, lòng từ bi và trách nhiệm công cộng.

Thông qua Phật giáo dựa trên những đặc tính, việc thiền định hàng ngày và sự thực hành chánh niệm, các giáo viên khuyến khích học sinh trau dồi sự tập trung, tự kiểm, trí tuệ và lòng từ bi. Phật giáo không được dạy như là một "tín ngưỡng" mà là như một tập hợp của các nguyên lý và các công cụ để sống một cuộc sống hữu ích và hạnh phúc.

(Mahabhodi IP - December 14, 2013)

TÍCH LAN: "NHỮNG GIÁ TRỊ PHẬT GIÁO CÓ THỂ NGĂN CHẶN CÁC MỐI ĐE DỌA HÒA BÌNH THẾ GIỚI"



Tại một buổi lễ được tổ chức ở Trung tâm Phật giáo Quốc tế Wellawatte (một vùng ngoại ô của Colombo) vào ngày 15/12/2013, Bí thư Ban Các vấn đề Quốc hội của Tổng thống Tích Lan là ông Kumarasiri Hettige nói. "Ngày mà những người quyền lực trên thế giới hiểu được những giá trị

của Phật giáo, các mối đe dọa đối với hòa bình thế giới có thể bị ngăn chặn?

"Cơ sở của mối quan hệ lịch sử giữa Nhật Bản và Tích Lan là Phật giáo, và nếu mối quan hệ như vậy tồn tại trong tất cả các quốc gia thì thế giới sẽ là một nơi bình yên để sống", ông Hettige nói.

Buổi lễ đánh giá cao sự hỗ trợ được mở rộng bởi chùa Minoubu để ủng hộ các công tác tôn giáo và xã hội do Thượng tọa Trưởng lão tăng Tích Lan Maharagama Mahinda, Sư trưởng đương nhiệm của Trung tâm Phật giáo Quốc tế Wellawatte thực hiện.

(Dailynews.lk - December 20, 2013)

SINGAPORE VÀ HÀN QUỐC LÀM TỬ THIÊN

Phòng thường trực Phật giáo Singapore (SBL) tặng nạn nhân động đất Philippines \$25.000; Hàn quốc Giáo hội Phật giáo Won cứu trợ nạn nhân bão Haiyan của Phi Luật Tân



khoảng 100 triệu won (94.200 usd).

SBL cũng thu thập thêm được 8 tấn gạo và nước đóng chai và sẽ gửi đến Philippines cho những người sống sót của trận siêu bão Yolanda. Nhóm này sẵn sàng giúp dựng một trường học hoặc thư viện cho trẻ em tại những khu vực bị ảnh hưởng bão.

Vào ngày 16/11/2013, đội cứu trợ của Phật giáo Won - một trong những tôn giáo hàng đầu của Hàn quốc - cũng cử đội khẩn cấp của mình đến Tacloban, thành phố bị ảnh hưởng lớn nhất của quốc đảo Phi Luật Tân và trao hàng cứu cho cư dân tại đây. Các quan chức gia nhập giáo phái Phật giáo Hàn quốc này nói rằng họ

sẽ nỗ lực hết mình để cung cấp cứu trợ cho các nạn nhân và sửa chữa các thiệt hại từ trận bão nói trên.

(Yonhap - December 9, 2013)

ISRAEL: THÀNH LẬP ĐẾN THỜ PHẬT GIÁO TÍCH LAN ĐẦU TIÊN TẠI ISRAEL



Hình ảnh ngày khánh thành đến thờ Phật giáo Tích Lan tại Tel Aviv, Israel

Photo: Daily Mirror

Ngày 26/11/2013, đến thờ Phật giáo đầu tiên đã được thành lập tại Israel để phụng sự cho cộng đồng khoảng 7.000 người Tích Lan tại đất nước này.

Nằm trong một khu chung cư cao ở thành phố Tel Aviv, cơ sở hiện nay sẽ phục vụ như một đến thờ tạm thời cho đến khi tìm được một địa điểm rộng rãi thuận tiện hơn cho cộng đồng người Tích Lan.

Sư trưởng đương nhiệm là Thượng tọa Dhammathilaka và Đại sứ Tích Lan tại Israel đã phối hợp giám sát việc sắp xếp để bảo đảm cho việc thành lập đến thờ này, vốn là một sự kiện mang tính bước ngoặt lịch sử, vì đây là lần đầu tiên một đến thờ Phật giáo Tích Lan được thành lập tại Israel kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao giữa 2 nước.

(Daily Mirror - November 27, 2013)

NEPAL: PHÁT HIỆN "ĐẾN THỜ PHẬT GIÁO CỔ NHẤT THẾ GIỚI" TẠI LÂM TÌ NI VÀ XÂY DỰNG BẢO THÁP ĐẠI GIÁC HÒA BÌNH THẾ GIỚI

Một phát hiện khảo cổ học nổi bật tại Lâm Tì Ni - địa điểm hành hương Phật giáo tương truyền là nơi Đức Phật đản sinh - đã mở ra suy



đoán rằng ngày sinh của Đức Phật sớm hơn một thế kỷ so với người ta thường nghĩ.

Nhà khảo cổ học Robin Coningham dẫn đầu một đội khai quật bên dưới ngôi chùa Maya Devi - có từ thế kỷ thứ III trước Công nguyên, hiện còn tồn tại đã phát hiện một đến thờ cổ hơn nhiều, có niên đại từ thế kỷ thứ 6 trước Công nguyên. Coningham tuyên bố trong một bài báo đăng trên tạp chí Cổ vật rằng đội của mình đã tìm thấy "đến thờ Phật giáo lâu đời nhất trên thế giới".

Việc xây dựng Bảo tháp Đại giác Hòa bình Thế giới: Được khởi công



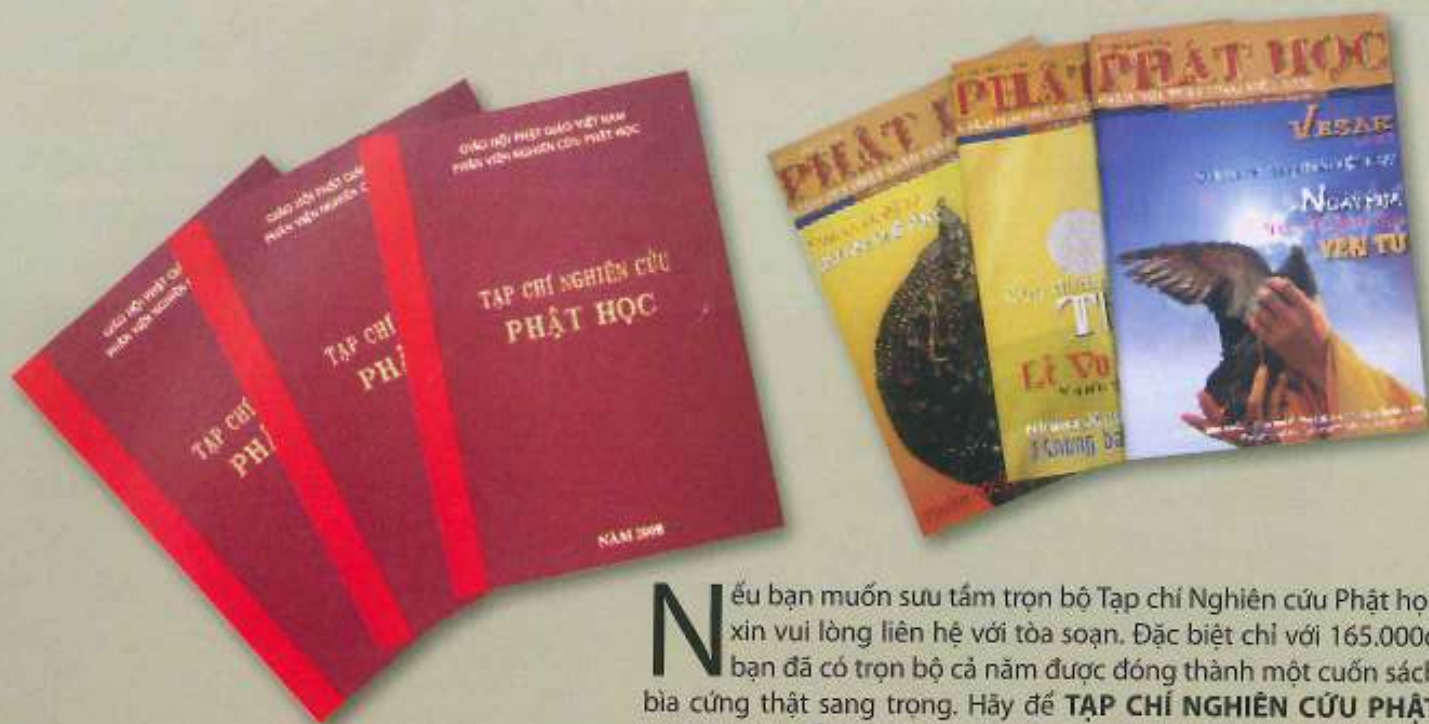
tại Lâm Tì Ni, Nepal với sự tham dự của một số các vị quan chức và chức sắc.

Chương trình xây dựng Bảo tháp đã được lãnh sự Ấn Độ tại Nepal là ông Ranjeet Rae chính thức khởi động vào ngày 24/11/2013. Ông nói, "Triết lý và tôn giáo của Đức Phật đã đóng một vai trò quan trọng để củng cố mối quan hệ Ấn Độ - Nepal thông qua các mối liên kết về xã hội và văn hóa."

Ông nhấn mạnh về việc xây dựng mạng mạch Phật giáo - vốn sẽ nối kết Lâm Tì Ni, nơi Đức Phật đản sinh và Bồ đề Đạo tràng, nơi Đức Phật giác ngộ và những địa điểm khác liên quan đến Đức Phật.

(Tipitaka Network - December 1, 2013)

SƯU TẦM TRỌN BỘ TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC



Nếu bạn muốn sưu tầm trọn bộ Tạp chí Nghiên cứu Phật học xin vui lòng liên hệ với tòa soạn. Đặc biệt chỉ với 165.000đ bạn đã có trọn bộ cả năm được đóng thành một cuốn sách bìa cứng thật sang trọng. Hãy để **TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC TRỌN BỘ** năm 2012 - 2013 trên giá sách nhà bạn: vừa thuận tiện cho việc lưu trữ, vừa dễ dàng để bạn tra cứu khi cần.

20 bạn đọc đầu tiên đăng ký mua sách trọn bộ năm 2012 - 2013

sẽ được tặng 01 phần quà của Tạp chí. Bạn đọc Hà Nội xin mời đến mua tại tòa soạn, bạn đọc ngoài Hà Nội vui lòng liên hệ với chúng tôi qua số: 04 - 3. 9 423 887 để biết thêm chi tiết về cước phí bưu điện.

PHIẾU ĐĂNG KÝ ĐẶT MUA TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC NĂM 2014

Kính mời: Quý chư tôn đức Tăng Ni, Phật tử, độc giả đăng ký mua Tạp chí Nghiên cứu Phật Học năm 2013

- | | |
|---|--------------|
| <input type="checkbox"/> Số 1 Xuân 2012 (tháng 1+2), phát hành ngày 15/01/2014 | Giá 30.000đ |
| <input type="checkbox"/> Số 2 (tháng 3+4), phát hành ngày 15/03/2014 | Giá 25.000đ |
| <input type="checkbox"/> Số 3 Mừng Phật đản (tháng 5+6), phát hành ngày 15/5/2014 | Giá 30.000đ |
| <input type="checkbox"/> Số 4 (tháng 7+8), phát hành ngày 15/07/2014 | Giá 25.000đ |
| <input type="checkbox"/> Số 5 (tháng 9+10), phát hành ngày 15/09/2014 | Giá 30.000đ |
| <input type="checkbox"/> Số 6 (tháng 11+12), phát hành ngày 15/11/2014 | Giá 25.000đ |
| <input type="checkbox"/> Tạp chí cả năm (6 số) | Giá 165.000đ |
| <input type="checkbox"/> Cước gửi tạp chí về tận nhà (theo nhu cầu) | Giá 50.000đ |

Để được giao báo tại nhà độc giả ngoài Hà Nội vui lòng đặt báo tại bưu điện gần nhà bạn nhất. Mã số đặt **Tạp chí Nghiên cứu Phật học** qua bưu điện (Công ty Phát hành Báo chí Trung ương) là C356. Độc giả Hà Nội muốn giao báo tại nhà vui lòng trả thêm cước phí chuyển phát.

Mọi thông tin về việc đặt mua báo, chi phí chuyển phát xin vui lòng liên hệ với chúng tôi theo địa chỉ:

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC

Chùa Quán Sứ, 73 phố Quán Sứ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội * Điện thoại: 04 - 3 9 423 887

Tài khoản: Phân viện Nghiên cứu Phật học

Sở giao dịch 1 - Ngân hàng Công Thương Việt Nam * Số tài khoản: 102010000032825



VINCOM CITY TOWERS

"Where all the famous brands meet"



Exciting

Stylish

Fashionable

Comfortable

Famous brands

Unique & Modern

Entertainment

ADD:
191 Ba Trieu Str.,
Hai Ba Trung Dist., Hanoi
Tel: (84-4) 974 2899
Fax: (84-4) 974 2868
<http://www.vincomjsc.com>

VINCOM CITY TOWERS

Hanoi's most modern prestigious shopping complex with up to date fashion excellent food and great entertainment

GREAT SHOPPING

International & famous Brands
Good warranties and services
Cool and fresh environment
with fully air conditioning system

FOOD COMPLEX

Great restaurants Variety
of Asian and Western food

MODERN CINEMA COMPLEX

(Opening 26th April 2006)
8 most modern cinemas

GAMES WORLD A SAFE PLACE TO LEAVE YOUR KIDS

(Legend Garden)
Fun and relaxing choice of games

